

THÍCH THANH TỪ

XUÂN TRONG CỬA THIÊN
TẬP 4

THƯỜNG CHIẾU
Ấn Tổng : PL.2542 -1998

LỜI ĐẦU SÁCH

Nói đến Xuân là nói đến hoa nở, chim hót, lòng người nô nức đón Xuân. Nhưng Xuân đến rồi đi, hoa nở rồi tàn, Xuân thế tục lệ thuộc thời gian là như vậy... Chỉ có Xuân trong đạo mới vượt khỏi thời gian, mùa Xuân bất tận lúc nào cũng sẵn trong lòng người tỉnh giấc.

Thế nên hằng năm mỗi độ Xuân về, Thầy chúng tôi, Hòa thượng Viện trưởng Thiền viện Chân Không, Thường Chiếu và Trúc Lâm, vào đêm Trừ tịch và ngày Tết Nguyên Đán, thường nhắc nhở Tăng Ni và Phật tử kiểm điểm lại việc làm trong năm qua và sách tấn tất cả nỗ lực tiến tu trong năm mới, để hằng sống mùa Xuân đạo vị:

Thương xuân bao nỗi, thương xuân ý,
Khi chợt dừng theo, chẳng thốt lời.
(Khả liên vô hạn thương xuân ý,
Tận tại đình châm bất ngữ thì.)
(Thiền sư Huyền Quang)

Vì lợi ích chung, chúng tôi xin phép Hòa thượng ghi lại những buổi nói chuyện của Người tại Thiền viện Thường Chiếu trong những năm 1990-1991-1992 để tiếp theo quyển "Xuân Trong Cửa Thiền" tập I, tập II và tập III. Lời dạy của Thầy chúng tôi lúc nào cũng bình dị, nhưng tha thiết tâm lão bà, cốt sao cho hàng đệ tử nắm vững đường lối tu hành và có một nếp sống hài hòa an lạc cho đến ngày viên mãn đạo quả.

Tuy trong các bài pháp có những thơ kệ trùng lặp với những năm trước, song mỗi lần lặp lại là mỗi lần mới, mỗi lần đọc lại là mỗi lần thấm thêm ý nghĩa Xuân trong cửa Thiền.

Chúng tôi cố gắng ghi lại trung thực ý của Hòa thượng Viện trưởng để công hiến quý bạn đọc chút quà mọn nhân buổi đầu Xuân. Chắc khó tránh khỏi những điều sơ sót, mong quý đọc giả thông cảm bỏ qua cho.

Kính ghi,
Thiền sinh khu Thường Chiếu
Thuần Tịnh- Thuần Chơn
Mùa an cư 1995



TRỌNG TRÁCH NGƯỜI TU PHẬT TẮT NIÊN KỶ TỴ 1990

Theo thông lệ hằng năm, vào đêm Trừ tịch, Thiền viện có tổ chức buổi lễ Tắt niên. Chư Tăng Ni và Phật tử về đây chung vui và góp ý kiến xây dựng nhắc nhở nhau tinh tiến tu hành. Đây là dịp chúng ta ôn lại những việc làm trong năm qua, tìm những điểm khuyết để tu sửa và những điểm ưu để tăng tiến. Tuy chúng ta tùy thế tục nên có buổi liên hoan, nhưng vẫn đi đúng chánh pháp là sách tấn nhau tiến bước trên đường tu giải thoát.

Giờ đây chúng tôi nêu lên một câu hỏi rất thiết thực: Trọng trách người tu Phật là thế nào? Câu trả lời đầy đủ nhất là trọng trách người tu Phật gồm ba phần: một là Giải thoát, hai là Giác ngộ, ba là Từ bi. Đó là ba điều kiện người tu nào cũng phải có đủ.

Vậy tất cả Tăng Ni và Phật tử khi phát nguyện tu theo lời Phật dạy, phải thể quyết đập tan xiềng xích sanh tử đã áp đặt trên con người chúng ta từ vô lượng kiếp đến giờ. Đó là giải thoát. Giải thoát sanh tử là một việc làm quá to lớn, người thế gian không bao giờ dám nghĩ đến, vì họ cho sanh tử là một qui luật không ai thoát khỏi. Nhưng người tu chúng ta khi đã nguyện đã quyết thì thế nào chúng ta cũng làm được. Chính đức Phật khi xưa đã tìm ra con đường giải thoát khỏi sanh tử, ngày nay chúng ta ý thức được việc đó là chánh đáng, là cao thượng, thì noi gương Ngài chúng ta cũng quyết đập tan xiềng xích sanh tử cho kỳ được.

Kê đến chúng ta phải quyết thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ trong nhà đen tối vô minh từ vô lượng kiếp, đó là giác ngộ. Thật vậy người tu muốn giải thoát sanh tử thì trước phải giác ngộ. Đức Phật ngồi thiền dưới cội bồ-đề và Ngài giác ngộ chứng được tam minh: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lưu tận minh. Túc mạng minh là trí tuệ biết rõ vô số kiếp về trước của mình. Thiên nhãn minh, còn gọi là sanh tử trí, là trí thấy rõ ràng nguồn gốc sanh tử của chúng sanh. Lưu tận minh là trí tuệ dứt hết các lậu hoặc để giải thoát sanh tử. Như thế chúng ta tu là phải mở sáng mắt trí tuệ để dẹp tan đen tối vô minh.

Giải thoát và giác ngộ được phần nào, chúng ta không đành lòng chỉ nhận riêng cho mình mà phải thương, phải nghĩ đến tất cả chúng sanh đang trong nhà vô minh đen tối. Chúng ta phải đem ánh sáng trí tuệ chính mình đã được Phật chỉ dạy để soi rọi khiến cho tất cả cùng thoát ra khỏi cái đen tối muôn đời và cùng tiến đến nơi an lạc. Đây là điều chủ yếu mà tất cả người tu Phật đều phải thực hiện.

Như vậy trọng trách của người tu Phật nặng hay nhẹ? Phải giải quyết sanh tử, phải thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ và phải có lòng từ bi truyền trao cho người những gì mình đã biết để cùng nhau thoát khỏi các khổ đau, trọng trách này quả thật không phải nhẹ. Nếu chúng ta không tu không tiến, thì dù chúng ta có thương người muốn giúp người cách mấy cũng chỉ là nói suông thôi. Nói rõ hơn nếu chúng ta không giác ngộ và giải thoát được phần nào mà chúng ta muốn giúp mọi người được giác ngộ và giải thoát, thì cái muốn đó là hảo huyền không thực tế. Vậy muốn thể hiện lòng từ bi, chúng ta phải có phần nào giác ngộ và giải thoát.

Chủ yếu chúng tôi nêu lên là để cho tất cả quý vị thấy rõ trọng trách người tu Phật không đơn giản mà quá to tát, chúng ta không thể xem thường.

Muốn giải thoát sanh tử, chúng ta cần phải biết gốc của sanh tử là gì? Theo pháp Mười hai nhân duyên, Phật dạy gốc của sanh tử là Vô minh. Vô minh là không sáng, tức là tối tăm. Muốn phá tối tăm chúng ta phải thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ. Ví dụ như có một căn nhà tối cả ngàn năm, muốn nhà sáng ra chỉ có cách đốt đèn thì cái tối ngàn năm liền mất. Cũng thế ấy vô minh chỉ mất khi có ánh sáng giác ngộ. Thế nên trọng tâm tu Phật lấy giác ngộ làm bước tiến đến giải thoát. Nếu không giác ngộ thì mười hai nhân duyên cứ quay cuồng, chúng ta bị đảo lộn trong sanh tử.

Hiện nay, nương theo giác ngộ của đức Phật chúng ta biết rõ manh mối của sanh tử là vô minh. Vậy vô minh là gì? Trong kinh Tạp A-hàm có hai đoạn đức Phật giải thích như sau:

Đoạn một:

Đức Phật dạy: "Không biết rõ sắc tập khởi, sắc đoạn diệt, không biết rõ thọ tướng hành thức tập khởi, đoạn diệt, đó gọi là vô minh." Nói gọn hơn: Không biết sự tập khởi của năm uẩn và sự đoạn diệt của năm uẩn, đó là vô minh. Vậy năm uẩn là gì? Tức là thân này. Ngay nơi thân này sắc uẩn thuộc về vật chất, thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tinh thần. Không biết rõ tinh thần và vật chất của thân này gọi là vô minh, không biết rõ sự nhóm họp và sự tan hoại của nó là vô minh. Thế thì tất cả quý vị ở đây có ai biết rõ thân chúng ta chưa? Vì không biết rõ nó cho nên chúng ta đang vô minh, vì vô minh nên không dừng được dòng sanh tử.

Đoạn hai:

Có một vị Tỳ-kheo hỏi ngài Xá-lợi-phất: "Thế nào là vô minh?" Ngài đáp: "Không biết khổ, không biết khổ tập, không biết khổ diệt, không biết con đường đưa đến khổ diệt, gọi là vô minh."

Theo nghĩa ngài Xá-lợi-phất nói, người nào không biết đúng như thật pháp Tứ đế: Khổ tập diệt đạo, đó là người vô minh.

Như vậy đoạn trên đức Phật giải nghĩa sự tập khởi và sự đoạn diệt của năm uẩn, tức là chỉ thẳng con người. Đoạn này, ngài Xá-lợi-phất nói về Tứ đế. Khổ đế tức là khổ sanh, già, bệnh, chết của thân... Tập đế là nguyên nhân của khổ là tham sân si v.v... Diệt đế và Đạo đế là cách giải trừ khổ để được an vui giải thoát. Đây cũng là chỉ thân tâm này vậy. Tóm lại Phật nói vô minh là không biết như thật bản thân chúng ta từ tinh thần đến vật chất, không biết rõ sự nhóm họp và sự tan hoại của nó.

Sau đây tôi dẫn đến kinh Viên Giác, chương Văn-thù, đức Phật giải thích: "Thế nào là vô minh? Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay các thứ điên đảo, ví như người nhìn bốn hướng thay đổi; vọng nhận tứ đại làm thân tướng của mình, bóng dáng sáu trần làm tâm tướng của mình, ví như bệnh mắt thấy hoa đốm trong không và mặt trăng thứ hai." Như vậy đức Phật giải nghĩa Vô minh rất rõ. Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay do các thứ điên đảo, ví như hướng đông làm cho là hướng tây, hướng nam làm cho là hướng bắc, làm bốn hướng như vậy gọi là điên đảo, tức là không thấy đúng như thật. Đức Phật chỉ thẳng điên đảo là do vọng nhận

tứ đại làm thân tướng của mình, ý thức duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm tướng của mình. Hiện giờ ai cũng cho thân tứ đại này là thân mình, cho suy nghĩ, tức là ý thức duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình. Vọng nhận như thế gọi là vô minh, đó là manh mối dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Thế nên chúng ta tu là phải phá tan manh mối vô minh đó.

Kể đến đức Phật ví dụ người vọng nhận như vậy chẳng khác nào người bị bệnh mắt thấy hoa đốm trong hư không. Như con mắt nhắm thấy trong hư không có đốm sáng rơi loạn tướng là thật, nhưng đó chỉ do bệnh mắt mà thấy, vậy là thấy không đúng như thật, là tối tăm, là vô minh.

Đức Phật lại ví dụ thêm, người vọng nhận như vậy là thấy mặt trăng thứ hai, mặt trăng có cái thứ hai không? Như người nhắm mắt hoặc ấn tay vào mắt thì thấy mặt trăng có cái thứ hai lóe lên một bên. Mặt trăng thứ hai là giả tướng mà mình lầm cho nó là thật. Vì vậy chúng ta cho thân tứ đại là thân của mình, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm của mình, chấp chặt như thế gọi là vô minh.

Qua sự giải thích của đức Phật từ kinh A-hàm đến kinh Viên Giác, chúng ta tự kiểm lại xem mình còn vô minh sâu hay cạn, dày hay mỏng? Như thân của chúng ta vừa bị động đến là nổi sân si ngay, hoặc có khi chỉ bị thiếu phần bồi dưỡng cho thân cũng nổi sân rồi. Như vậy vô minh đến mức độ nào? Vì chấp làm thân tứ đại là mình nên những gì thuộc nhu cầu của thân thì mình xem là quan trọng. Vì quan trọng thân nên vừa kém thua người là mình bực bội buồn khổ. Còn tâm là ý thức duyên theo bóng dáng sáu trần, đã là bóng thì đâu có thật, mà mình chấp làm gì? Thí dụ như mắt nhìn một cái hoa rồi ý thức đánh giá nó là đẹp, và mình khen hoa đẹp quá. Bỗng người khác nhìn hoa rồi chê hoa xấu quá có gì là đẹp. Chỉ bao nhiêu đó thôi cũng đủ làm mình nổi sân lên và cãi lại, phải không? Như thế ý thức của chúng ta duyên theo bóng dáng của hoa rồi chấp chặt vào đó, nếu ai nói khác đi là nổi giận liền. Như vậy chứng tỏ mê lầm của chúng ta quá lớn, mê lầm đó Phật gọi là vô minh.

Do mê lầm nên chúng ta sống trong đau khổ. Phật nói thân này có sanh già bệnh và chết, nếu cho nó là mình thật, đến khi nó tan hoại tức là mất mình thì còn cái khổ nào bằng! Sở dĩ các bậc Thánh nhân và các Thiền sư ngày trước coi cái chết như trò chơi vì các ngài thấy thân là giả dối không quan trọng, nên các ngài cười trước cái chết, dù chết bằng cách nào cũng vậy. Chúng ta thì khác, vì thấy thân mình là thật nên nghe nói chết là đã hết hoảng rồi. Giả sử khi đau nhiều mình cũng tỏ ra can đảm chịu đựng, tỏ ra hiểu đạo không sợ chết, nhưng trong lòng cũng thấy nao nao. Như vậy để thấy mình chưa thật thấy thân tứ đại là giả, mà thấy nó quả là thật nên khổ đau vì nó, và mấy ai thoát khỏi mê lầm này? Thế nên người tu chúng ta phải nhận định thật đúng để không còn mê lầm nữa. Hết mê lầm tức là giác ngộ, phá tan vô minh lầm chấp về thân và tâm. Phá hai chấp này rồi chúng ta mới giải thoát khỏi sanh tử. Đó là mục tiêu cuối cùng của người tu.

Tất cả chúng ta đang sống khoẻ mạnh tưởng chừng như mình hiểu đạo và hành đạo được, nhưng khi ngã đau hoặc có những điều bất trắc xảy đến, thì mình cuống quít lên không còn bình tĩnh nữa. Hiểu đạo mà không dùng được, không còn tự chủ nên đau khổ. Đau khổ của chúng ta không phải ai mang đến mà chính

vì vô minh làm mình đau khổ. Ví như đang đi trong rừng gai góc mà không khéo lau lách nên bị gai quào xước mặt rướm máu rồi than thở cuộc đời sao quá khổ! Nếu đi trong rừng gai mà khéo lau lách ra khỏi rừng không bị trầy da chút nào mới là giỏi, là an vui.

Vậy trên đường tu chúng ta phải thấy được những điều Phật đã dạy. Có những điều thật hay, mà chúng ta lại xem thường. Nhìn lại thân tứ đại thấy nó quá rõ. Học kinh điển rồi ai cũng nói thân này là giả, tại sao? Vì mình thuộc lời Phật dạy: thân tứ đại là giả. Nếu hỏi giả như thế nào? Vì thân này ngày nay còn, nhưng thời gian sau nó hoại. Thật là đúng vì thân này vô thường nay còn, mai mất! Lại có người nói: Thân này do duyên hợp nên giả, mà không biết hợp cách nào và giả cách nào. Nghiền ngẫm cho kỹ chúng tôi thấy được lẽ này: Nói giả không phải đợi khi thân hoại mới nói là giả, mà ngay trong lúc mình đang ngồi, đang nói chuyện, biết nó là giả. Làm sao biết được? Vì Phật dạy thân này do tứ đại đất nước gió lửa hợp thành. Chất cứng là đất, ướt là nước, động là gió, ấm là lửa. Bốn chất đó hợp lại cũng chưa đủ sức tồn tại mà phải nhờ tứ đại bên ngoài bồi bổ luôn. Có bồi bổ, nó mới tồn tại, nếu thiếu sự bồi bổ thì nó tan hoại. Vì vậy chúng tôi đặt câu hỏi: Hiện giờ quý vị đang ngồi đây, mũi quý vị đang làm gì? Đang thở phải không? Mũi đang thở, nghĩa là chúng ta đang mượn không khí bên ngoài, hít vào là mượn, thở ra là trả, mũi cứ làm việc hít vào trả ra, đều đặn như vậy. Giả sử chúng ta trả rồi không mượn lại thì sao? Thì ngay đó là tắt thở! Như vậy đời sống của mình thật ở chỗ nào? Điều này hết sức cụ thể, mà phải có lắm công phu mới nhận thấy được.

Đến mượn nước, miệng mượn một tách nước uống vào vài tiếng đồng hồ sau cũng phải trả. Rồi một lát sau mượn ít chén cơm... Mượn nước để bồi bổ nước, mượn cơm để bồi bổ đất, trong cơm có chất nóng như gừng tiêu ớt để bồi bổ lửa. Như vậy chúng ta nói sống mà thật ra sống với cái gì? Cả ngày chỉ lo bồi bổ cho tứ đại này thôi, chỉ có bao nhiêu việc mượn và trả mà than cực, nghĩa là làm cho có cơm ăn để mượn rồi trả, kiếm có nước uống để mượn rồi cũng trả. Như thế cuộc sống của chúng ta chỉ là cuộc sống mượn trả. Nếu mượn trả được êm xuôi thì vui cười, mượn trả mà trục trặc thì sao? Thì chờ đi cứu cấp! Như vậy cuộc đời của mình, hạnh phúc của mình ra sao? Nó quá tầm thường và quá mỏng manh. Những người tìm thức ăn ngon, nước uống bổ, tất cả những thứ đó chẳng qua là mượn trả mà thôi. Khi thiếu nước, uống một ly nước lã hay một ly nước chanh cũng là mượn, không nên coi đó là quan trọng hay vì đó mà phiền não, nước chanh hay nước lã uống vào cũng là mượn rồi trả có ai giữ được đâu! Biết được lẽ thật như vậy thì lúc nào cũng an vui trong cuộc sống tu hành. Mượn ít chén cơm để bồi phần đất của mình. Dù được dọn cơm nóng hay cơm nguội, mượn rồi cũng phải trả có ai giữ được đâu mà quý mà tiện, mà giận hờn nhau. Biết được lý mượn trả cụ thể, biết được lẽ thật đó rồi chúng ta không còn phiền não trong cách đối xử qua lại nữa, dù cách đối xử hữu ý hay vô tình, niềm nở hay lạnh nhạt.

Vì chấp sai lầm không thấy đúng lẽ thật nên chúng ta phiền não mãi rồi than, sao ở giữa đời này thật khó tu quá. Không khí đang ở ngoài trong lành, mượn hít vào rồi trả ra nói cái đó là của tôi. Nước đang ở ngoài mượn uống vào một lát lại trả ra, nói cái đó là của mình. Quả thật là mê muội, có cái gì là của mình đâu!

Tất cả cuộc sống của chúng ta chỉ là chuyện mượn trả, cuối cùng một bộ phận nào hư mượn không được, thì ngang đó là vĩnh biệt. Thấy rõ như vậy chúng ta đã giải quyết bao nhiêu thứ phiền não, trái lại chỉ nghĩ đến ăn ngon mặc đẹp thì bao nhiêu thứ phiền não sanh khởi.

Thấy được lẽ thật rồi, chúng tôi liền làm bài tụng rất đơn giản gọi là "Mạng Sống":

Mạng sống trong hơi thở,
Trong nhịp đập quả tim.
Thế nào là mạng sống?
Sự vay mượn liên tục.

Câu kết phải công phu lắm mới thấy được lẽ đó, chớ không phải là thường. Chúng ta cứ nghĩ mình sống, chớ không ngờ sống chỉ là sự vay mượn liên tục. Còn tiếp tục vay mượn là còn sống, vay mượn ngừng lại là chết ngay. Như vậy sống bằng vay mượn, làm sao gọi là sống thật? Mà không thật thì đâu có gì quan trọng. Vì cho cuộc sống là quan trọng, nên chúng ta tranh giành nhau, trách cứ và hờn giận lẫn nhau rồi bị chướng ngại trên đường tu hành. Bài kệ này không phải ngẫu nhiên có mà do suy gẫm đúng theo lời Phật dạy, trầm ngâm rất nhiều thời giờ, khi nói lên được điều này mới thấy cuộc đời bớt khổ. Phải hằng sống và nhớ được như vậy, chúng ta cũng bớt khổ.

Đức Phật đã từng nói: "Mạng sống trong hơi thở." Thật vậy, thở ra mà không mượn không khí trở lại thì chết ngay. Trong kinh, Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo: Mạng sống con người là bao lâu? Có vị nói: năm ba tháng, có vị nói năm bảy ngày, có vị nói ít tiếng đồng hồ, có vị thưa trong một bữa ăn. Nhưng Phật đều bảo: Các ông không thấy đạo. Cuối cùng có một vị Tỳ-kheo thưa: Mạng sống trong hơi thở. Phật nói: Ông đã thấy đạo. Như vậy đạo là gì? Là chân lý, là lẽ thật, thấy được lẽ thật gọi là thấy đạo, thấy đạo là giác ngộ. Thấy rõ thân chúng ta là vay mượn, là tạm bợ, ngắn ngủi đó là chúng ta đã tỉnh đã giác, còn thấy thân là thật, là lâu dài quý trọng, đó là chúng ta đang mê, đang vô minh.

Mạng sống trong hơi thở, trong nhịp đập quả tim. Như người bị bệnh tim, bất chợt tim ngưng đập thì sao? Tức là chết rồi, như vậy làm sao nói mạng sống là lâu dài bền bỉ được. Không mượn không khí để thở là chết, quả tim ngưng đập là chết, vậy đâu có gì là lâu dài! Còn liên tục vay mượn không khí hít vào thở ra, quả tim còn đập không dừng, đó là sống. Cho nên nói sống là động, rất là hợp lý, động là mượn trả, dừng cái động là chết. Mạng sống của mình chỉ là như vậy, thế mà chúng ta cứ tưởng nó lâu dài bền bỉ, sống đến bảy mươi, tám mươi tuổi, không ngờ cái chết lúc nào cũng chực sẵn bên cạnh mình. Đó là điều hết sức quan trọng, nhận thấy được như vậy không phải là chuyện dễ. Chúng ta thấy theo Kinh hoặc hiểu theo lời Phật mà không chiêm nghiệm thì cái thấy đó không đến được lẽ thật. Vì thế Phật dạy văn tự tu, nghĩa là Phật nói mình phải nghe, rồi suy gẫm cho thấm thì việc tu mới dễ. Nếu nghe Phật dạy thân này là giả rồi mình học thuộc lòng mà rốt cuộc không biết nó giả như thế nào, chỉ nói giả ở miệng thôi chớ trong tâm trí mình không có gì dính dáng. Nếu tâm trí suy gẫm thấy được tường tận lẽ thật đó là đã giác, là đã mới được được trí tuệ của đức Phật.

Kể đến là thấy tâm mình cũng hư dối, không thật. Vì sao? Như trong kinh Lăng Nghiêm Phật hỏi: Cái gì là tâm? Ngài A-nan thưa: Cái hay suy nghĩ là tâm (Năng suy vi tâm). Ngài liền bị Phật quở: đó là sai, nên Ngài mờ mịt không biết cách nào giải tỏa. Ngày nay chúng ta cũng giống như ngài A-nan cho cái suy nghĩ là tâm mình. Vậy làm sao theo kinh nghiệm bản thân chúng ta biết được cái hay suy nghĩ là giả không phải là tâm? Khi ngồi tu chúng tôi chiêm nghiệm mới thấy được điều đó, chúng tôi chia cái giả làm bốn thứ:

1- Nếu cái suy nghĩ là tâm thì nó liên tục không dứt, nhưng có khi nó dừng nghĩ chừng một vài phút, lúc đó là có mình hay không? Như lúc ngồi thiền có khi năm, mười phút không niệm khởi, không suy nghĩ, thì lúc ấy không có mình sao? Nhưng mình lúc nào cũng hiện hữu mà! Nếu chấp cái suy nghĩ là mình thì khi không suy nghĩ tức là không có mình chớ gì, đó là cái sai lầm thứ nhất.

2- Nếu cái suy nghĩ là mình, thì mình là một hay nhiều? Ai cũng biết mình chỉ có một thôi, mà cái suy nghĩ thì quá nhiều, nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ hiền nghĩ dữ v.v... trong tất cả trăm ngàn thứ nghĩ đó cái nào là mình? Thế nên cho cái suy nghĩ là mình thì không hợp lý, đó là cái sai lầm thứ hai.

3- Nếu gọi cái suy nghĩ là tâm mình, thì sai lầm này chỉ người có tu mới biết, nếu chưa tu không bao giờ biết được. Như khi vừa dấy nghĩ mình liền tìm cái nghĩ này từ đâu ra, nhìn lại thì nó mất tăm mất dạng. Vậy cái suy nghĩ này chỉ là bóng thôi, đâu có thật, vì là bóng nên vừa nhìn lại tìm nó liền mất. Chúng tôi thường thí dụ: Như có một vị Tăng ở tại Thiền viện Thường Chiếu, có duyên có ra ngoài cổng gần đường. Có người hỏi: Thầy đó ở đâu? Đáp: Thầy ở trong Thiền viện. Nếu vị Tăng đó có việc trở vào Thiền viện, người khác hỏi: Thầy khi nãy đâu rồi? Đáp: Thầy đó trở vào Thiền viện. Như vậy thầy phải có nơi ở, rồi phải có chỗ trở về. Còn nếu hỏi Thầy đó ở đâu, tìm lại thì Thầy mất tiêu, người ta sẽ bảo đó là hồn ma bóng quế chớ đâu phải thật. Nếu là thật thì phải có mặt ở đây, rồi khi vắng mặt ở đây thì phải có chỗ trở về.

Còn cái suy nghĩ nếu là thật, khi tìm lại, nó phải trú ở một chỗ nào, nhưng khi tìm lại nó mất tiêu không bóng không hình thì làm sao thật được. Đó là cái sai lầm thứ ba.

4- Có khi chúng ta suy nghĩ một vấn đề gì, có khi chúng ta ngồi chơi một cách yên ổn tự tại không suy nghĩ gì hết. Như vậy khi suy nghĩ mình biết có suy nghĩ, khi không suy nghĩ mình biết lúc đó không suy nghĩ. Thế nên cái suy nghĩ và cái không suy nghĩ là cái bị mình biết, bị mình thấy. Thí dụ như tôi là chủ ngồi trong thất, có năm, bảy người khách đến, tôi biết khách đến. Một lát khách ra về, trong thất chỉ còn có mình tôi, tôi biết lúc này không khách, phải không? Tôi biết có khách tôi biết không khách, vậy tôi là chủ.

Cũng như vậy, có suy nghĩ mình biết, không suy nghĩ mình biết, thì suy nghĩ là khách, cái biết là chủ chớ gì? Thế mà lâu nay mình nhận khách làm chủ, cho suy nghĩ là mình, cho nên Phật nói chúng ta nhận giặc làm con. Vì mê lầm nhận giặc làm con cho nên bao nhiêu sự nghiệp của chúng ta đều tan hoang hết. Đó là cái sai lầm thứ tư.

Kinh nghiệm trong sự tu hành cho chúng ta thấy rõ tâm suy nghĩ của mình chẳng qua là bóng dáng tạm bợ không thật mà lâu nay mình lại chấp lầm nó là thật. Biết được cái suy nghĩ là bóng dáng không thật thì cái nghĩ phải của người này hay cái nghĩ phải của người kia cũng đều là bóng, đâu có gì quan trọng mà giận hờn mà tranh phải quấy với nhau, không có gì quan trọng thì làm gì có phiền não.

Tất cả chúng ta sở dĩ khổ đau không ngoài hai cái chấp thân và tâm. Vì mê lầm chấp sai nên chúng ta tạo không biết bao nhiêu nghiệp khổ. Phật nói đó là vô minh. Từ mê lầm là hoặc, rồi tạo thành nghiệp và thọ khổ. Hoặc, nghiệp, khổ, cứ như vậy mà trầm luân muôn kiếp. Hiện nay biết rõ thân và tâm này là giả dối chúng ta phải làm gì, chớ không thể bị quan tiêu cực rồi thả trôi cả cuộc đời. Chúng tôi cho một thí dụ: Chúng ta giống như những kẻ đi ngoài sông lớn trên một chiếc thuyền, bất thần bị sóng to gió lớn đập vỡ thuyền, chúng ta bị chìm. Bất chợt chúng ta gặp được một gốc cây mục, nổi lơ lờ trên mặt nước. Chúng ta ôm gốc cây mục thì ngay đó chúng ta phải có thái độ nào? Biết mình đang ôm gốc cây mục và đang ở giữa dòng, nếu buông gốc cây thì chết chìm, vậy gốc cây mục đối với mình rất là quý. Nhưng nó mục, đâu có bền, thì ngay bây giờ phải mượn nó bơi gập vào bờ. Đến bờ rồi thì gốc cây mục là vô nghĩa không còn dùng nữa. Người khôn ngoan là phải như vậy, biết mình đang ôm gốc cây mục cho khỏi chết chìm thì phải cố gắng bơi cho tới bờ. Thí dụ này nói lên thân người ví như gốc cây mục, tạm bợ không bền chắc, nhưng chúng ta mượn nó để làm những điều lợi ích và cao thượng, chớ không phải bám vào nó, và bảo vệ nó mãi, đến chừng nó rã ra mình lại chết chìm lần nữa!

Biết thân là giả tạm chúng ta không hài lòng với cái giả tạm đó, mà phải cố gắng làm sao được giác ngộ và giải thoát để rồi chỉ cho mọi người cùng giác ngộ và giải thoát như mình. Đó là chỗ nhìn đúng của người tu. Còn nếu nói thân giả rồi cứ ngồi hút thuốc ca hát vui chơi, nó đã giả rồi làm gì cho phí công vô ích! Đó là quan niệm đại khờ, phải không? Hình ảnh người ôm gốc cây mục ở giữa sông to nhắc nhở chúng ta phải nỗ lực tu và làm lợi ích chúng sanh, chớ không phải biết thân là giả, là vô thường rồi thở than buồn khổ hoặc ăn chơi để chờ chết. Đó là ngu dại không đúng tinh thần của người hiểu đạo. Chính bản thân tôi trong lúc tu và nghiền ngẫm đạo lý, chúng tôi thấy được lẽ thật này nên trình bày để quý vị được rõ.

Chúng ta tu là phải hằng tỉnh hằng giác biết rõ thân và cái gọi là tâm đều giả, nên trong đời sống tu hành nếu có ai lỡ lời nói nặng, chúng ta biết thân và ngôn ngữ là giả thì mọi phiền não theo đó sẽ hết; trái lại nếu thấy chúng là thật thì phiền não nổi lên, chúng ta sẽ xâu kết lại và gồng gánh cho đến suốt đời. Nếu không thấy đúng như thật thì không sao gỡ được phiền não, dù có kêu cầu cứu cũng không ai gỡ được cho mình, chính trí tuệ của mình thấy đúng như thật mới gỡ được các phiền não.

Trong kinh Viên Giác chương Phổ Hiền đức Phật nói: "Tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện. Ly huyễn tức giác, diệc vô tiệm thứ." Nghĩa là: Biết huyễn tức là lìa. Biết thân này là giả, tâm này là giả thì mọi ràng buộc về nó chúng ta đều lìa bỏ được một cách dễ dàng, không cần tạo phương tiện gì. Thật vậy, chúng ta tu mà

cứ nghĩ mà phải tạo phương tiện này hay phương tiện kia, nhưng sự thật Phật dạy: Chỉ thấy rõ thân, tâm là giả, liền lia hết các thứ phiền não, các thứ trói buộc.

Ly huyền tức giác: Biết đó là huyền, mình không còn bám chặt vào nữa, đó là giác rồi. Diệt vô tiệm thứ, tức là giác không có thứ lớp, đó là giác liền, không có nói nay một phần, mai một phần chi hết.

Như vậy trên đường tu, chúng ta phải thấy thân và tâm này là hư dối, huyền hóa, thấy rõ như vậy tức là giác, giác rồi là cái vô minh muôn đời cũng tan hết, giống như cái nhà tối bao nhiêu năm, chúng ta thắp lên ngọn đèn liền sáng. Nếu hết vô minh tức dứt dòng sanh tử. Thế nên trong kinh Phật nói: Vô minh diệt thì hành diệt... Con đường tu của chúng ta đã quá rõ ràng không có nghi ngờ gì nữa.

Người thật tu có thần thông biết quá khứ vị lai hay không? Có biết căn cốt đời trước của Phật tử chăng? Có biết đoán coi Phật tử bao giờ hết khổ? Chúng tôi thường được hỏi những câu như vậy. Ít ai nghĩ tu là phải hằng tỉnh hằng giác, thấy rõ thân tâm chúng ta là giả dối không thật, nên những việc đến với mình, mình gỡ ra dễ dàng không bị dao động, trong nhà Thiền gọi là bát phong xuy bất động nghĩa là tám gió thổi không động. Tám gió là gì? Tức là lợi suy, hủy dự, xưng cơ, khổ lạc. Lợi là được tài lợi, suy là bị suy hao, hủy là bị hủy nhục, dự là được đề cao, xưng là được khen ngợi, cơ là bị chê hiềm, khổ là buồn khổ, lạc là an vui. Chúng tôi sẽ cho thí dụ hết sức dễ để quý vị thấy chúng ta bị động vì lợi và suy. Người ta thường nghĩ lợi là cái thuận hợp cho mình, được lợi thì có gì đâu mà phải động. Nhưng thật ra lợi là một cái động lớn. Giả sử như ở đây có ai mua một vé số gửi cúng cho một thầy, và vị thầy cũng hoan hỉ nhận. Rồi đến ngày xổ số có người báo tin là vé số của thầy trúng mười triệu, thì đêm đó thầy có ngủ được không? Trúng được mười triệu, chắc thầy khỏi ngủ. Gió lợi nó thổi mình bay không ngủ được. Không phải chỉ một đêm không ngủ thôi, mà khi đi lãnh tiền được mười triệu rồi, có yên lòng về chùa ngồi thiền như những ngày trước hay không? Hay là được tiền rồi, phải suy tính nên làm cái gì? Rồi bao nhiêu thứ nghĩ tính sanh ra, tính trúng cũng có, tính trật cũng có, cho đến bao giờ dùng hết số tiền đó mới hết nghĩ tính, khi ấy mới hết động! Quý vị thấy chỉ cái lợi thôi mà đã bị động chừng ấy, huống nữa là bị suy hao tài vật. Ví dụ mình có nhà cao cửa rộng hoặc chùa lớn Phật to, bất thần có việc gì xảy đến khiến cho nhà cửa mình tan nát hoặc chùa chiền mình bị hư sập, lúc ấy mình mất ngủ bao nhiêu ngày đêm? Trong suốt thời gian đôi ba năm mà chưa gầy dựng lại được, lúc nào cũng chặc lưỡi thở dài. Như vậy quý vị thấy cái động không phải nhất thời mà kéo dài cho đến bao giờ bình lại mới thôi. Chỉ có hai gió lợi, suy mà đã khó giữ cho không động, huống nữa là tám gió...

Hai gió sau cùng là khổ và vui. Thí dụ như ở Thiền viện đây cái gì là khổ nhất cho các huynh đệ? Không biết các nơi khác thì sao, chớ ở Thường Chiếu này ai mà trị nhật phải xuống bếp nấu ăn là khổ nhất. Tới phiên trị nhật hoặc làm tri khổ là khổ nhất, mặt mày người nào cũng cứ nhăn nhó hoài. Gắng làm sao tới phiên tri khổ hay trị nhật mà vẫn tươi cười, đứng trước bếp lửa hừng hực, mồ hôi ướt đầm mà không có gì bực bội, đó là đã tiến lắm rồi, cái khổ nhỏ mà mình thắng được cũng là hay lắm. Phần nhiều chúng ta hay nói gằn lửa thì dễ sên, nên ai vô

bếp cũng dễ sôi vì nóng quá, lại mệt nữa nên động tới là nổi sôi liền. Quý vị thấy một chút khổ đó đã động rồi huống nữa là cái khổ đói rét hay những khổ đau rên siết thì còn động biết là đường nào! Rồi đến cái vui cũng vậy, nếu vui quá thì tâm mình cũng lãng xãng dao động...

Thế nên người tu giá trị không phải là có thần thông, biết quá khứ vị lai, mà giá trị ở chỗ gặp lợi mình vẫn bình thản, gặp suy mình vẫn an ổn, cho đến gặp khổ hay vui mình cũng an nhiên, người đó mới là đạo nhân chân chánh. Còn nếu nói quá khứ vị lai mà bị chê liền đổ mặt tía tai thì nói quá khứ vị lai chỉ là trò chơi thôi. Còn nói ngồi thiền tám tiếng hay mười hai tiếng đồng hồ, hoặc một ngày một đêm, mà khi động tới thì nổi sôi đó cũng chưa phải là thứ thật. Người tu thật là ở trong tám gió vẫn thản nhiên, thổi mấy cũng không động, thế mới gọi là chân tu. Hôm nào quý vị thử xem còn động không, nếu không động là không còn chấp thân và tâm, không còn chấp chúng ta mới dứt hết các khổ.

Người tu là phải có thực lực, nghĩa là trước những cảnh khổ đau chúng ta vẫn xem thường. Chúng tôi thường kể câu chuyện của Tổ Sư Tử. Khi vua nước Kế-tân hỏi: Ngài xem thấy ngũ uẩn đều không, phải không? Ngài đáp: Phải. Vua nói: Ngài cho tôi cái đầu được không? Ngài trả lời: Ngũ uẩn còn không, sá gì cái đầu. Và Ngài cho vua cắt đầu. Đó mới gọi là thấy không thật một cách triệt để. Còn chúng ta nói thân là giả, mà khi động tới thì chịu không nổi. Như vậy chúng ta chỉ thấy trên lời nói, chứ không sống được với lẽ thật. Nếu thật tu thì kết quả là tám gió thổi không động.

Đoạn trên chúng tôi đã nói về giải thoát và giác ngộ, giải thoát tức đập tan xiềng xích sanh tử, giác ngộ tức dùng kiếm trí tuệ chặt đứt sợi dây vô minh đã cột chúng ta vào vòng trầm luân. Giác ngộ và giải thoát rồi chúng ta còn phải làm gì? Chúng ta phải thể hiện lòng từ bi, tức là nguyện đem ngọn đuốc trí tuệ soi rọi cho mọi người thoát khỏi chỗ u tối vô minh. Phật dạy chúng ta từ bi là khi chúng ta đã có giác ngộ và giải thoát phần nào dù nhiều hay ít. Có nhiều người nói: Minh chưa giác ngộ như Phật làm sao có từ bi? Chúng tôi thí dụ: Như chúng ta đang cùng ở trong một căn nhà tối mù mịt, nếu người nào có được cây đèn cầy và thắp lên, tuy ánh sáng nhỏ thôi nhưng đem lại giữa nhà thì mọi người cùng được sáng. Cũng như ban đêm chúng ta đang đi trên con đường tối, nếu có ai thắp được một cái đèn dầu nhỏ thì gọi những người bạn đồng hành cùng nương theo ánh sáng đó để đi cho khỏi rơi hầm rớt hố. Ánh sáng của ngọn đèn tuy nhỏ nhưng rất cần cho những người đang đi trong đêm tối. Đó là trường hợp chúng ta tu được một chút trí tuệ và một chút giải thoát. Nếu tu khá hay giỏi hơn chúng ta sẽ được những ngọn đèn lớn sáng hơn, như đèn bấc hay đèn "măng sông" hay nếu giỏi hơn nữa như ánh sáng mặt trăng mặt trời soi khắp cả thế giới. Như vậy ánh sáng nào dù của đèn dầu hay của mặt trăng mặt trời cũng có giá trị riêng của nó. Hiện nay nếu được một chút ánh sáng nào chúng ta cũng đều chia sẻ cho mọi người cùng hưởng để tránh những tai nạn có thể xảy đến. Sự chia sẻ đó gọi là từ bi.

Thế nên người Phật tử tại gia hay xuất gia không có quyền thọ hưởng riêng một điều gì. Quý vị nhớ khi tụng kinh xong thì chúng ta cầu nguyện công đức tu hành hướng về không phải cho riêng mình mà cho mình và mọi người đều thành

Phật đạo, đó là tâm từ bi. Phật không cho phép chúng ta làm điều gì chỉ nghĩ riêng mình mà phải nghĩ mình và mọi người cùng chung hưởng.

Điều cần yếu chúng ta phải nhớ có đèn rồi chúng ta mới soi đường cho người cùng đi, nếu chưa có đèn mà hướng dẫn người khác thì khi mình sụp hố, những người theo mình cũng đều rớt xuống hố. Nếu từ bi, thương xót người mà không chịu tu để thấp sáng được trí tuệ, chỉ lo cho thiên hạ, rớt cuộc rồi mình và người đều rơi cả, đó là tai họa lớn. Hiểu đạo Phật là chúng ta phải hiểu cho thấu đáo lẽ này, lòng từ bi phát ra sau khi chúng ta có trí tuệ, được giác ngộ, hay có phần nào tự chủ khi tám gió thổi. Được như vậy chúng ta mới có thể phát tâm từ làm lợi ích cho mọi người, bằng ngược lại chúng ta phải dè dặt cẩn thận chẳng những không làm lợi cho người lại làm hại là khác.

Sau khi biết rõ trọng trách của người tu Phật, quý vị thấy trọng trách ấy có nặng không? Đó là chuyện phi thường, chớ không phải tầm thường. Nhiều khi chúng ta nghĩ mình là một vị Tăng hay một cô Ni không quan trọng gì rồi cứ lười thôi để qua ngày hết tháng hay để người vui đùa năm này qua năm khác, thật uổng phí một đời tu. Người xưa mỗi khi chiều xuống kiểm điểm lại sự tu hành thấy chưa tiến bộ được bao nhiêu, đau khổ rơi nước mắt. Còn chúng ta ngày nay năm đã hết, chúng ta thử kiểm điểm lại xem đã tiến được bước nào chưa? Nếu tu chưa tiến, chúng ta có rơi lệ đau buồn không? Hay chúng ta cứ cười chum chim hay cười hí hạp?

Ý thức được trách nhiệm hết sức quan trọng của mình, chúng ta quyết tâm giải thoát sanh tử, quyết tâm thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ và diu dắt người ra khỏi chỗ mê lầm tăm tối. Chúng ta không thể lơ là với việc tu hành, không thể dễ dãi để ngày tháng qua suông mà phải luôn luôn nỗ lực tiến tu.

Nhân ngày cuối năm, chúng tôi ôn lại những lời Phật dạy và những câu kinh câu kệ cốt để quý vị thấm nhuần, rồi chúng ta kiểm điểm lại xem trong một năm qua đã tiến được bao nhiêu, nếu chưa tiến thì ráng cố gắng đừng để mất thời giờ. Chúng ta đã là những người có ý chí siêu phàm thoát tục thì không nên để cho đời mình trôi qua như bao người phàm tục khác, uổng đi một đời tu của mình, uổng công trông chờ của cha mẹ và những người thân thuộc. Thầy Tổ cũng đang trông mong quý vị sẽ là những ngọn đuốc tương lai để tiếp nối người đi trước và soi sáng kẻ đi sau. Nếu quý vị lơ là chần chờ không làm bổn phận của mình là phụ ơn Thầy Tổ, thật là điều đáng trách. Hơn nữa chúng ta sống nhờ hạt cơm manh áo của đàn-na thí chủ và những người trong xã hội thì chúng ta phải làm sao cho xứng đáng là một người xuất gia, một người tu theo Phật. Chúng tôi mong rằng quý vị sẽ xứng đáng nhiều hơn nữa trong năm mới sắp đến.



NGÀY XUÂN QUA

CÁC THIÊN SƯ VIỆT NAM - XUÂN CANH NGỌ 1990

(Tăng Ni)

Hôm nay là ngày đầu Xuân năm Canh Ngọ (1990), tất cả Tăng Ni và Phật tử về đây chúc mừng năm mới và yêu cầu chúng tôi nhắc nhở sự tu hành để được tinh tấn hơn trên đường đạo. Nhân ngày đầu năm chúng tôi sẽ nói về: “Ngày Xuân qua các Thiên sư Việt Nam.” Với đề tài này quý vị sẽ thấy rõ tinh thần người xưa dạy bảo chúng ta như thế nào để chúng ta cố gắng tu cho xứng đáng là những Thiên sinh Việt Nam. Các Ngài luôn mong muốn chúng ta mỗi ngọn đuốc sáng của các Ngài để soi đường hướng dẫn người sau.

Nói đến ngày Xuân, chúng ta có cảm tưởng như chỉ có Xuân ở thế gian, nhưng thật ra trong nhà Phật cũng dùng chữ Xuân để nói lên những ý nghĩa thâm trầm của Đạo.

Trước tiên chúng tôi nhắc quý vị, tất cả chúng ta có đủ phước duyên nên ngày nay chọn được con đường của mình đang đi, một con đường thanh thản, tươi mát và an lạc. Nói như vậy có vẻ như chúng tôi chủ quan, nhưng sự thật nếu tất cả chúng ta đều một lòng hướng thẳng về sự tu hành, đi theo con đường đức Phật đã dạy, thì mỗi bước đi là một bước an lành, mỗi một bước đi là rơi rụng bao nhiêu đau khổ. Thế nên con đường tươi đẹp và mát mẻ chúng ta đang đi là tượng trưng cho mùa Xuân, nhất là những ngày đầu Xuân.

Nói đến Xuân chúng ta nghĩ đến sự ấm áp tươi vui, nghĩ đến sự ấm no hạnh phúc. Dù cho nghèo mấy đi nữa, ngày đầu Xuân ít ra chúng ta cũng sắm được chút ít bánh mứt, cũng được nghỉ đôi ba ngày Tết đầu năm. Vì vậy nói đến ngày Xuân là nói đến sự ấm no, nói đến sự nhẹ nhàng thanh thản.

Trong đạo, các Thiên sư cũng dùng chữ Xuân để nhắc nhở chúng ta. Nhờ lời khuyên dạy của các Ngài, chúng ta càng tu càng phấn khởi hơn, càng vui thích hơn, nếu không thì tu lâu sẽ cảm thấy ngán và buồn. Tại sao ngán buồn? Vì ăn chay ăn lạt suốt đời, lại thêm thức khuya dậy sớm, bị rầy bị quở. Cho nên ở chùa lâu ngày cảm thấy ngán buồn nếu không tìm được nguồn vui, nguồn vui đó các Thiên sư dùng chữ Xuân để diễn tả. Vậy chúng ta phải cố gắng đi mãi trên con đường tươi đẹp đã chọn dù phải vấp té trầy chân hay gặp những hòn sỏi phiến đá trở ngại. Nhưng dù những chướng ngại có khó khăn bao nhiêu cũng không thể ngăn cản được bước chân của những tâm hồn khoáng đạt, của những con người nguyện quyết tiến đến chỗ an lạc miên viễn mới thôi. Người tu là người thấy tương lai mình xán lạn tươi vui, chớ không phải càng tu rồi càng tối tăm đau khổ. Chính mỗi bước tu là mỗi bước chúng ta hướng về mục tiêu cao quý nhất, an lạc nhất của đời mình. Vì vậy khi nói đến ngày Xuân chúng ta cảm nhận một niềm vui tràn đầy ở ngày mai.

Các Thiên sư Việt Nam nhìn ngày Xuân như thế nào?

Đầu tiên là Thiền sư Chân Không ở giữa đời Lý. Có một Thiền khách đến hỏi Ngài: “Bạch Hòa thượng, khi sắc thân bại hoại thì thế nào?”

Ngài liền đáp bằng hai câu thơ:

Xuân đến, Xuân đi ngõ Xuân hết,
Hoa nở, hoa tàn chỉ là Xuân.

Ngài quan niệm tu là một mùa Xuân, không phải chỉ mùa Xuân trong ba tháng mà mùa Xuân muôn đời muôn kiếp.

“Xuân đến, Xuân đi ngõ Xuân hết”

Thấy có Xuân đến Xuân đi vì chúng ta nhìn Xuân qua bốn mùa của thời gian. Nhưng ở đây Thiền sư không nói Xuân của thời gian mà nói Xuân của tất cả người thoát khỏi cái sanh diệt của thời gian. Thường người đời thấy Xuân qua ngõ là Xuân hết, song đối với người tu xuất thế thì Xuân lúc nào cũng sẵn ở lòng mình, ngày nào tháng nào năm nào cũng là Xuân, nhìn đâu cũng tươi đẹp, nhìn đâu cũng an vui. Nhưng trên thực tế thì thế nào? Cũng có những ngày mây sầm ảm đạm, nhiều người lau nước mắt!

Tuy vẫn là Xuân nhưng vì mây mưa bao phủ nên Xuân bị khuất đi. Nếu tâm hồn chúng ta an lành tự tại thì ngày nào chẳng phải là Xuân?

“Hoa nở, hoa tàn chỉ là Xuân”

Mùa Xuân thấy hoa mai nở, đa số người cho đó là Xuân, rồi độ mười ngày sau hoa tàn thì cảm thấy Xuân tàn. Nhưng ở đây Thiền sư Chân Không mượn hoa để trả lời câu hỏi của Thiền khách: “Khi sắc thân bại hoại thì thế nào?” Hoa nở rồi tàn, sắc thân chúng ta cũng như hoa, sanh ra rồi già chết, không có lâu bền. Nhưng trong cái tan hoại đó, vẫn có cái mãi mãi an lành tĩnh giác. Thế nên Thiền sư mượn Xuân để tượng trưng cho cái ấy. Nếu biết khéo trở về cái chân thật của mình, thì thân này còn hay mất chỉ là tạm bợ, còn cái chân thật lúc nào cũng thanh tịnh, sáng suốt, trong kinh gọi đó là Pháp thân, Pháp thân thanh tịnh, miên viễn, không tan hoại.

Tất cả sự vật đều bị thời gian chi phối, có đó rồi hoại đó. Thân chúng ta cũng vậy, theo thời gian mà bại hoại. Nếu chúng ta không biết trở về với thể chân thật của chính mình thì khi sắc thân bại hoại chúng ta đau khổ vô ngần. Thế nên sống được với thể chân thật không sanh không diệt thì ngày nào cũng là Xuân, lúc nào cũng là Xuân và miên viễn là Xuân.

Vậy cái nhìn của Thiền sư Chân Không là thấy tất cả đều là Xuân, cho nên Ngài sống an lạc trong mùa Xuân miên viễn đó. Nếu có ai đến hỏi đạo Ngài đều diễn tả cái đẹp, cái an lành của chính lòng mình cho mọi người thấy và cảm thông.

Kế đến là Thiền sư đời Trần, ngài Trúc Lâm Đầu-đà, hiệu là Điều Ngự Giác Hoàng (tức là vua Trần Nhân Tông khi còn tại vị). Sau khi đi tu, đến năm sáu mươi một tuổi, Ngài được tin người chị đang đau nặng, Bà muốn gặp Ngài để từ

giã lần cuối. Từ núi Yên Tử Ngài liền trở về triều. Thăm chị xong, trên đường về núi, khi đến chùa Làng Hương Cổ Châu, Ngài cảm thấy sức khỏe đã quá yếu, và biết không còn sống bao lâu nữa, Ngài cảm hứng viết một bài kệ trên vách chùa:

Thế số nhất tức mặc
Thời tình lưỡng hải ngân,
Ma cung hồn quản thậm
Phật quốc bất thắng Xuân.

Dịch :

Số đời một hơi thở
Biển bạc lòng người tham,
Cung ma cai quản ngặt
Cõi Phật Xuân nào hơn.

Qua bài kệ này ngài Trúc Lâm Đầu-đà muốn nói lên điều gì?

“Số đời một hơi thở, biển bạc lòng người tham”, khi bản thân sắp tàn Ngài thấy cuộc đời ngắn ngủi như trong hơi thở, thở ra không hít vào là đã qua đời khác. Thế mà lòng người thì mênh mông, mênh mông trong tham vọng. Được cái này muốn cái kia, được điều kia muốn điều khác. Như vừa cất cái nhà xong kể muốn có chiếc xe, vừa có chiếc xe lại muốn có chiếc tàu... muốn mãi không thôi cho đến ngày tắt thở cũng chưa dừng. Thế rồi người ta đuổi theo nhau mà tạo nghiệp, giành nhau về danh về lợi rồi tự mình chuốc khổ.

Hai câu đầu của bài kệ đánh thức mạnh mẽ để chúng ta biết rằng cuộc đời quá ngắn ngủi, không có gì là quan trọng, là đáng kể. Nhưng lòng tham chúng ta quá lớn, nên không theo kịp tuổi thọ của mình. Chúng ta muốn mười điều, mà tuổi thọ cho phép chúng ta làm mới có một hai thì cái chết đã đến rồi! Bất cứ người nào trước khi nhắm mắt đều tỏ ra chưa hài lòng, việc làm đời mình chưa xong. Rất ít người nói mình đã làm xong việc. Nếu là cha thì lo cho con lớn khôn ăn học, rồi có đôi bạn. Lo cho con xong, lại thấy trách nhiệm phải lo cho cháu. Đến khi cháu lớn khôn thì mình đã tám mươi, chín mươi tuổi rồi! Đến cháu cố nó bơ vơ nghèo thiếu mình lại tiếp tục lo nữa, lo mãi cho đến ngày tắt thở cũng chưa xong! Người ở thế gian đều ôm lòng tham lớn lao đó nên luôn luôn sợ chết, chết mà chưa rồi những việc mình muốn làm. Sợ chết mà có tránh khỏi được đâu! Thế nên chúng ta phải ý thức rõ tuổi thọ chúng ta ngắn ngủi, làm việc gì cũng phải vừa với tuổi thọ của mình để cho tròn việc.

Đến hai câu cuối bài kệ:

Cung ma cai quản ngặt
Cõi Phật Xuân nào hơn.

Ngài Trúc Lâm so sánh cho chúng ta thấy hai con đường. Nếu chúng ta đuổi theo danh lợi tài sắc, rồi tạo bao nhiêu nghiệp xấu ác thì chúng ta sẽ đi tới cung ma. Cung ma cai quản ngặt, không được bước ra khỏi cổng, còn bị hành hạ

tra khảo, đó là cảnh khổ đau đen tối. Còn nếu trong cuộc sống ngắn ngủi này, chúng ta biết tu, biết hướng về đạo, đem hết tâm mình tiến đến chỗ giác ngộ thanh tịnh, đó là chúng ta trở về cõi Phật, tức là trở về mùa Xuân đẹp đẽ không gì bì kịp.

Trong cuộc sống tu hành không có gì kích động mạnh chúng ta bằng cơn vô thường xảy đến. Chúng ta đang sống bình an vui tươi, bất chợt có người huynh đệ nào tắt thở, lúc ấy chúng ta tỉnh ngay, muốn tu gấp, tu bằng hai ba lần những ngày thường. Nhưng tỉnh được bao lâu? Nhiều lắm đến bốn mươi chín ngày, tụng kinh xong chúng ta mê trở lại như cũ. Vì vậy chúng ta cứ lảng vảng trên đường mê, không tỉnh giác, nên chúng ta không làm được những điều lành điều tốt để tạo sự an lạc cho đời này và đời sau. Vì thế ngài Trúc Lâm Đầu-đà khuyên chúng ta phải nhớ hai con đường, một bên là cung ma đen tối khổ đau bị cai quản ngặt, một bên là cõi Phật an vui tự tại lúc nào cũng là Xuân. Giữa hai con đường đó chúng ta phải chọn đường nào để đi? Chắc rằng tất cả quý vị hiện có mặt ở đây đã chọn đường rồi. Chúng ta đều đang đi trên con đường thanh tịnh đẹp đẽ, tươi mát và an lạc, con đường Xuân, tức con đường về cõi Phật. Thử hỏi có ai muốn trở chân đi con đường khác hay không? Chúng ta không còn ngu dại gì mà trở chân xây mặt đi qua con đường khác tối tăm, mờ mịt, khổ đau. Chúng ta đã có duyên lành từ đời trước, cho nên bây giờ mới chọn con đường đẹp đẽ này. Mong rằng tất cả đừng có niệm thôi BỒ-ĐỀ TÂM, MUỐN ĐỨNG LẠI HAY XÂY MẶT TRỞ QUA CON ĐƯỜNG KHÁC. ĐÓ LÀ LỜI nhắc nhở qua bài kệ của ngài Trúc Lâm Đầu-đà. Sau ngài Trúc Lâm là ngài Pháp Loa, sau ngài Pháp Loa là ngài Huyền Quang. Ngài Huyền Quang có bài thơ nói về Xuân gọi là “Xuân Nhật Tức Sự”.

Nhị bát giai nhân thích tú trì,
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly.
Khả liên vô hạn thương xuân ý,
Tận tại đình châm bất ngữ thì.

Dịch :

Lông tay thêu gấm, gái yêu kiều,
Hoa rộ, hoàng oanh lãnh lót kêu.
Bao nỗi thương Xuân, thương biết mấy,
Là khi không nói, chợt dừng thêu.

(Huệ Chi)

Bài thơ này rất đẹp về Xuân, nhưng lại gây cho một số học giả phê bình: Ngài Huyền Quang là một Thiền sư, mà tâm Ngài còn dồi dào tình cảm! Vì sao? Vì Ngài diễn tả một cô gái mười sáu tuổi đang thêu gấm. Ở ngoài kia lại có hoa nở, chim hoàng oanh hót. Thật là thương khi thấy cô gái dừng tay thêu và im lặng không nói một lời! Như vậy có phải là Ngài thương cô gái hay không? Đây là một vấn đề chúng tôi nêu ra để quý vị thấy cái hay của người xưa mà chúng ta không hiểu được. Khi các Thiền sư nói, chúng ta đừng kẹt ở ngữ ngôn hiện tại mà phải

thấy cái gì ở ngoài ngữ ngôn đó, thường gọi là “Ý tại ngôn ngoại” tức là thấy cái gì ngoài kia chứ đừng thấy ở đây.

Chúng tôi xin kể lại một câu chuyện quý vị đã từng nghe nhiều lần, nhưng mỗi lần kể mỗi lần có ý vị riêng của nó. Đó là câu chuyện “Bà già đốt am”, bà già này biết đạo. Có một Thiền khách đến, xin bà giúp đỡ cất cho một cái am và ủng hộ tu hành cho mau đạt kết quả. Bà rất sẵn sàng cất cho thầy một cái am và mỗi ngày cơm cháo đầy đủ, tứ sự cúng dường không thiếu món chi. Thầy tu như vậy được ba năm. Bà già tin rằng sự tu hành của thầy được kết quả rất tốt. Để chiêm nghiệm điều đó, bà bèn sai một đứa cháu gái khoảng mười tám tuổi đem cháo cho thầy dùng, xong rồi bắt chợt ôm ngang hông thầy, liền hỏi: “Ngay bây giờ thì thế nào?” Thầy đáp:

Khô mộc ý hàn nham,
Tam Xuân vô noãn khí.

Tức là:

Cây khô tựa núi lạnh,
Ba mùa Xuân không chút hơi ấm.

Câu trả lời như vậy thật quá hay, xứng đáng cho chúng ta kính lạy phải không? Ba mùa Xuân rồi không một tí hơi ấm, để nói rằng thầy đã khô lạnh không còn có niệm gì với trần tục nữa. Nghe cô cháu gái về thuật lại câu chuyện, Bà nói: “ba năm nay nuôi một ông thầy phạm phu”, liền đuổi thầy đi và đốt am. Nếu câu chuyện ngang đây kết thúc sẽ làm chúng ta bàng hoàng, nhưng còn một đoạn kết ở sau.

Sau khi bị đuổi, ông thầy ra đi, nhưng vài năm sau, thầy trở lại tìm bà già. Và cũng như lần trước, thầy nhờ bà giúp cho việc tu hành. Bà cũng hoan hỉ cất lại am và cúng dường cơm cháo đầy đủ cho thầy. Sau một thời gian, bà bảo cô cháu gái thử thầy như lần trước. Đem cháo lên xong, cô liền ôm ngang hông thầy và hỏi: “Ngay bây giờ thì thế nào?” Thầy trả lời: “Tôi biết, cô biết, đừng cho bà già ấy biết!” Như vậy là sao? Ngay đây ông thầy còn cao thượng như khi xưa không? Mới nghe qua tưởng rằng thầy có tình ý gì nên mới bảo: Tôi và cô biết thôi, đừng cho bà già biết bà ngăn trở. Nhưng không ngờ khi cô gái về thuật lại cho bà nghe, bà nói: “À như vậy mới xứng đáng là người mà ta cúng dường.”

Nghe qua câu chuyện chúng ta thấy bà già hiểu đạo đến mức nào! Điều mà thế gian tưởng là có tình ý xấu xa, trong đạo lại là cao siêu. Vì sao? Nếu nhìn với mắt trần tục thì sẽ phê bình thầy: “Ông thầy chắc hết muốn tu rồi nên mới thốt ra câu nói rất phạm tục. Còn ngày xưa ông tu rất hay, ông khô lạnh hết rồi. Bây giờ ông giấu bà già không cho biết, chỉ để hai người biết thôi.”

Kỳ thật câu chuyện này đưa ra cho chúng ta một kinh nghiệm. Bà già đó trong nhà Thiền gọi là bậc thượng thủ, chứ không phải thường. Vì thế khi nghe thầy nói: tâm ông khô lạnh, không còn một chút hơi ấm, tức là diễn tả tâm ông đã chìm lặng không còn một tí tình gì đối với mọi người, bà già biết ông đang chìm

trong biển độc, nên đuổi đi và đốt am để cảnh giác ông. Tuy ông tu rất hay nhưng ông chìm trong chỗ khô lạnh, nhà Thiền gọi là chìm trong biển vô sanh. Khi bị đuổi đi ông chợt thức tỉnh biết chỗ lỗi của mình, biết chỗ kẹt của mình. Ngay đó ông vươn lên và nhảy khỏi. Rồi ông trở về để thử thách lại bà già. Ông yêu cầu được ở và được nuôi như trước. Đến khi người con gái ôm ngang lưng ông lần nữa, ông nói: “Tôi biết, cô biết, đừng cho bà ấy biết.” Tức là hiện giác hằng giác mà không có niệm quá khứ vị lai. Đó mới là con người chân thật, con người thật sự tiến đến giác ngộ. Thế nên bà già mới khen đó là người xứng đáng để bà cúng dường. “Không cho bà biết” vì bà là người ngoại cuộc không có hiện hữu hiện thời. Nếu đợi mạch cho bà biết là ở một thời gian khác, thành vị lai mất rồi. Còn có niệm quá khứ vị lai là làm mất cái thường giác của mình. Hằng giác hiện giác đó là chỗ mà ông hằng sống. Nếu không biết chỗ sống ấy, với ý phạm tục chúng ta sẽ phê bình ông thầy.

Sau đây là câu chuyện của ngài Viên Ngộ ngộ đạo nơi thầy là Ngũ tổ Pháp Diễn. Một hôm có quan Đề Hình đến thăm Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi: Đề Hình lúc còn trẻ có đọc thơ Tiểu Diễm không? Có hai câu thơ rất gần trong đây:

Tần hô Tiểu Ngọc nguyên vô sự,
Chỉ tại đàng lang nhận đắc thanh.

Dịch:

Vừa kêu Tiểu Ngọc nguyên không việc,
Chỉ cốt anh chàng nhận được thanh.

Hai câu thơ này cô đọng một câu chuyện tình thế gian như sau: Có một nàng tiểu thơ có tình ý với một chàng thanh niên ở gần bên nhà. Một hôm vào chiều tối, chàng thanh niên lân la đến nhà cô thiếu nữ ý muốn tìm phòng của nàng mà chưa biết chỗ nào. Cô thiếu nữ nhìn thấy anh chàng đang núp ngoài rào, cô không biết làm sao để chàng nhìn thấy biết phòng của cô, cô liền kêu: “Tiểu Ngọc đem bình trà lại phòng này cho cô.” Phòng này tức là phòng của cô đang đứng trước cửa. Tức thì anh chàng ngoài kia nhìn thấy biết phòng đó là của cô rồi. Như vậy khi kêu Tiểu Ngọc, thật ra không có việc gì quan trọng nên nói là: nguyên không việc. Tiếng kêu đó cốt để cho ai nghe? “Chỉ cốt anh chàng nhận được thanh.” Tiếng kêu đó không nhắm người thị nữ, mà nhắm vào anh chàng ngoài kia. Tuy kêu ở đây mà ý ở ngoài kia. Khi nghe câu thơ rồi, ngài Viên Ngộ liền ngộ. Đây là ngộ trong tình tự, hay ngộ cái gì? Như vậy chúng ta thấy tinh thần Thiền tông không phải tại lời nói ở đây, mà phải thấy ở bên kia. Đó mới gọi là thấy được lý Thiền.

Sau khi ngộ đạo, ngài Viên Ngộ trình lên thầy bài thơ, mà hai câu cuối lời lẽ rất là phạm tục:

Thiếu niên nhất đoạn phong lưu sự,
Chỉ hứa giai nhân độc tự tri.

Dịch nghĩa:

Người thiếu niên chỉ có một việc phong lưu,
Là mong được giai nhân (cô gái đẹp) riêng biết mình thôi.

Hai câu thơ mới nghe rất là tình tứ, nhưng khi được trình lên thì ngài Pháp Diễn nhận đó là thấy đạo. Thế nên ngôn ngữ trong nhà Thiền nếu hiểu theo thế tục thì sai lầm, lệch ý.

Trở lại bài thơ của ngài Huyền Quang, lời dịch rất rõ ràng:

Lông tay thêu gấm, gái yêu kiều,
Hoa rợp, hoàng oanh lãnh lót kêu.
Bao nỗi thương Xuân, thương biết mấy,
Là khi không nói, chợt dừng thêu.

(Huệ Chi)

Qua bài thơ, chúng ta cứ nghĩ rằng Ngài tỏ vẻ quyến luyến cô gái đang thêu, cô gái thấy dễ thương, thương lắm! Nhưng không ngờ dùng chữ thương lắm, là thương khi nào? Là khi không nói, khi dừng thêu. Chính lúc ấy Ngài thương lắm. Vì sao? Tôi lại dẫn một câu chuyện khác, rồi sẽ giải thích lý do vì sao.

Một vị Ni đời Lý, Ni Diệu Nhân khi sắp tịch để lại những câu thơ nhắc nhở đồ đệ, có hai câu như sau:

Thiền Phật bất cầu
Uông khẩu vô ngôn.

Dịch :

Thiền Phật chẳng cầu
Uông lời không nói.

Đến chỗ không cầu Thiền, không cầu Phật, tức là đến chỗ viên mãn tột cùng thì không còn lời gì để nói. Đến chỗ đó vừa mở miệng là sai, là lạc về đối đãi rồi. Thế nên ngài Huyền Quang nói thương, thương lắm là thương chỗ không nói, tức là chỗ đã viên mãn tột cùng.

Thêm một Thiền sư khác, cũng đời Lý, Thiền sư Tịnh Giới. Khi cảm hứng về mùa thu, Ngài có làm mấy câu thơ:

Thu lai lương khí sáng hung khâu,
Bát đầu tài cao đối nguyệt ngâm.
Kham tiếu thiên gia si độn khách,
Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm.

Dịch:

Thu về mát mẻ thích trong lòng,
Tám đầu tài cao hát thong dong.
Cửa thiền những thẹn người si độn,
Biết lấy câu gì để truyền tâm.

Mùa thu trở về, khí trời mát mẻ, thích thú trong lòng. Những nhà thơ giỏi tám đầu tài cao liền có những câu thơ ca ngợi cái đẹp của trăng thu và khí trời mát mẻ của mùa thu. Nhưng đáng tức cười cho ông khách si độn trong nhà thiền đã có cái gì tràn đầy trong lòng, vui tươi, thích thú, ông muốn đem cái an lạc đó ra để diễn tả và chỉ dạy cho người sau, song không biết làm sao vì mở miệng là sai, mở miệng là mất rồi. Nên nói: Vì hà tương ngữ dĩ truyền tâm: không biết đem lời gì để truyền cho mọi người cái tâm an lành tự tại của chính mình. Như vậy để nói rằng chỗ chân thật bất sanh bất diệt luôn luôn là thanh tịnh là an lạc, chỗ ấy không có lời để diễn tả, thì làm sao mở miệng, làm sao nói? Thế nên ngài Huyền Quang nói là: thương, thương lắm, tức là chỗ không có lời.

Tại sao lại dừng thêu? Trong nhà thiền, khi đến chỗ chân thật cứu kính, thường nói là: ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, tức là bật đường ngôn ngữ, không có lời để diễn tả và dứt chỗ tâm hành tức là dứt cái tâm đang tìm kiếm, đang đuổi theo sáu trần. Dứt chỗ tâm hành tức là dừng thêu chớ gì? Dừng được tâm đó mới là chỗ thương, thương lắm.

Trong kinh thường giảng nghĩa hai chữ Niết-bàn, Niết-bàn tiếng Phạn là Nirvāna, và tiếng Pali là Nibbāna. Chữ Nib là không. Bana là thêu dệt. Không thêu dệt tức là không tạo nghiệp, không đan kết, không bị lôi cuốn vào vòng luân hồi. Vì thế Niết-bàn cũng gọi là Vô sanh, tức là không còn đan dệt vòng luân hồi nữa. Chỗ cô thiếu nữ không nói, dừng thêu, quả là Niết-bàn, đây là chỗ ngài Huyền Quang thích nhất, nên Ngài diễn tả bằng cảnh Xuân tươi đẹp.

Đến đây chúng tôi mới nói ý nghĩa của toàn bài thơ. Đầu tiên là cô thiếu nữ yêu kiều đang thêu gấm, cô gái rất đẹp, gấm cô thêu cũng đẹp. Ngoài trời hoa nở rộ, chim hoàng oanh hót lãnh lót, tất cả cái đẹp hợp lại là tượng trưng cho mùa Xuân. Mùa Xuân đẹp với người thế gian trần tục, nhưng đối với người tu thì thế nào? Cô gái đẹp nhưng cứ thêu, thêu mãi, thì đó là cái đẹp của luân hồi sanh tử, chưa đáng cho chúng ta quan tâm. Cần phải có cái đẹp khi không nói và lúc dừng thêu, đó mới thật là cái đẹp của người tu muốn tìm muốn được. Thế nên hai câu chót ngài Huyền Quang nói rằng:

Bao nỗi thương Xuân, thương biết mấy,
Là khi không nói, chợt dừng thêu.

Không còn một lời, không còn đan dệt, chính đó là chỗ ước mơ mong mỏi của người tu. Thế mà có nhiều người lại hiểu theo cái đẹp của thế tục: Cô gái đẹp đang thêu gấm, bên ngoài có hoa nở chim hót..., rồi cho ngài Huyền Quang là tình cảm dỗi dào. Thật ra Ngài là một nhà thơ lại là một Thiền sư, nên Ngài diễn tả quá khéo léo khiến cho người hiểu lầm. Chúng ta là con cháu trong nhà Thiền phải hiểu cho rõ, thấy cho đúng chỗ này, kéo phê bình theo quan niệm thế gian sẽ bị thiên hạ chê cười: Ông cha mình quá hay mà con cháu thì quá dốt.

Vậy trọng tâm của người tu là phải làm sao đạt đến chỗ cứu kính Niết-bàn. Chúng ta quyết định phải đạt được mục đích đó, một mục đích rất đẹp, đẹp vô

cùng. Và các Thiền sư Việt Nam qua các bài thơ đã diễn tả sự tu hành toàn là đẹp, đẹp như mùa Xuân!

Để kết thúc lời nhắc nhở hôm nay, chúng tôi nghĩ rằng tất cả người tu chúng ta đều đủ phúc duyên nên mới sớm thức tỉnh chọn được con đường đẹp để an lành. Từ đây về sau chúng ta phải cố gắng nỗ lực đi cho đến đích, đạt cho đến chỗ cuối cùng. Không có lý do gì mình đã chọn được con đường tốt đẹp rồi lại lo chuyện bâng quơ không đáng để phí hết thời giờ. Đến ngày cuối cùng nếu không đạt được mục đích thì rất là đáng tiếc. Cũng như người đang đi trên con đường dẫn đến một Kinh đô quan trọng đẹp để hằng mơ ước, Kinh đô khẳng định ở đầu đường, người ấy lại dừng bước bên đường, lo bắt bướm hái hoa, rồi ngủ nghỉ dưới bóng mát cây cao qua ngày qua tháng, quên cả mục đích mình nhắm tới. Cho đến một ngày nào ngã bệnh không đi được nữa, khi ấy có hối tiếc cũng đã muộn rồi. Cứu kính là phải đến Kinh đô mình đã chọn, đó chính là nơi mình an thân lập mạng. Bắt bướm hái hoa nào có lợi ích gì, chỉ uổng phí thì giờ, lại không đạt được bản nguyện của mình. Và những bậc thức giả sẽ chê cười mình không có ý chí, không có nhận định chân chánh, con đường đã chọn quá hay mà hành động lại quá dở, đó là điều thật đáng trách.

Hôm nay quý vị đến đây chúc mừng năm mới, chúng tôi không có gì hơn là nhắc nhở quý vị nhớ rằng con đường mình đã chọn là con đường rất tốt đẹp, rất an lạc. Chúng ta hãy nỗ lực tiến trên con đường đó, làm sao một đời này nếu chúng ta chưa đến tận đích, ít ra chúng ta cũng đi được nửa phần hoặc hai phần đường. Rồi qua một đêm ngủ chúng ta lại tiếp tục đi nữa, chớ không chần chờ để mất hết thì giờ, rồi phải chịu đau khổ như bao nhiêu người không có đủ phúc duyên như chúng ta.

Chúng tôi mong rằng sang năm mới này, tất cả Tăng Ni cũng như toàn thể Phật tử, đồng nắm tay nhau tiến mãi, đừng lùi đừng nghỉ, tiến mãi trên con đường rộng lớn tươi đẹp an lành cho đến ngày đạt được mục đích mới thôi .



KHỔ VUI QUA CON MẮT KẼ MÊ NGƯỜI TỈNH

XUÂN CANH NGỌ 1990
(Buổi nói chuyện với Phật tử)

Hôm nay là ngày Tết Nguyên Đán năm Canh Ngọ, quý Phật tử về đây lễ Phật và chúc Tết quý Thầy, chúng tôi đại diện cho tất cả chư Tăng ở Thiền viện Thường Chiếu có đôi lời nhắc nhở quý Phật tử trong ngày đầu năm để quý vị tiến tu trên con đường giải thoát.

Ngày Tết Nguyên Đán là ngày quan trọng đầu năm, đi đâu hay làm điều gì chúng ta đều mong gặp những điều lành, mong được những kết quả tốt đẹp. Chúng tôi thấy cần phải nói rõ ý nghĩa ngày mùng một Tết đối với tất cả người tu Phật chúng ta. Ngày Tết là ngày đầu của mùa Xuân, mùa của an vui, hạnh phúc và tươi đẹp. Song cái hạnh phúc tươi đẹp đó từ đâu mà ra? Từ con người hay từ ngoại cảnh? Chúng ta cần phải thấy rõ điều này, để ứng dụng cho cuộc sống hằng ngày được hết khổ và luôn an vui. Vì thế đề tài chúng tôi nói hôm nay là “Khổ vui qua con mắt kẻ mê người tỉnh”.

Cùng là một việc, người mê thấy là vui, người tỉnh thấy nó ra sao? Cùng là một việc, người mê thấy là khổ, người tỉnh thấy là khổ hay không? Đó là những điều mà tất cả chúng ta cần nên biết.

Sống giữa đời này ai cũng sợ khổ, cũng muốn cầu vui. Nghe nói tới khổ, ai cũng ê chề chán ngán, nghe nói tới vui, ai cũng ưa thích mếm mộ. Thế thì muốn cái khổ đừng bao giờ đến và cái vui luôn luôn sẵn sàng chực đón, thì chúng ta phải làm thế nào, sống thế nào cho được thích hợp? Đó là điều rất thiết yếu cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Trước hết tôi nói cái vui của người mê. Thí dụ người mê gian lận mang bệnh nghiện thuốc hoặc nghiện rượu, khi đang thiếu nếu có ai đem đến cho điều thuốc hay ly rượu, lúc đó họ vui hay khổ? Rất là vui, vui lớn. Đó là trường hợp nghiện mà không có tiền. Nếu nghiện lại có nhiều tiền thì sao? Rủ bạn bè vô quán, năm bảy người ăn uống say sưa lúc đó là vui hay khổ? Lúc vô ngồi quán bạn bè chè chén thật là vui. Nhưng nghĩ kỹ, vui đối với ai mà khổ đối với ai? Nếu người nghiện rượu chỉ biết uống rượu là hạnh phúc là thú vị, khi được chè chén thì cho là vui. Trái lại người không nghiện rượu khi thấy năm bảy người vô ngồi quán nhậu say túy lúy, thì nghĩ đó là khổ. Vậy cái vui của người nghiện là thí dụ cho cái vui của người mê, còn người tỉnh thấy đó là khổ. Như vậy ai thấy đúng? Người nghiện vào quán uống rượu cho vui là đúng. Người không nghiện thấy việc đó là tốn kém, hại sức khoẻ, lại thêm chuyện rầy rà, nên thấy là khổ. Người mê vui là khi đang mê, nhưng tỉnh lại sẽ thấy khổ. Tại sao? Thí dụ như khi vào quán, số tiền phải tốn hao cho bữa tiệc có thể giúp sống năm ba ngày. Nhưng vì ngồi quán xài hết tiền nên phải đi làm để bù lại. Đó là khổ, vất vả về thân. Còn khổ về tâm thì thế nào? Nếu người có gia đình vợ con mà rủ bạn bè vào quán, xài hết tiền vợ nhà cần nhàn, hoặc ngồi quán đến nỗi say túy lúy, vợ con chán ngán, thì thật là khổ! Từ cái

tưởng lầm là vui, đưa tới cái khổ của nhiều ngày về sau. Cái vui của người mê thật sự là cái vui trá hình của đau khổ. Người tỉnh thấy khổ là thấy đúng lẽ thật. Chúng ta là người biết tu, là người tỉnh, nên nói tu tỉnh, biết tu là phải tỉnh. Những cái khổ mà người thế gian tưởng là vui, chúng ta nên tránh, như thế mới là thật tỉnh. Nếu chúng ta lặn vào chỗ mê đó thì chúng ta sẽ thành kẻ mê.

Lại có người lăm của nhiều tiền thích những thoả mãn về xác thân nên hút á phiện hoặc xì ke ma túy, họ cho đó là vui. Hút sách vừa tốn kém vừa hao mòn sức khoẻ lâu ngày thành bệnh, sống dở chết dở. Điều họ tưởng là vui rốt cuộc lại là khổ! Thời nay các thanh niên trẻ rủ nhau đến những chỗ hút xì ke ma túy. Khi mang bệnh rồi thì thật là khổ! Như năm trước có một thanh niên tuổi khoảng đôi mươi, gầy ốm chỉ còn da bọc xương ngồi trước cổng chùa ăn xin. Hỏi ra mới biết vì hút xì ke ma túy nên bị cha mẹ đuổi, phải đi lang thang xin ăn, sống dở chết dở. Nếu xin được chút ít tiền thì đi kiếm thuốc chích cho đỡ ghiền, nếu không tiền thì nằm ngoạ bên lề đường trông thật là đau khổ. Đó cũng vì mê lầm lấy khổ làm vui.

Người tỉnh sáng biết hút sách là nhân đau khổ ở ngày mai, là nhân bị cha mẹ từ bỏ, bị mọi người sợ mình đánh cắp đồ đạc nên không chừa chấp. Đó là gốc của khổ đau, người thế gian không thấy khổ lại tưởng là vui! Còn người biết tu biết đó là khổ thì tránh ngay buổi ban đầu nên quả khổ không bao giờ đến.

Ở thế gian còn một cái vui nữa mà tính chất không lương thiện: Đó là vui trên cái khổ của con người và con vật. Thí dụ như các đứa bé mười hai mười ba tuổi thường ra đồng bắt dế, bắt cá thia thia đem về cho đá lộn nhau, con nào thua thì chạy, con ăn đuôi theo... trẻ nhỏ thích thú vỗ tay vui cười. Đó là vui trên cái khổ của con vật. Mình lợi dụng sự ngu mê của con vật để đưa nó đến chỗ đánh đá lộn nhau, cho đó là vui, trong khi con vật lại khổ.

Đến người lớn thích chơi đá gà. Họ sắm gà nòi, chuốt cựa cho bén rồi đem nhử cho nó đá nhau. Khi con gà nào bị đá té ngã máu me đầy mình thì người xem vỗ tay vui mừng. Đó cũng là vui trong cái ác. Tâm mình tàn nhẫn trông thấy chúng sanh khổ mà mình cho là vui, cái vui đó thật là thiếu đạo đức .

Thêm cái vui chẳng hiền lành chút nào như đi xem đánh võ đài, tức là người đánh với người, các tay võ sĩ đánh với nhau. Chúng tôi có quen vài võ sĩ, tôi hỏi: “Vì sao mình nỡ đánh người đến ngã đo ván, như vậy có lợi ích gì mà mình tàn nhẫn đến thế?” Người võ sĩ thưa: “Thưa Thầy khán giả độc lắm, mình đánh nhẹ nhẹ thì họ la ó, họ nói mình cuội. Nếu mình đánh cho ngã thì họ vỗ tay vui cười.”

Như vậy chúng ta vui thích trong cái khổ của con vật, như con dế con gà đá nhau, đến cái khổ của con người đánh đập nhau đến té ngã. Thế thì tâm chúng ta có hiền không? Vui trên sự đau khổ của con người, con vật có phải là vui thật chẳng? Cho nên người Phật tử chúng ta luôn luôn đặt cái vui của người trên cái vui của mình, làm cho người vui thì mình mới vui, nếu người khổ thì mình không

vui bao giờ. Vui trên cái khổ của người là cái vui phi đạo đức, cái vui của người mê không phải của người tỉnh.

Lại thêm một cái vui nữa rất là tàn nhẫn. Như mấy chú bé còn nhỏ mười lăm mười ba tuổi đi đâu hay xách cái giàn thun hay cái ná theo, hoặc văn minh hơn thì mang những cây súng nhỏ để khi thấy mấy con chim đậu trên cành thì nhắm bắn, nhiều khi hai con chim, con trống con mái đang đậu rĩa lông cho nhau, kêu ríu rít rất là dễ thương, mà mình nhắm bắn nó. Khi bắn trúng một con té nhào xuống thì vỗ tay vui mừng. Thử hỏi khi bắn một con vật ngã xuống, đó là hành động tốt hay xấu? Làm một việc xấu một việc ác mà vui hay sao? Chẳng những người bắn vui mà những người đứng chung quanh cũng vui, cũng vỗ tay khen nữa. Vui trong cái chết chóc, vui khi giết được con vật, đó là quá ác phải không?

Từ việc xem thường cái khổ của con vật lần lần đưa đến xem thường cái khổ của con người. Thí dụ như có người quen giựt đồ móc túi, khi giựt được vật gì về nhà họ vui lắm, kiếm ăn được, nhưng người mất của thì rất khổ. Đến người ăn trộm cũng vậy, lén vào nhà lấy trộm được của người, khi về rất là vui mừng, không nhớ đến cái khổ của người bị mất trộm. Lấy được càng nhiều của thì càng hả hê vui mừng, còn người mất nhiều của thì khổ đến mức nào? Đến việc cướp của, có khi đi đến giết người. Cướp của càng nhiều thì càng mừng rỡ vui cười, trong khi ấy có người mất mạng hoặc tan nhà nát cửa. Vui trên đau khổ của người khác là quá tàn ác không còn một chút lương tâm. Thế mà ở thế gian có những người vui như vậy, đó là những người mê. Nếu người tỉnh thì không nỡ lòng nào lấy cái khổ của người làm cái vui cho mình. Thế nên người biết tu thì phải tỉnh, tỉnh thì mọi hành động gây tổn thương đau khổ cho người cho vật, chúng ta phải tránh.

Lại có những người buông lung chạy theo sắc dục, cho đó là vui. Như những thanh niên đuổi theo năm bảy cô thiếu nữ, nếu được các cô thương thì họ tưởng là giỏi, là người tài hoa ai cũng mến yêu. Nhưng không ngờ đuổi theo sắc dục là khổ: Khổ về thân xác bệnh hoạn, khổ về tinh thần, chuyện gia đình rối rắm mất cả hạnh phúc. Hoặc giả có những người có gia đình mà còn tình ý lồi thối, nay đổi chồng, mai đổi vợ. Khi thay đổi họ tưởng là vui, nhưng không ngờ mỗi lần đổi thay là mỗi lần đau khổ. Có gia đình là có con cái, nếu người cha hay người mẹ đổi thay thì con cái bơ vơ khổ sở vì thiếu cha hay thiếu mẹ. Thế nên cái vui ích kỷ của một người làm khổ lây đến nhiều người. Đó là sự làm lẫn của thế gian, chuyện không vui tưởng là vui.

Rồi đến những người có máu cờ bạc, cho việc ngồi vào sòng bạc là vui. Ngồi sòng đánh đỏ đánh đen, hoặc khi thua thì sạch túi, hoặc khi được thì về đãi đấng bà con. Họ cho đó là vui, cờ bạc cho là thú vui! Nhưng người không cờ bạc, biết rõ tai hại của cờ bạc, cho đó là khổ. Người đời thường nói: Cờ bạc là bác thằng bần. Ai say mê cờ bạc thì phải tán gia bại sản tan hoang sự nghiệp, đó là nhân của đau khổ. Như vậy cái vui của người thế gian, kiểm lại có cái vui nào là chân chánh, là thật đâu!

Thế nên người biết tu, biết đạo rồi phải tránh xa tứ đồ tường, đừng dính vào bốn tám vách tử sắc tài khí đó. Ấy là cái vui thật sự, vui vì không dính vào cái khổ, vui vì không làm phiền khổ ai.

Kể đến người biết tu vui trong những việc mà người đời tưởng là khổ. Thí dụ như ăn chay. Người mới tập ăn chay hai ngày hoặc bốn ngày mỗi tháng sẽ thấy khổ vì nuốt khó trôi lại dễ xót ruột. Nhưng biết ăn chay quen rồi mình sẽ vui. Vì sao? Vì mình không có giết mạng súc vật để bồi bổ xác thịt của mình. Ngày mình ăn chay là ngày mình hãnh diện không giết con vật nào, là ngày mình vui, vì không làm đau khổ chúng sanh. Vì thế cái vui của người ăn chay là biết tránh cái khổ cho con vật. Nếu chúng ta không thể ăn chay trường thì ít ra cũng dùng chay hai ngày hoặc bốn ngày mỗi tháng. Những ngày này bảo đảm mình không có giết con vật nào, mình vẫn sống mà không làm khổ loài vật, thì đời sống đó mới có giá trị, mới thật tốt lành. Đừng nghĩ ngày ăn chay là ngày bắt buộc. Ngày ăn chay người ta bán cá rẻ quá nên mua về bỏ vào hũ rộng lại, để mai một sẽ ăn. Nếu tính như vậy là còn ích kỷ chưa phải thật ăn chay. Ngày ăn chay chúng ta phải thấy là ngày mình tránh được tội, làm được điều tốt, không sát hại chúng sanh, cho nên mình vui, cái vui thật sự.

Thêm cái vui nữa là biết tiết dục tức là không ham muốn nhiều. Trong sách thiên thường dạy người tu được định Sơ thiên gọi là Ly sanh hỉ lạc. Tức là do lìa ngũ dục nên sanh hỉ lạc. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thụ, hay là sắc thanh hương vị xúc. Khi lìa được năm món dục này thì mình vui.

Thế nên cái vui của người biết tu và cái vui của người thế gian ô nhiễm khác nhau. Người thế gian đuổi theo cái vui trong cái khổ của chúng sanh, còn người biết tu vui khi không làm chúng sanh đau khổ, không làm những điều không cao thượng. Người tu hành vui khi thoát khỏi những điều trần tục tầm thường, đó gọi là cái vui thoát tục. Có những người trẻ tuổi sống vui khi xa lìa tứ đồ tường, khi ăn chay, khi sống thoát tục lại bị người khác phê bình là ngu! Không uống rượu, không cờ bạc bị chê là ngu, còn uống rượu cờ bạc lại cho là khôn! Nhưng sự thật ai khôn ai ngu? Ghiền rượu ghiền á phiện xì ke ma túy làm tốn hao tiền của, lại mang bệnh, tự chuốc khổ chuốc họa vào mình sao gọi là khôn được. Biết tránh những cái khổ những cái họa, không để phiền lụy cho mình cho người, đó mới thật là khôn.

Trong kinh Phật có dạy:

Sắc thanh hương vị xúc
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỉ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu,
Thế giới với chư thiên,
Xem chúng là khả lạc.
Khi chúng bị hoại diệt,
Mới thấy chúng là khổ.

Bậc thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược
Điều mọi người được thấy.
Điều người khác gọi lạc,
Bậc thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc thánh biết là lạc.
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy, mê mờ.

(Tiểu Bộ Kinh trang 111 tập I)

Phật dạy:

Sắc thanh hương vị xúc, tức là ngũ dục, tất cả những pháp này người đời cho là vui là vừa ý. Chẳng những người đời mà cả chư Thiên cũng xem ngũ dục là vui. Khi ngũ dục mất đi mới thấy là khổ.

Còn bậc Thánh thấy vui khi có thân này mà đoạn diệt được những nhiễm trước theo dục lạc, đoạn diệt được những mầm khiến phải tái sanh. Như vậy cái vui của Thánh và cái vui của phàm hoàn toàn trái ngược nhau. Cái vui của phàm thì Thánh gọi là khổ, cái vui của Thánh thì phàm cho là khổ. Thí dụ như người tu khổ hạnh ăn mặc đơn sơ, ngồi thiền dưới cội cây, những người thích ăn chơi cho người tu như vậy là ngu, không biết thụ hưởng, chịu khổ làm gì? Trái lại những vị Thánh thấy người say sưa rượu chè cho là không khôn chút nào! Thế nên nếu nhìn với con mắt thánh thì những điều thế gian cho là vui, chúng ta biết nó là khổ. Những điều người thế gian gọi là khổ như ăn chay, tu hành đơn giản, bậc Thánh lại cho là vui. Như vậy ở đời phải khéo biết cái nào là vui thật để vui, cái nào là vui trá hình của đau khổ để tránh. Như thế mới không mê mờ chạy theo cái vui thế tục.

Đến đây chúng tôi nói thẳng cái vui của người tinh, tinh hoàn toàn. Người tinh vui khi tâm hồn an lành thanh tịnh. Những nơi ồn náo hoặc những cuộc vui nhộn nhịp làm cho tâm hồn không an ổn, người tinh thấy là khổ. Vì thế người biết tu khi ngồi yên dưới cội cây, nhìn trời mây, cỏ cây hoa lá, chính lúc đó tâm hồn mình an lành thanh tịnh, đó là vui. Niềm vui này không làm tổn hại cho ai, không mất tiền của, cũng không mất sức khỏe. Đó là cái vui thứ nhất.

Đến cái vui thứ hai là khi làm lợi ích cho nhiều người. Người tu càng làm cho nhiều người được lợi ích, được bớt khổ thì càng vui. Vui trong an vui hạnh phúc của người thì vui này mới lâu bền.

Đến cái vui thứ ba của người tu là khi chiến thắng được giặc phiền não. Giặc phiền não là gì? Giả sử có ai đi ngang mình nói cạnh khoe một câu, tức thời mình nghe nóng lên muốn trả lời một câu cho xứng đáng, nặng như nhát búa... Nếu ngay đó biết đây là phiền não, là tội, mình dừng lại không phát ngôn, rồi từ từ

nguội xuống. Khi nguội rồi, người biết đạo thấy vui vì đã thắng được cơn nóng giận của mình. Còn nếu mình nói một câu cho chát chúa, thế nào người ta cũng trả lại một câu nặng hơn. Qua lại một lúc thành đấu khẩu rồi đến đấu võ, chỉ làm khổ cho nhau, chớ có lợi ích gì! Thế nên người tu chỉ vui khi thắng được giấc phiền não. Mình sẽ được an ổn, không làm méch lòng ai, gặp ai mình cũng vui cười. Thắng được giấc phiền não là gốc vui chân thật, thua nó là gốc đau khổ. Nhiều người thế gian thấy rất đáng thương, khi nghe ai nói lời gì trái ý liền trả lại ngay cho xứng đáng và mạnh hơn mới hài lòng. Ngờ đâu mình làm cho người giận là gieo nhân không tốt. Tưởng như thắng là được yên, nhưng mình đã gieo hờn vào lòng người thì họa ắt sẽ đến.

Cái vui thứ tư của người tu, cao siêu hơn, là cái vui bỏ bóng nhận đầu. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy ngài A-nan: Có một người tên Diên-nhã-đạt-đa, một sáng nọ cầm gương soi mặt, nhìn thấy mặt mũi trong gương rõ ràng. Kế anh úp gương lại, mặt mũi nhìn thấy khi nãy mất tiêu, anh hoảng hốt nói: Tôi mất đầu rồi, tôi mất đầu rồi. Anh phát điên bỏ chạy khắp xóm làng. Đó là cái điên của người nhận bóng quên đầu. Sự thật đầu có mất bao giờ! Chỉ mất bóng thôi mà tưởng là mất đầu nên anh hoảng hốt điên cuồng. Vì thế người biết tu là biết bỏ bóng nhớ đầu. Đầu mặt trong gương là bóng, mặt nó mình sờ lại thấy đầu mặt vẫn còn nguyên. Bỏ bóng nhớ đầu mới là niềm vui chân thật của người biết trở về cái thật không đuổi theo bóng.

Kế đến là cái vui của người cùng tử lang thang nghèo khổ gặp lại cha. Đây là câu chuyện trong kinh Pháp Hoa: Có anh chàng khi còn bé đã bỏ cha ra đi. Anh lang thang nghèo khổ, ăn xin đầu đường xó chợ từ xứ này qua xứ khác. Một hôm anh thức tỉnh nhớ lại cha tìm về quê hương. Cha anh lúc bấy giờ là một trưởng giả giàu có. Anh gặp được cha, cha nhận anh là con rồi trao sự nghiệp lại cho anh. Đó là vui tuyệt! Qua câu chuyện “Người cùng tử gặp cha”, người tu chúng ta hiểu như thế nào? Từ xưa đến giờ chúng ta sẵn có ông Phật ở trong nhà mà chúng ta quên nên cứ chạy theo cái bóng, tức là những vọng tưởng của mình, rồi tạo nghiệp. Nghiệp dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử từ đời này đến kiếp khác, lang thang khổ đau không cùng không tận. Nay thức tỉnh chúng ta biết đó là bóng đã dẫn mình đi trong đau khổ, chúng ta phải trở về ông Phật của mình. Trở về gặp Phật của mình gọi là cùng tử gặp cha. Lúc ấy mình giàu có sung sướng, đó gọi là cái vui của cùng tử gặp cha.

Cái vui kế là: cái vui của kẻ lạc loài trở về cố hương. Có một số người đang ở quê hương rất an lành, nhưng bất thần nghe theo sự xúi giục của ai đó (ma vương) họ ra đi lang thang từ xứ này qua xứ khác nhiều tháng nhiều năm. Không có công ăn việc làm, họ phải chịu đói rét khổ sở. Một ngày kia chợt thức tỉnh họ muốn trở về cố hương, lại rủ nhau cùng về. Về đến cố hương tất cả đều gặp lại thân bằng quyến thuộc, sống ở quê hương rất an lành, sung túc, các khổ đau lạc loài, thiếu thốn lang thang không còn nữa. Đó là cái vui của người trở về cố hương. Nơi quê hương đã sẵn mọi tiện nghi tốt đẹp, đó là quê hương pháp thân, quê hương này không bao giờ có khổ đau, không bao giờ có sanh tử. Vì quên quê

hương nên chúng ta bị vô minh phiền não xúi giục, dẫn đi lang thang trong vòng sanh tử. Giờ đây thức tỉnh trở về quê hương, bỏ đi nếp sống lang thang. Ngược dòng trở về với Pháp thân, tức là trở về cố hương, trở về quê hương muôn đời thì hết những khổ đau vất vả của nhiều năm tháng trước. Đó mới chính là cái vui chân thật.

Như vậy chúng ta tu là được vui hay bị khổ? Tu là vui. Vì thế chúng ta phải nôn nả gắng sức trở về chỗ vui đó, chẳng lẽ chúng ta sống mãi trong buồn khổ sao? Dù cho được phước đức sống trong gia đình đầy đủ ngũ dục tài sắc danh lợi, nhưng cũng không thoát khỏi bệnh hoạn già chết. Dù chúng ta có hưởng cái vui của sự giàu sang sung túc đến đâu, dài lắm cũng chỉ mấy mươi năm thôi, rồi ngày qua ngày cũng vô thường bại hoại. Chỉ khi nào chúng ta thoát khỏi khổ sanh tử, đó mới là cái vui chân thật lâu dài.

Để kết luận chúng ta thấy người thế gian không sáng suốt nên lấy cái khổ của người làm niềm vui cho mình. Là người sáng suốt, chúng ta không bao giờ chấp nhận cái vui trên đau khổ của người khác. Người thế gian không biết nên lấy cái vui tạm bợ cho là chân thật. Nhưng khi biết rồi thì cái vui tạm bợ không đáng để chúng ta mê say, mà chúng ta phải trở về tìm cái vui chân thật. Và cái vui này chỉ có nơi người biết tỉnh giác.

Thế nên chúng ta phát tâm tu là phát nguyện trở về nguồn an vui trong đời này và nhiều đời sau nữa. Muốn được như vậy chúng ta phải cố gắng tu, nghĩa là luôn tìm cái vui trong thanh tịnh, trong sự tỉnh giác, không đeo đuổi giành giật cái vui thế tục. Đạo Phật đã đưa chúng ta đến chỗ an vui, nên chúng ta nguyện tiến tu suốt đời, càng lớn tuổi càng phải tiến nhanh hơn, vì khổ sanh tử đã tới gần kề rồi. Nếu không tìm được cái vui chân thật thì khi vô thường đến làm sao chúng ta trở tay cho kịp!

Đạo Phật là đạo diệt khổ và đem lại sự an vui cho tất cả mọi người, là chỗ nương tựa để chúng ta trở về cố hương, gặp lại ông cha của mình, tức là trở về với cái thật, cái vui thường hằng vĩnh cửu.

Vậy bước sang năm mới chúng tôi chúc tất cả quý Phật tử một năm đầy an vui của người tỉnh giác.



NHỮNG CHƯỚNG NẠN CỦA ĐỨC PHẬT

TẮT NIÊN CANH NGỌ (1991)

Trước khi vào đề tài, tôi nêu lên vài câu chuyện nhỏ để quý vị thấy rõ sự việc chúng tôi nói hôm nay. Có nhiều người nói năm nay tuổi tôi xấu nên xảy ra nhiều chuyện không tốt. Từ lâu tôi nghĩ rằng tuổi không quan trọng mà chính hành động và tư tưởng mới quan trọng nên tôi không để ý đến tuổi nhưng nhiều người lại cho đó là đúng sự thật. Nếu đúng thì chắc mỗi năm chúng ta phải tốn tiền coi lịch đảng hoàng rồi cúng sao giải hạn. Đó là điều chúng tôi không chấp nhận.

Cuộc đời mỗi người chúng ta đều có khi thăng khi trầm, có lúc được hanh thông, có khi gặp những điều bất hạnh, nhưng đối với tôi, tôi không thấy có gì gọi là bất hạnh. Ở đời không thể nào chúng ta có một cuộc sống bình yên mãi mà phải có khi lên, khi xuống, như vậy cuộc đời mới có giá trị. Như khi đi con đường Đà Lạt, chúng ta không buồn ngủ là nhờ đi qua đèo, chúng ta thường tỉnh để nhìn cảnh đẹp. Cảnh đẹp là do có xuống dốc lên đèo, đời chúng ta có hay đẹp cũng là nhờ khi thế này khi thế khác, nếu cứ bình bình hoài thì giống như đi đường bằng phẳng miền Tây, xe chạy một lúc là buồn ngủ. Như vậy không có gì gọi là bất hạnh hay xui rủi, chẳng qua đó là nhân duyên trong cuộc đời, trong tương đối phải như vậy. Lại chính những khi thăng trầm chúng ta càng thấy rõ mình hơn. Khi thăng chúng ta không tự hào, không ngạo mạn, khi trầm chúng ta không buồn, không khổ, đó là có tiền trên đường tu. Trái lại khi thăng thì hãnh diện, khi trầm thì than thở thì thật là mình chưa ra gì! Thế nên những đổi thay là những cơ hội để người tu thấy rõ mình hơn, biết mình đã tiến được bước nào chưa, nếu tiến được, đó là điều đáng mừng, nếu không, đó là điều đáng xấu hổ trên đường tu.

Hôm nay là ngày cuối năm, quý vị thấy năm xui của tôi đã chấm dứt chưa? Thật ra ai nói tôi xui rủi cũng được, nhưng riêng tôi, tôi thấy mỗi năm đều có những cái hay, cái dở theo nhau. Thí dụ như năm nay tôi muốn đi ra Bắc để tìm thêm tư liệu thì lại có phương tiện, đi về được bình an, người đời cho đó là may. Ở đời không có một chiều, cần yếu là chúng ta không bị quan khi gặp những bất hạnh, cũng như không lạc quan khi thấy những việc tốt đến với mình. Chúng ta phải luôn thấy được mình trước hoàn cảnh thuận hay nghịch, đó là chúng ta biết tu. Như vậy tôi đã kiểm điểm sơ lược chuyện cũ của riêng cá nhân tôi trong năm nay.

Đến đây tôi đề cập đến chuyện xa hơn, đó là chuyện của đức Phật, tất cả Tăng Ni và Phật tử nghe, rồi lấy đó làm gương tu học. Nếu chúng ta chỉ một chiều nhìn đức Phật là một đấng đại hùng, đại lực, đại từ, đại bi, toàn năng, toàn trí..., đời của Ngài hoàn toàn không có chuyện gì đáng buồn đáng vui cả, đó là chúng ta lý tưởng hoá đời sống đức Phật, chớ sự thật không phải như thế. Chúng ta phải nhìn đức Phật qua những hoàn cảnh thuận nghịch trong đời sống thực tế để xem Ngài xử sự như thế nào, rồi từ đó chúng ta thu nhặt những kinh nghiệm, hun đúc ý chí, và trở thành những con người cứng cỏi thấy rõ được lẽ thật; nếu không, nhiều khi chúng ta hay than thân trách phận, nghĩ rằng đức Phật ra đời giáo hóa dễ quá,

còn chúng ta sao gặp đủ mọi điều khó khăn... Vậy đề tài chúng tôi nói hôm nay là “Những chướng nạn của đức Phật”.

Đức Phật còn chướng nạn sao? Thế gian thường nói: “Phật còn vương tám nạn, huống là người sao khỏi tai ba.” Nghĩa là Phật bị tám nạn, còn người chỉ ba tai ách thôi. Phật còn nạn nhiều hơn chúng ta nữa! Hiểu như vậy chúng ta mới có cái nhìn rõ ràng.

Trước tiên tôi nói những chướng nạn của đức Phật qua cái nhìn của phàm phu và Nhị thừa để quý vị đừng có những lầm lẫn khác. Từ trước đến nay đa số người học Phật nghĩ rằng đức Phật là một đấng tròn đầy tất cả công đức, nên trên đường hoằng hoá Ngài không vấp phải chướng ngại. Vậy hôm nay chúng ta đi sâu vào vấn đề để tìm xem đức Phật gặp những chướng nạn nào trên đường hoằng hóa của Ngài. Tôi chia ra: trước là chướng nạn bên ngoài, kế là chướng nạn bên trong.

Nói đến chướng nạn bên ngoài, tôi trích một bài trong kinh Tứ Thập Nhị Chương. Trên đường giáo hóa, một hôm vào buổi sáng, đức Phật một mình mang bát đi khát thực trong thôn. Tại thôn ấy có một người Bà-la-môn, vì đệ tử của ông đã theo Phật qui y quá đông, nên khi thấy Phật ôm bát đi khát thực, ông liền đi theo sau Phật và gọi tên Phật chửi mửi. Đức Phật vẫn im lặng đi, Phật im lặng chùng nào ông càng tức chùng nấy. Đến đầu đường ông chạy đến trước chặn Phật lại, ông hỏi: Sa-môn Cù-đàm, Ngài có điếc không? Đức Phật trả lời: Không.

- Ông không điếc tại sao ông không nghe tôi chửi?

- Có nghe.

- Nghe sao ông không trả lời?

Đức Phật dùng thí dụ nói: Giả như nhà ông có lễ lớn, sau buổi lễ thân nhân ra về, ông đem quà tặng, nếu những người ấy không nhận thì quà đó thuộc về ai?

Người Bà-la-môn đáp: Tôi tặng, người ta không nhận thì về tôi chớ về ai.

Phật bảo: Cũng thế, ông chửi mà ta không nhận thì lời chửi đó đâu có dính dáng gì đến ta.

Người Bà-la-môn đành im lặng trở về.

Đó là trường hợp thứ nhất, đức Phật bị người ta chửi mà vẫn điềm đạm. Khi người ấy tức quá nhin không nổi, hỏi Ngài có điếc không mà làm thinh thì Ngài đáp là Ngài nghe. Nhưng tại sao không cãi? Vì Ngài nghe mà không nhận, cũng như người đem quà tặng chúng ta, nếu chúng ta không nhận thì của đó đâu có dính gì với chúng ta và quà đó vẫn còn nguyên là của họ. Như vậy quý vị có thể lấy bài kinh này làm bài kinh nhật tụng để tu học. Nếu có người chửi, quý vị có lặng lẽ đi và khi họ hỏi tại sao không trả lời thì quý vị nói thế nào? Chúng tôi thấy đây là một bài kinh mà người tu chúng ta không bao giờ quên được.

Một lần nữa, cũng trên đường giáo hóa, hôm ấy đức Phật đi khát thực một mình, gặp một người Bà-la-môn khác cũng theo sau chửi Phật, chửi mửi mà đức

Phật vẫn lặng lẽ đi, không đối đáp gì cả. Ông tức quá, đến đầu đường ông chặn Phật, đức Phật dừng lại, trái tọa cụ ngồi. Ông hỏi: Sa-môn Cù-đàm thua tôi chưa?

Đức Phật trả lời:

Kẻ hơn thì thêm oán,
Người thua ngủ chẳng yên,
Hơn thua hai đều xả,
Ấy được an ổn ngủ.

Như vậy quý vị thấy, nếu hỏi chúng ta thua chưa thì chúng ta nói thế nào? Có lẽ sẽ nói: Tôi nhịn đó chứ không phải tôi thua đâu. Ráng nhịn chứ trong lòng còn tức lắm nghĩa là có cơ hội sẽ trả thù. Trái lại đức Phật bình tĩnh trả lời: Kẻ hơn thì thêm oán, nghĩa là nếu mình hơn thì kẻ bị thua oán mình.

Người thua ngủ chẳng yên: nếu nghĩ rằng mình thua thì tức, ngủ không được. Quý vị nhớ lại khi nào cãi với ai mà chịu lép một, hai câu, khi về nhà tối đó ngủ ngon không? Cứ nhớ phải đáp câu nào cho hay hơn, nặng hơn, nghĩ hết câu này đến câu khác, so sánh, suy tính... nên rồi mất ngủ.

Hơn thua hai đều xả: bỏ cả hơn, cả thua, cả hai đều bỏ hết.

Ấy được an ổn ngủ, tức là an ổn ngủ một giấc thật ngon.

Như vậy sở dĩ chúng ta mất ăn mất ngủ là tại điều gì? Tại những hơn thua, được mất! Khi được cũng ngủ không yên, mất cũng ngủ không xong. Hơn người, khi trở về vẫn còn hằn học nhớ mình nói câu đó hay, hành động đó giỏi, còn nếu thấy thua thì bực tức ngủ không được. Trái lại đức Phật gác ra ngoài việc hơn thua nên Ngài an ổn tự tại, không buồn, không bực. Bài kinh trên trích trong kinh A-hàm.

Như vậy quý vị thấy đã hai lần đức Phật bị Bà-la-môn chửi, kêu tên chửi chứ không phải nói xa nói gần như chúng ta hiện nay, thế mà đức Phật vẫn thản nhiên và còn nói lên những lời đạo lý cho người ta thức tỉnh.

Trên đây là cá nhân chửi, tiếp đến là tập thể chửi. Sau khi đức Phật thành đạo chưa lâu, có lẽ khoảng bốn năm năm, khi ấy Ngài còn trẻ, một hôm Ngài đi giáo hóa đến một vùng có một người Bà-la-môn giàu có lại giỏi về tướng số và sanh được một cô con gái thật đẹp. Vừa gặp Phật ông liền xem tướng, thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của Phật ông trầm trồ khen, rồi vội vã trở về báo tin cho vợ biết là có một người tướng thật tốt, nếu ở thế gian sẽ làm vua Chuyển luân. Vợ chồng ông từ lâu muốn tìm một người rể xứng đáng, nay gặp người này, ông thật vừa lòng. Nghe xong bà bảo ông dẫn bà đến gặp đức Phật. Khi ấy đức Phật khát thực xong, Ngài ngồi dưới cội cây thọ trai. Hai ông bà đến gặp lúc Phật đang thọ trai, ông chỉ cho bà thấy những tướng tốt của Ngài, rồi hai ông bà cùng đồng ý nói thế này: “Ngài Cù-đàm, chúng tôi có một đứa con gái đẹp lắm, xin gả cho Ngài.” Nghe đến đó đức Phật liền đáp: “Ông nói con gái của ông đẹp, nhưng dưới mắt người tu chúng tôi, tất cả người dù đẹp dù xấu cũng chỉ là một đống da chứa toàn

đồ hôi hám đầu có giá trị gì.” Khi đó có một đũa thể nữ đi theo, nghe được lời này, nó về thuật lại cho cô tiểu thơ nghe, cô rất tức giận, từ trước đến nay chưa có ai dám khinh chê cô, nay Sa-môn Cù-đàm dám chê cô là một đũa da hôi thúi, cô thể sẽ trả thù. Sau đó vua nước Kosambi đi hỏi cô làm vợ, và cô được làm thứ hậu. Một hôm đức Phật đi giáo hóa đúng vào xứ cô ở. Nghe tin Ngài đến, đó là cơ hội hiếm có để cô trả thù, cô thuê những người hung bạo trong vùng đón Phật, dặn khi thấy đức Phật tới thì cả đoàn nam nữ vây quanh chửi đến khi nào đức Phật đi chỗ khác mới thôi.

Lần này đức Phật đi có ngài A-nan đi theo. Hai thầy trò vừa vào xứ đó, bỗng dung một nhóm người cả nam lẫn nữ xông ra chửi, đua nhau chửi. Đức Phật vẫn thản nhiên như không có việc gì, nhưng ngài A-nan thì chịu không nổi nên mới thưa: Bạch Thế Tôn, thôi chúng ta đi chỗ khác.

Đức Phật hỏi: Đi đâu A-nan?

- Bạch Thế Tôn, chúng ta qua nước Đề-xá.

-Nếu đến nước đó mà dân chúng cũng cư xử giống như dân ở đây thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, chúng ta qua thành Hoa Thị.

- Nếu đến đây mà dân chúng cũng cư xử như thế này thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, chúng ta đến nơi nào mà người ta không bực đãi chúng ta như ở đây, như là về thành Tỳ-xá-ly hay là thành Vương Xá chẳng hạn.

Đức Phật liền đặt câu hỏi: Tại sao dân chúng thành Vương Xá, thành Tỳ-xá-ly lại ưu đãi chúng ta?

Ngài A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, vì dân chúng ở đó đã từng nghe Thế Tôn dạy, họ biết rõ chánh pháp và họ có trí tuệ phân biệt được hành động nào là thiện, hành động nào là tội lỗi, do đó họ rất chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, thôi chúng ta về đó đi.

Đức Phật liền hỏi: A-nan, giả sử có người thầy thuốc giỏi bậc nhất có thể đăng bảng trước công rằng: ở đây chỉ trị bệnh cho những người bệnh nhẹ và không bệnh, còn ai bệnh nặng xin mời đi nơi khác, có như vậy không A-nan?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Tại sao?

- Vì thầy thuốc hay cần trị cho những người bệnh nặng, nếu thầy thuốc có lương tâm mà bệnh nặng không trị giùm, chỉ trị bệnh nhẹ và không bệnh thì thật là vô lý.

- Nay A-nan vì sao dân chúng ở xứ này lại đối đãi tệ bạc với chúng ta như vậy?

- Bạch Thế Tôn, vì ở đây họ chưa từng nghe Phật thuyết pháp, họ không biết hành động nào là thiện, hành động nào là ác, nên họ mới xử tệ với chúng ta.

- A-nan, Như Lai ra đời vì làm lợi ích cho mọi người, vì cứu khổ chúng sanh, cũng như người thầy thuốc hay là cốt để trị những người đang đau khổ vì bệnh trầm trọng. Dân chúng ở đây như những người bệnh nặng, Như Lai cần phải có mặt để giáo hoá họ, còn dân chúng ở thành Tỳ-xá-ly hay Vương Xá giống như những người bệnh nhẹ không cần đến Thế Tôn, chỉ những đệ tử của Thế Tôn cũng đủ để giáo hoá họ rồi; nơi này nếu Thế Tôn không đích thân đến thì ai dám đến đây giáo hoá?

Nghe như thế ngài A-nan liền thưa: Bạch Thế Tôn, ở đây đâu có ai cần nghe Thế Tôn giảng, họ xử sự quá tệ bạc thì làm sao giáo hoá?

Đức Phật giải thích thêm: Ví như người bệnh nặng, thân thể và tâm hồn họ bị giày xéo đau khổ nên tư cách và ngôn ngữ họ không bình thường, vì thế họ có những lời nói xúc phạm đến thầy thuốc, nếu người thầy thuốc thương bệnh nhân như con thì phải bỏ qua những điều đó để trị lành bệnh cho họ. Cũng như thế, dân chúng đây là những người bệnh nặng nên họ có những thái độ bất thường, chúng ta nên giáo hoá họ chứ không nên bỏ họ.

Nghe Phật nói đến đó những người còn đồ liền thức tỉnh, họ đồng thưa: Bạch Thế Tôn, chúng tôi xin lỗi Ngài, chúng tôi thật là người bệnh nặng, mong Ngài ở lại đây giáo hoá chúng tôi.

Đức Phật và ngài A-nan ở lại, chỉ hơn một tuần lễ họ đã qui y rất đông, không kém thành Tỳ-xá-ly hay Vương Xá bao nhiêu.

Như vậy quý vị thấy đức Phật có bị chửi không? Một hay nhiều người chửi? Khi bị chửi đức Phật có buồn giận không? Đó là những hành động chúng ta phải nhớ mãi, phải lấy làm kim chỉ nam trên đường tu, chớ nếu vừa nghe một lời chửi mắng đã nổi cáu lên, bỏ đi thì chắc trên đường tu, trên đường giáo hoá chúng ta không làm được gì cả. Đó là ba trường hợp Phật bị chửi. Hai trường hợp trước là chửi đơn lẻ, còn trường hợp thứ ba là cả tập thể chửi.

Tiếp đến là những chuyện vu cáo. Khi đức Phật ở tại Tinh xá thuyết pháp, một hôm giữa hội chúng đông đảo Tăng Ni và cư sĩ, bỗng một cô gái dòng Bà-la-môn tên Chiên-giá-ma-nạp, có lẽ do những người Bà-la-môn ghét đức Phật xúi giục, cô độn bụng to lên rồi giữa đám đông cô đứng lên vỗ bụng nói: “Tôi đến đây nghe pháp, ngài Cù-đàm phạm tội tư thông với tôi nên hiện tôi đang mang thai.” Tiếp đó cô vỗ bụng và chửi mắng ầm ĩ. Quý vị nghĩ việc này thật quá sức tưởng tượng phải không? Vu cáo giữa đại chúng Tăng Ni Phật tử thì còn mặt mũi nào ngó ai. Thế mà đức Phật vẫn bình tĩnh, không nói một lời. Cô gái vỗ bụng trong giây lát chột dây đứt, những gì cô độn trong bụng rơi xuống hết, ngay đó mọi người đều thấy rõ lời vu cáo của cô. Việc này thật quá sức tưởng tượng của chúng ta, trên đường hoằng pháp hiện nay, chưa có ai gặp trường hợp như vậy.

Song cũng chưa đặc biệt bằng trường hợp sau đây.

Khi đức Phật về Tinh xá Trúc Lâm, tất cả vua quan và dân chúng đều tới để nghe Ngài giảng dạy mỗi ngày, do đó có một số người Bà-la-môn theo qui y với đức Phật, vì thế có một người Bà-la-môn tên là Tôn-đà-lợi rất tức giận, muốn hại Phật. Ông cho con gái ông, cô gái cũng đẹp, đi nghe giảng, được vài lần rồi ông giết con gái, giữa đêm lén đem vào đất tinh xá Trúc Lâm, đào lỗ chôn. Đến sáng ông đi thưa quan là con gái ông đi nghe giảng pháp ở tinh xá Trúc Lâm, nay bỗng dung mất tích không thấy về. Quan quân mới đi tìm, ông cũng đi theo. Ông dẫn họ đi khắp tinh xá, đến một chỗ có dấu đất mới lấp ông bảo họ đào lên thì thấy thây của con ông bị giết chôn tại đó. Ông liền lớn tiếng buộc đức Phật phạm hai tội: dâm và sát, tức là tư thông với con gái ông rồi giết để phi tang.

Quý vị thấy câu chuyện không phải là thường, giết con rồi lại tố cáo Phật phạm tội. Trong trường hợp này không có gì minh chứng được nên đức Phật chỉ lặng thinh. Tinh xá Trúc Lâm thuộc nước Ma-kiệt-đà, vua nước Ma-kiệt-đà rất mến Phật nên ông cho người điều tra thật kỹ, kết quả mới biết chính ông Bà-la-môn giết con ông và đem chôn trong tinh xá, từ đó mới minh oan cho đức Phật. Vậy quý vị thấy Ngài bị tai nạn nhiều hay ít? Những chuyện xảy ra thật quá sức tưởng tượng của chúng ta, thế mà Ngài vẫn an nhiên, không tranh cãi, không sợ sệt. Trên đây chỉ là những chương nạn bên ngoài.

Tôi kể tiếp những chương nạn bên trong, tức là nội bộ. Tất cả quý vị đều biết Đề-bà-đạt-đa là em chú bác của Phật, Đề-bà-đạt-đa là con nhà chú, Phật là con nhà bác. Đề-bà-đạt-đa xuất gia và tu chứng được ngũ thông chớ không phải là thường. Khi chứng được ngũ thông rồi, ông mới dùng thần thông cảm hóa Thái tử A-xà-thế. Ông có mộng làm giáo chủ nhưng còn đức Phật là ông không làm giáo chủ được nên muốn hại đức Phật. Ông mới xui Thái tử A-xà-thế cướp ngôi vua cha rồi thả voi say giết Phật, nhưng không được. Cuối cùng một hôm đức Phật đi ngang chân núi, ông ở trên núi xô đá lăn xuống, đức Phật bị đập một ngón chân nên ông phạm tội “xúc Phật thân huyết”. Lại thêm những chuyện như ông rủ chư Tăng bỏ đoàn đi theo ông v.v... nghĩa là ông tạo sự rối loạn, trong chúng lúc đó không còn yên ổn được, sau cùng phải nhờ hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi giải thích cho chúng, họ mới trở về với Phật. Quý vị thấy thật là đáng buồn, một người vừa là em chú bác, đó là chỗ tình thân, vừa là tu hành chứng được ngũ thông, không phải tu “lơ mơ” như chúng ta hiện nay, vậy mà muốn hại Phật và phá hòa hợp Tăng, làm điên đảo cả chúng.

Đến người thứ hai là Tỳ-kheo Thiện Tinh, con Phật (con của một vị thứ phi, không phải con bà Da-du-đà-la) cũng theo Phật xuất gia. Vị này rất thông minh, thuộc lầu mười hai bộ Kinh, tu chứng được Tứ thiền, nhưng ông lại chê đức Phật, chê giáo lý của Phật không hay, không đến cứu kính, ông bác cả nhân quả, cả Niết-bàn. Nhiều lần đức Phật khuyên, ông vẫn đĩnh ninh như vậy. Quý vị thấy đáng buồn không? Con trong nhà đồng thời tu khá, thuộc kinh cũng nhiều, lại làm chương ngại Phật.

Đến người thứ ba là Tỳ-kheo Thiện Túc, theo Phật xuất gia một thời gian, một hôm ông đến Phạm Chí Đà-bà nói lỗi đức Phật. Ông nói: Đại sư, tôi không theo ngài Cù-đàm nữa, vì Ngài không nói cho tôi nghe những điều tôi cần nghe và Ngài cũng không hiện thần thông cho tôi thấy, vì thế tôi xin theo Đại sư. Ông lại kể tám lỗi của Phật cho ngoại đạo nghe. Nghe xong, đến một hôm gặp đức Phật, ông ngoại đạo mới thuật lại cho đức Phật. Như vậy quý vị thấy đệ tử Phật yêu cầu Phật phải hiện thần thông cho thấy, Phật không hiện thần thông liền chê Phật và bỏ đi theo ngoại đạo. Câu chuyện này xuất xứ từ kinh Trường A-hàm.

Thêm một người nữa là Tỳ-kheo Man Đồng Tử, ông xuất gia theo Phật một thời gian rồi yêu cầu Phật phải khẳng định thế giới này là thường hay vô thường, sau khi nhập Niết-bàn rồi còn hay hết v.v... Phật phải giải thích điều đó rõ ràng cho ông nghe, ông mới tu theo Phật, nếu Phật không giải thích ông sẽ hoàn tục. Đức Phật mới quả ông là ngu si và đức Phật dùng thí dụ mũi tên bắn vào người (kinh Tiễn Du), đó là trường hợp thứ tư.

Đến trường hợp thứ năm là hai nhóm Tỳ-kheo ở nước Câu-xá-di tranh đấu nhau, khi đó Phật dùng bài kệ khuyên:

Nếu dùng tranh dứt tranh,
Rốt cùng không thấy dứt,
Chỉ nhẫn hay dứt tranh,
Pháp ấy đáng tôn quý.

Phật dạy: Nếu dùng tranh đấu để dứt tranh đấu, rốt cuộc không thể dứt được, chỉ nhẫn nhục mới hay dứt được tranh đấu, pháp đó là pháp tôn quý nhất. Quý vị nghĩ các thầy Tỳ-kheo sẽ nói thế nào? Các Tỳ-kheo thưa: “Thế Tôn là Pháp chủ, nay xin dừng, kia nói con, con đâu thể không nói lại”, nghĩa là Ngài đừng có can thiệp, đừng có khuyên nữa, họ chửi con thì con chửi lại. Quý vị thấy Phật đầy đủ phước đức như vậy mà đệ tử của Ngài có nghe Ngài trăm phần trăm không hay là họ cãi nhau, Ngài khuyên cũng không được? Thế nên đức Phật bỏ đi vô rùng. Đó là tôi kể chưa hết, tôi chỉ trích một số câu chuyện cho quý vị nghe. Đến kết luận đức Phật nói bốn câu kệ cho biết trong đời của Ngài, Ngài đã chịu những gì:

Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu mọi sự phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

(Pháp cú 320)

Ngài nói Ngài giống như con voi to ở giữa trận, bên này bên kia tên bắn rớt trúng, rồi mâu giáo đâm trúng, chịu đựng đủ tất cả sự phỉ báng, tại sao? Vì người thế gian ác giới nhiều quá! Bốn câu kệ nói lên cái thảm của Ngài là chịu đựng đủ mọi chuyện.

Như vậy quý vị thấy cuộc đời của Ngài không nhàn hạ như chúng ta tưởng, Ngài cũng chịu đắng cay trăm bề. Đó là tôi dẫn cái nhìn đức Phật với con mắt

phàm phu và Nhị thừa. Con mắt phàm phu và Nhị thừa thấy Phật cũng khổ và thấy xót xa cho Phật.

Đến cái nhìn với con mắt Phật thừa (Phật thừa chớ không nói Đại thừa) thì lại khác hẳn. Những cái gọi là tai nạn đó có đúng là tai nạn không? Đầu tiên tôi dẫn kinh Pháp Hoa, trong phẩm Đề-bà-đạt-đa đức Phật kể rằng: Đề-bà-đạt-đa không những một đời này mà nhiều đời trước Phật ở nơi nào hành hạnh Bồ-tát ông cũng đều tới phá Phật. Phật bảo: Nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ta chóng thành Phật, rồi Ngài thọ ký Đề-bà-đạt-đa sau sẽ thành Phật.

Tôi đặt nghi vấn cho quý vị thấy. Thông thường chúng ta nghe nói ai ngăn trở phá hại người tu hành, nhất là tu hạnh Bồ-tát làm lợi ích chúng sanh, thì phải đọa địa ngục. Đề-bà-đạt-đa mỗi lần phá hại Bồ-tát thì phải rơi vào địa ngục, trả hết tội ở địa ngục khi trở lên còn dư báo phải làm súc sanh rồi đến làm người si ám ngọng liệu. Vậy tại sao mỗi khi Phật ra đời đều có ông theo sau phá Phật? Vậy là ông thoát khỏi địa ngục sao? Nếu Đề-bà-đạt-đa không phải là một vị đại Bồ-tát thì ông rơi xuống địa ngục mất rồi, đâu có thể theo Phật hoài, đâu có thể Phật đến đâu ông đến đấy được. Mỗi lần hại Phật, hại Bồ-tát là một lần phải đọa địa ngục trăm ngàn kiếp thì làm sao có mặt mà phá hoại? Hơn nữa lần nào ông cũng có oai quyền chớ không phải là người thường. Như vậy để biết rằng với cái nhìn của kinh Pháp Hoa, Đề-bà-đạt-đa là một vị đại Bồ-tát ứng dụng nghịch hạnh để giúp Bồ-tát chóng thành Phật. Thế nên nhìn với con mắt Phật thừa thì thấy hạnh phúc quá! Chúng ta tu mà ai chửi chúng ta nhiều, đó là đại Bồ-tát làm nghịch hạnh để giúp chúng ta mau đạt đạo, dù phải xuống địa ngục. Đại Bồ-tát thì đúng ra chúng ta phải lễ bái chớ đừng nói mang ơn thôi. Như vậy với cái nhìn đó chúng ta thấy rằng người làm trở ngại đường tu của chúng ta không phải là kẻ tầm thường. Chúng ta tu là làm lành, giáo hoá người làm lành, đó là điều tốt, thế gian đều thừa nhận như vậy. Nhưng có người lại hại chúng ta, chửi mắng chúng ta, vậy họ không biết tốt xấu sao? Họ làm như vậy mục đích để làm gì? Dĩ nhiên là để thử xem đạo lực chúng ta ra sao? Nếu đạo lực chúng ta còn yếu thì phải ráng tu để mau tiến, nếu đạo lực mạnh thì vượt qua, tức là cũng mau tiến, như vậy là cơ hội để thử thách cho chúng ta vươn lên, giúp chúng ta tiến lên. Đó đúng là Thiện hữu tri thức. Nếu người làm nghịch hạnh, chửi mắng chúng ta trên phương diện tu hành, nghĩa là người làm khổ chúng ta đã là Thiện tri thức thì người giúp chúng ta có phải là Thiện tri thức không? Đương nhiên là Thiện tri thức. Chúng ta nhìn kẻ chửi mắng là Thiện tri thức, kẻ giúp đỡ cũng là Thiện tri thức, vậy mới là tâm bình đẳng đối với người phá và người giúp. Tâm bình đẳng mới gọi là Đại từ bi, đó là tâm Bồ-tát. Muốn đạt Phật thừa thì phải có Bồ-tát tâm. Vì thế tất cả chúng ta tu theo Phật thì phải hiểu rõ ý nghĩa này, có như thế trên đường tu chúng ta mới thấy không có gì là chương nạn, tất cả đều là duyên hoặc thuận hoặc nghịch giúp chúng ta mau đạt đạo thôi. Vậy thì đừng giận người này, trách người kia, hờn người nọ. Bồ-tát không thấy có người thù địch, nếu thấy có thù địch thì không phải là Bồ-tát vì tâm chưa bình đẳng, còn có ân có oán, chưa bình đẳng là chưa phải đại từ bi. Bình đẳng mới gọi là từ bi, tình thương trùm khắp không có thân sơ. Thế nên tinh thần

Phật thừa cho thấy người nào giúp chúng ta tu tiến thì người đó là Thiện tri thức của ta. Thiện tri thức có khi thuận hạnh, có khi nghịch hạnh, nhưng dầu thuận, dầu nghịch cũng đều là Thiện tri thức, vậy có ai mà chúng ta chán ghét đâu? Hiểu như vậy quý vị mới thấy việc tu hành của chúng ta rộng rãi thênh thang vô cùng tận.

Đến cái nhìn của Thiên tông, trong bài Chứng Đạo Ca ngài Huyền Giác đã nói :

Tùng tha báng, nhậm tha phi,
Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì,
Ngã văn khắp tợ âm cam lộ,
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi.

Hẳn ai cũng thuộc lòng bài này, nhưng không biết mấy người hành được? Chỉ thuộc lời nói chớ chưa thuộc ở công hạnh. Tôi giải thích: “Tùng tha báng, nhậm tha phi” tức là mặc người chê, mặc người chửi mắng. Tại sao mặc cho người chê bai, chửi mắng? Vì “Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì”, sự chê bai mắng chửi của họ giống như là cầm cây đuốc đốt thiêu bầu trời. Cầm đuốc thiêu trời thì chừng nào trời cháy? Nếu chúng ta cầm lâu thì thế nào? Tay chúng ta bị cháy chớ trời không bao giờ cháy. Câu này thâm sâu làm sao! Chúng ta có cái bệnh là bị ai mắng ai chửi, chúng ta liền vô lý lấy lời mắng chửi đó để ăn thua. Thế thì chẳng khác nào người ta vừa cầm đuốc quơ, chúng ta liền đưa rơm lại cho cháy bùng rồi la lên. Trái lại đức Phật hay Bồ-tát mặc người chửi, mặc người mắng, tâm vẫn thản nhiên như bầu hư không không động. Không động thì lời chửi mắng rốt lại về ai? Chỉ bao nhiêu đó cũng thấy việc tu hành của chúng ta cao hay thấp. Nhiều khi học đạo thuộc lòng, nói thao thao nhưng gặp việc thì sân si vẫn còn đầy trong lòng, đó là bệnh. Người thật tu phải theo gương đức Phật, ai chửi cũng mặc, cứ chậm rãi đi, đến cuối cùng khi họ hỏi thì trả lời một câu nhẹ nhàng mà đạo lý, như vậy mới là thật tu. Nếu tất cả quý vị Tăng Ni và Phật tử ở đây đều thuộc lòng và ứng dụng được hai câu này thì chắc Thiên viện tiến bộ vô cùng và quý vị đều là Bồ-tát con. Dễ quá chỉ có hai câu thôi mà ứng dụng được là Bồ-tát con. Mặc ai khen, mặc ai chê, tâm chúng ta không động thì giống như họ cầm lửa đốt trời; trái lại tâm chúng ta động thì giống như họ cầm lửa đốt, chúng ta cầm bồi tới mỗi nên chỉ một lúc là hai người mặt đỏ hết. Ở thế gian đều như vậy cả thành ra bên nào cũng khổ, bên kia cầm lửa đốt trước rồi chúng ta cầm bồi tới mỗi thì hai bên đều cháy tiêu. Như vậy mới thấy đạo lý là dạy chúng ta làm sao cho bản thân mình không khổ và cũng cứu khổ cho người. Người ta nóng cầm lửa đốt, chúng ta phải nguội để cho nó không cháy. Đốt không cháy họ buồn họ bỏ luôn, chúng ta cũng không khổ. Trái lại người mới cầm đuốc đốt, chúng ta đem bồi lại liền, rồi hai bên cùng cháy, cháy lan khắp cả, chính vì thế mà khổ, thiên viện này phiền não, thiên viện kia cũng phiền não, am cốc này phiền não, am cốc kia cũng phiền não, đó là vì mỗi lửa với nhau chớ không chịu dập tắt. Tôi thấy chỉ cần nhớ hiểu được ý nghĩa này thì đường tu của chúng ta tiến bộ biết bao nhiêu.

Đến hai câu sau thì thật là tuyệt vời:

“Ngã vẫn khát tợ ẩm cam lồ,
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi.”

Nghĩa là tôi nghe giống như uống nước cam lồ, tiêu dung vào chỗ không thể nghĩ bàn. Nghe chửi mà như uống nước cam lồ ngon ngọt, quý vị có thể được như vậy không? Tôi chỉ yêu cầu quý vị thuộc lòng hai câu trên, đừng đem bồi tới mỗi là được rồi chớ như uống nước cam lồ là quá cao. Uống nước cam lồ vừa mát mẻ lại vừa ngọt ngào, nghe chửi mà mát mẻ ngọt ngào thật là BỒ-tát mới được, chớ chúng ta chưa được. Vì thế tất cả chúng ta khả dĩ ứng dụng hai câu trên được, còn hai câu dưới phải chờ một, hai kiếp sau mới có thể ứng dụng nổi. Vì xem như uống nước cam lồ nên mới tiêu dung vào chỗ không thể nghĩ bàn.

Như vậy theo cái nhìn của những bộ Kinh thuộc Phật thừa hay cái nhìn của Thiên tông, cũng gọi là Tối thượng thừa thì đều thấy những khó khăn trở ngại là những điều tốt giúp chúng ta tiến lên. Ngài Huyền Giác còn nói thêm:

Quán ác ngôn thị công đức,
Thử tắc thành ngô thiện tri thức,
Bất nhân xan báng khởi oan thân,
Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực.

Nghĩa là chúng ta phải xem lời nói ác của người là công đức cho chúng ta. Người ta chê chúng ta, chửi chúng ta đó là chúng ta tăng trưởng công đức chớ không có mất. Quý vị xét xem có phải không? Vì nếu bị người chửi mà chúng ta vẫn an nhiên không động thì người chung quanh sẽ đánh giá chúng ta như thế nào? À, cô ấy tu thật, cô ấy tu hay, như vậy là công đức rồi. Trái lại nghe người mắng một câu, chúng ta tìm một câu khác nặng hơn đáp lại thì đó là công đức hay là gì? Đó là quán ác ngôn thị tội lỗi! Nghe lời nói ác mà chúng ta an nhiên không hờn không oán, đó mới là công đức. Vậy ai nói lời dữ với chúng ta tức là đem công đức đến cho chúng ta, phải không? Thấy là phải thì cố gắng thực hành. Nếu xét lời nói ác là công đức thì người nói những lời ác ấy là Thiện tri thức. Như đoạn trước tôi nói: Chê bai hay giúp đỡ đều làm cho chúng ta tiến, vậy đều là Thiện tri thức, không có người xấu người dở, trong xã hội này ai cũng giúp cho chúng ta tiến cả.

Ngài giải thích tiếp: “Bất nhân xan báng khởi oan thân” nghĩa là đừng do chê bai mà khởi tâm đây là kẻ oán, kia là người thân. Còn thấy có oán có thân thì “Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực” nghĩa là còn thấy có kẻ oán, người thân thì đâu đủ tiêu biểu sức từ bi nhẫn nhục của chính mình.

Như thế người tu, nếu ai chửi một câu đáp lại một câu, đó là hay hay dở? Được người khen hay chê? Trái lại nếu người chửi mà chúng ta im lặng không giận không hờn thì người ta khen hay chê? Dĩ nhiên người ta sẽ khen: Cô ấy tu thật, thầy ấy tu thật. Chúng ta muốn tu thật chớ không ai muốn tu dối. Vậy chúng ta phải làm sao? Nên an nhiên đừng giận, đừng nóng, như thế mới là thật tu và mới tăng trưởng công đức. Quý vị kiểm lại xem trong lúc làm Phật sự, tất cả chúng ta có gặp những điều như đức Phật gặp chưa? Hình như chưa. Hiện giờ người ta

tốt với chúng ta quá, nếu có nói gì cũng nói bóng nói cạnh chút chút thôi, chớ chưa có ai chửi thẳng vào mặt. Trong chúng đây quý vị thấy có huynh nào gọi tên mình chửi không? Chưa có, chỉ nói cạnh chút chút thôi mà đã có lần muốn xăn tay áo rồi, như vậy sức từ nhân đến mức nào? Hẳn là bằng Trương Phi!

Tóm lại tất cả chúng ta là người tu, dầu là xuất gia hay tại gia, đều muốn tăng trưởng công đức, tiêu diệt tội lỗi; chính tội lỗi là cái chướng đưa chúng ta xuống ba đường ác, còn công đức là duyên tốt đưa chúng ta đến giải thoát. Hai việc quá rõ ràng, một đưa lên, một kéo xuống. Có người nào tu mà nói “tôi cầu xuống địa ngục” không? - Không, nhất định là giải thoát. Vậy điều nào kéo chúng ta xuống, nhất định là phải dừng, như thế mới thật là người cầu giải thoát. Thường mỗi khi đắp y, nhất là y Tỳ-kheo, quý vị đọc bài kệ “Thiện tai giải thoát phục”: lành thay chiếc áo giải thoát. Đắp y là mặc áo giải thoát, giải thoát tức là đi lên. Thế nhưng ai động đến là nổi sân đó là đã phản bội với bản nguyện từ buổi đầu.

Thế nên hôm nay nhân ngày cuối năm, tôi kiểm điểm lại những điều dở mà chúng ta còn vướng để tất cả mọi người đều cố gắng tinh tấn tu hành, làm sao mỗi năm qua là một năm chúng ta vươn lên, chớ không thể qua một năm chúng ta vẫn đứng y chỗ cũ, hoặc là lùi lại thì thật đáng trách. Người tu là người đã nguyện bỏ hết cuộc đời thế tục, cầu đạo giải thoát, mỗi năm qua là mỗi năm bị thời gian giữa mòn mạng sống, mạng sống đã mòn mà hạnh nghiệp không tăng những điều hay, lại chứa thêm những điều dở, như vậy đời tu sẽ đi lùi chớ không tiến được. Vậy tất cả chúng ta là đệ tử Phật thì phải học gương của Phật. Tôi chỉ cần quý vị học đến mức bị người chửi mà vẫn điềm đạm trả lời như đức Phật, đó cũng là quá hay rồi, chớ không đề cập đến tập thể hoặc đủ các việc vu oan giá họa.

Tôi nhắc lại, gương đức Phật rõ ràng đó, nếu tất cả chúng ta quyết chí tu hành thì chúng ta phải nhớ để vươn lên, noi theo con đường của Ngài chớ đừng lùi lại đi lối khác. Đó là điều tôi thấy cần phải nhắc nhở, không phải chỉ riêng cho quý vị mà cũng chính là nhắc cho tôi, trên đường tu lúc nào chúng ta cũng phải vươn lên chớ không dừng lại ở một chặng nào.

Riêng tôi lâu lâu kiểm lại, thấy thiên hạ sân nhiều quá tôi cũng giật mình. Người này mới nổi đóm lửa nhỏ xíu thôi chưa phải là cây đuốc mà người khác đã vội đem bồi tới mỗi liền nên lửa phiền não cháy rực hoại. Như vậy con đường tu là lý tưởng chúng ta đã chọn để tiến, sao chúng ta lại phản bội nó, không giữ đúng như lời hứa ban đầu: Nguyện tiến trên con đường giải thoát không lui. Nhất là mỗi đêm quý vị tụng bài phát nguyện, Cây Kiếm Bát-nhã tay không rời, nhưng quý vị có rời lúc nào chưa? Trong một năm nay quý vị rời mấy lần? Hay là đến giờ lên chùa mới cầm kiếm, khi ra khỏi chùa thì ném cây kiếm đâu mất, đến khi gặp phiền não bị nó trôi, không cắt đứt được, đó là tại rời cây kiếm, không giắt nó sẵn nơi lưng, nên quý vị thua trận mãi!

Thế nên trên đường tu không gì hơn là chúng ta hằng nhớ bản nguyện ban đầu và ý chí khi chúng ta xuất gia. Chúng ta quyết tu thì phải quyết sửa những điều dở xấu mà Phật đã chê trách và phải hành những điều hay mà Phật đã hành,

như vậy mới xứng đáng là đệ tử Phật, đệ tử xuất gia hoặc tại gia. Nếu không thì Phật dạy một đàng, chúng ta làm một ngả, kết cuộc Phật đi một đường, chúng ta đi một nẻo. Nếu đường Phật đi là đường giải thoát thì đường chúng ta đi là đường trầm luân. Như vậy chúng ta tự làm khổ mình và cũng không lợi ích gì cho ai hết.

Hôm nay nhân ngày cuối năm tôi dẫn những câu chuyện của đức Phật để tất cả quý vị biết rõ, rồi tất cả chúng ta cùng noi gương Ngài mà tiến tu để mai kia quý vị sẽ nối bước theo đức Phật, không sai một bước nào, như thế mới thật là xứng đáng.



VỀ ĐẸP TUYỆT TRẦN

XUÂN TÂN MÙI (1991)

(Tăng Ni)

Hôm nay nhân ngày Tết Nguyên Đán năm Tân Múi (1991), Tăng Ni và Phật tử về đây chúc mừng năm mới và yêu cầu chúng tôi có những lời nhắc nhở đầu năm, để tất cả quý vị nhớ cố gắng tu tiến trên đường giác ngộ, nên tôi sẽ có ít lời với quý vị. Hôm nay chúng tôi nói đề tài lạ một chút, nghe dường như phạm tục nhưng thật không phải trần tục, đó là “VỀ ĐẸP TUYỆT TRẦN”.

Mở đầu tôi dẫn lời cô đức đã nói:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,
Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn.

Nghe hai câu trên quý vị cảm thấy thế nào? Tôi tạm dịch :

Núi cùng sông hết nghi không lối,
Liễu biếc hoa tươi riêng một thôn.

Người xưa từ đức Phật đến chư Tổ, đều nhìn thấy cuộc sống của con người trên trần gian này, hay nói gọn là kiếp người, ai ai cũng như nhau. Có mặt trên đời rồi chờ ngày chết, trăm người như một không có lối nào khác; dù sang trọng quyền quý hay nghèo hèn cực khổ, cũng chỉ lăn lộn trong cuộc đời mấy mươi năm rồi cùng đi theo con đường chung là trở về cõi tử, vì thế nói:

“Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ”, nghĩa là khi đi trên đường núi đến chỗ cùng rồi, nguồn sông đến chỗ cạn rồi, người ta nghi ngờ là hết lối đi, tất cả người đều thấy như vậy và đều phải chấp nhận như vậy. Nhưng nếu ai có phúc duyên, biết tu, biết tìm một lối thoát thì sẽ đến:

“Liễu ám hoa minh biệt nhất thôn”, tức là liễu biếc hoa tươi riêng một thôn. Khi đến chỗ cùng đó không phải là hết, nếu người biết tẽ một lối khác thì sẽ thấy ở bên kia còn một thôn đầy liễu biếc hoa tươi đẹp đẽ, thôn đó không giống con đường cùng, con đường tuyệt vọng của người đời, mà là một lối tẽ đặc biệt tràn đầy những cái tươi đẹp sáng sủa không ai ngờ, không ai biết.

Như vậy người đời ai cũng nghĩ mình sanh ra, lớn lên có gia đình, con cái, lo cho con cái lớn khôn rồi sửa soạn chết. Trăm người như một đều đến chỗ không còn lối thoát, nhưng rồi quen đi nên ai cũng thấy lẽ đương nhiên là như vậy, phải chấp nhận chớ không có cách nào khác. Nhưng phúc duyên thay những người con Phật! Đức Phật đã vạch cho chúng ta một lối thoát, lối thoát đó Ngài đã đi qua nên Ngài chỉ cho chúng ta cùng tiến. Vì thế ngày nay, người xuất gia hoặc tại gia được duyên lành theo Phật, khi đến chỗ sơn cùng thủy tận lại có một lối tẽ khác đẹp đẽ vô cùng. Lối tẽ đó là VỀ ĐẸP TUYỆT TRẦN, không còn dính một mảy bụi chớ không phải tuyệt trần theo nghĩa thế gian thường hiểu.

Như thế quý vị mới thấy người đời thật đáng thương! Khi sanh ra người ta cứ nghĩ lo cho hết bốn phận rồi chết, chấp nhận con đường cùng ấy. Đáng thương hơn nữa là khi sắp chết cũng không biết số phận mình sẽ ra sao, chết rồi đi đâu? Đường trước mờ mờ mịt mịt, vì thế Tổ Qui Sơn có câu: “Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng”, tức là đường trước mờ mờ không biết về đâu! Như thế niềm đau khổ thứ nhất là đi đến chỗ cùng, chỗ chết mà không biết làm sao thoát. Niềm đau khổ thứ hai là khi chết thân phận mình sẽ ra sao, mờ mịt không biết đâu mà lường trước. Vì không biết nên khi sống mãi lo cho cái sống, đến lúc ngã ra chết đành phó thác cho số phận, số phận đó là sẽ đi theo nghiệp. Vì không biết nên nghe đến cái chết người ta kinh hoàng sợ hãi. Nếu chúng ta biết đạo rồi thì đường trước có mờ mờ hay không? Dĩ nhiên là không. Tại sao? Nếu chưa ra khỏi sanh tử, chúng ta đã biết chọn một lối đi trên con đường lành, nên khi mất thân này chúng ta tiến trên con đường lành, cõi người cõi trời. Như vậy đối với người tu, dù chưa tiến đến chỗ giải thoát trọn vẹn, ít ra cũng đã chọn được con đường đi, nên khi sắp nhắm mắt chúng ta yên lòng, biết rằng con đường trước sáng sủa hơn hiện tại, sẽ đẹp đẽ vô cùng.

Tóm lại tất cả chúng ta là người biết đạo, biết tu, thì trên đường đời chúng ta không phải là người tuyệt cùng bất lối, trái lại chúng ta có một lối rẽ, một lối thoát rất đẹp đẽ mà đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta. Lối thoát đẹp đẽ đó đưa chúng ta đến chỗ an lành muôn thuở, chứ không phải chỉ là cái đẹp đẽ trong một thời gian ngắn ngủi tạm bợ rồi tan hoại. Thế nên cái đẹp mà tôi kể ở đây là “vẻ đẹp tuyệt trần”, chữ tuyệt trần theo nghĩa thông thường là đẹp hơn tất cả, nhưng ở đây chúng tôi dùng chữ tuyệt trần là dứt sạch không còn một mảy trần. Lòng trần đã sạch thì cái đẹp đó mới là tuyệt trần. Nói như thế để tất cả quý vị ý thức rằng chúng ta được duyên lành đi trên đường tu giải thoát là chúng ta đã có một lối đi đẹp đẽ, sáng sủa, vui tươi tràn đầy hạnh phúc ở ngày mai chứ không phải chúng ta đi trên đường cùng, đi trong lối nghẽn và cũng để mừng rằng đời chúng ta không phải đen tối, không phải mù mịt như bao nhiêu chúng sanh khác.

Tiếp đến tôi dẫn những bài quý vị đã học để quý vị nhớ lại kỹ con đường mình đi qua. Đầu tiên là tôi dẫn một ít bài trong mười mục chẵn trâu để tất cả quý vị thấy con đường chúng ta đi qua đẹp như thế nào. Đa số người thế gian cho người tu chúng ta là kẻ bất hạnh vì không được quyền hưởng những niềm vui thế gian, chúng ta xây mặt với hạnh phúc trần gian. Nhưng họ không ngờ chính vì đa mang hạnh phúc trần gian nên kết cuộc tất cả người đời đều phải châu mày than thở. Thoạt nhìn đáng bên ngoài ai cũng có vẻ tươi tắn, tỏ ra vui cười, nhưng nếu đi sâu vào từng cá nhân, từng gia đình, chúng ta thấy thế gian khóc nhiều hơn cười. Cuộc đời có gì vui đâu, nhưng lỡ rồi phải cắn răng mà chịu, chứ không biết làm sao hơn! Thấy chúng ta là người không đua đòi, không đuổi theo dục lạc thế gian, họ tưởng chúng ta là kẻ thiệt thòi nhưng không ngờ chúng ta lại có một lối đi đẹp đẽ lâu dài. Tuy nhiên không phải bước vào lối đó là mọi việc đều như ý. Quý vị nhớ mục số một trong mười mục chẵn trâu, thằng chẵn có được thành thoi không? Trâu hoang cắm đầu chạy, trâu mạnh mười, sức thằng chẵn chỉ có một, trâu lại

đương hoang, muốn chinh phục, muốn kèm giữ nó là cả một công trình. Nếu thắng chặn dùng trí khôn ngoan, dùng mọi phương tiện nào dây dầm cột mũi, nào roi đánh thì sẽ điều phục được nó. Trái lại nếu thắng chặn quá dốt, quá khờ cứ chạy đuổi theo con trâu mà trong tay không dây, không roi thì chắc không thể điều phục nổi nó. Thế nên trong giai đoạn đầu người chặn trâu là người cực khổ. Khác hơn ở thế gian, do thả tâm đuổi theo dục lạc nên được một chút dục lạc nào người ta cho đó là hưởng hạnh phúc. Còn chúng ta là người xoay lại chăm chăm lo chặn con trâu của mình nên không đoái nhìn, không tìm hưởng dục lạc thế gian, vì vậy mà hai quan niệm khác nhau. Chặn trâu trong giai đoạn đầu là khó khăn, là nhọc nhằn khổ sở nhưng khi chặn được, tức là giai đoạn xỏ được mũi rồi lôi cổ nó theo mình, thì từ đó về sau từ từ sẽ nhẹ nhàng. Đến đây tôi dẫn bài kệ chặn trâu số sáu tức là mới quá bán phần trên đường tu mà đã được sung sướng như thế này, quý vị nghe thì thấy rõ ràng là tràn trề hạnh phúc.

Kỵ ngu dĩ lệ dục hoàn gia,
Khương địch thanh thanh tổng văn hà,
Nhất phách nhất ca vô hạn ý,
Tri âm hà tất cổ thần nha.

Khi chúng ta điều phục được trâu, rồi ngồi trên lưng trâu thuần thục cỡi về nhà vào buổi chiều thì còn gì sung sướng hơn! Gió mát trời trong, ngồi trên lưng trâu cảm óng sáo vừa thổi vừa ca thật là vui vô hạn, “Nhất phách nhất ca vô hạn ý”, niềm vui không thể kể hết! “Tri âm hà tất cổ thần nha”, những người tri âm của mình đâu cần phải mở miệng nói. Bài này tôi tạm dịch:

Cỡi trâu thông thả trở về nhà,
Tiếng sáo vi vu thổi văn hà,
Một nhịp một ca vô hạn ý,
Tri âm đâu phải động môi à.

Như vậy quý vị thấy chỉ mới quá bán phần trên đường tu mà đã vui vẻ như thế, huống nữa là mãn đường tu thì vui đến mức nào. Có phải là chúng ta sống một đời tràn trề hạnh phúc hay không? Thế nên nếu chúng ta chịu khó nỗ lực chặn được con trâu của mình thì mai kia trên đường tu, trên đường về quê hương, chúng ta là kẻ thanh thoi nhất, an nhàn nhất, nhìn thấy toàn là hoa tươi cỏ đẹp chớ không còn những nỗi buồn bã khổ đau của kiếp người. Đây là “biệt nhất thôn” tức là một làng riêng, làng chúng ta trở về đó. Trên đây là nói về bức tranh chặn trâu thứ sáu của Thiền tông.

Bức tranh chặn trâu thứ sáu của Đại thừa có khác một chút:

Lộ địa an nhiên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu.
Sơn đồng ỏn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thẳng bình lạc hữu dư.

“Lộ địa an nhiên ý tự như” tức là con trâu nằm dưới đất trông yên ổn nghỉ ngơi.

“Bất lao tiên sách vĩnh vô câu” là không nhọc nhằn cầm roi và dây mũi.

“Sơn đồng ôn tọa thanh tùng hạ”, thẳng chẵn ngồi dưới cội tùng thông thả.

“Nhất khúc thẳng bình lạc hữu dư”, hát một bản nhạc thẳng bình, vui không còn gì hơn. Quý vị thấy niềm vui đến đây thật không thể diễn tả hết được. Bài kệ này chúng tôi tạm dịch:

Đất trông ngủ yên ý tự an,
Chẳng cần roi mũi, mãi thanh nhàn.
Tùng xanh dưới cội mục đồng nghỉ,
Một bản thẳng bình rất hân hoan.

Vừa rồi là hình ảnh một chú mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi sáo, đến đây là hình ảnh một chú mục đồng ngồi dưới cội tùng hát bản nhạc thẳng bình, tức là đến thời thái bình thịnh trị, mọi người đều vui ca thông thả, không còn bận rộn lo âu gì cả.

Như vậy kiểm lại trên đường tu, nếu tất cả chúng ta nỗ lực chịu cực chịu khổ qua nửa phần đường, trong nửa phần đường đó:

- Giai đoạn thứ nhất là vất vả trăm phần,
- Giai đoạn thứ hai sự vất vả còn khoảng tám mươi phần,
- Giai đoạn thứ ba sự vất vả còn khoảng sáu mươi phần,
- Đến giai đoạn thứ tư còn khoảng bốn mươi phần,
- Đến giai đoạn thứ năm xem như hết vất vả rồi,
- Giai đoạn thứ sáu là bắt đầu thành thoi tự tại trên con đường trở về quê hương.

Đó là những hình ảnh tôi cho là đẹp tuyệt trần, chính khi chúng ta chiến thắng được bản thân mình, chiến thắng được vọng tưởng (cụ thể hoá bằng con trâu đã thuần thực, đã nghe lời và chú mục đồng ngồi trên lưng trâu trở về), lúc đó mọi sự thành thoi sẽ đến với chúng ta, niềm an lạc vô biên vô tận sẽ đến với chúng ta.

Vậy con đường tu là con đường tăm tối hay là con đường tươi sáng?

- Con đường của chúng ta đi là con đường tươi sáng vô cùng, thế mà có nhiều người đi vừa hơi mỏi chân là đã muốn trở về, thật là đáng tiếc vì chọn con đường tu tức là đã tìm được một lối đi đẹp để vui tươi an nhàn tự tại.

Tuy nhiên không có sự an vui hạnh phúc nào mà chúng ta không phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt. Như nhiều khi ngồi thiền phải muốn khóc vì đau chân, hoặc ở trong chùa nhiều khi bị rầy nên khóc lên khóc xuống. Song nếu chúng ta nỗ lực cố gắng thì ngày mai chúng ta sẽ được hưởng cảnh thanh nhàn an vui, nếu

không muốn trả cái giá đó mà đòi hưởng cảnh an nhàn tự tại thì chắc là không có. Ở trong đạo cũng như ở thế gian, muốn được quả vui trước hết chúng ta phải có công phu khó nhọc. Thí dụ như muốn hưởng những quả mít ngon thì hiện tại chúng ta phải đem hạt mít ương trồng, phải bón phân, tưới nước, nhổ cỏ từ ba năm đến năm năm mới thu được kết quả, chớ không bao giờ muốn ăn mít ngon liền có mít ngon, trừ khi có tiền trong túi. Nhưng muốn có tiền cũng phải lao động đổ mồ hôi mới có được. Vậy muốn hưởng quả tốt trước hết phải chịu cực chịu khó, quả tốt mới đến được. Có nhiều người mơ tưởng rằng chùa, Thiền viện là cảnh cực lạc, cảnh thiên đường tại thế, vào đó ngày nào cũng vui, giờ nào cũng an. Hiểu như vậy e là lầm, vì vào đó rồi còn phải dùng bao nhiêu công phu mới qua được những khó khăn để đến chỗ an lạc, chớ không phải vào chùa rồi mọi việc đều như ý.

Tôi nhắc lại để quý vị hiểu con đường chúng ta chọn, chúng ta đi là con đường rất đẹp, rất tươi vui, xán lạn ở ngày mai, nhưng muốn đi đến lối rẽ an lạc đó, tìm được thôn riêng đó, chúng ta phải đi tọt cùng con đường dài mới bước sang được lối rẽ này. Tôi chỉ mới dẫn hai bài thơ nói đến mục thứ sáu của mười bức tranh chấn trầu mà quý vị đã thấy đẹp đẽ như vậy. Đến đây tôi dẫn những bài quý vị vừa học trong Tuyệt Đâu Tụng Cổ, tức là ngài Tuyệt Đâu tụng các công án.

Đầu tiên là công án Thiền sư Tuyệt Phong Nghĩa Tồn đang đường nói với chúng rằng: Ngài nắm hòn núi Tu-di lại, nó nhỏ bằng hạt gạo, hạt lúa. Ngài Tuyệt Đâu tụng cho chúng ta nghe như thế này:

Ngưu đầu một, mã đầu hồi,
Tào Khê cảnh lý tuyệt trần ai.
Đả cổ khán lai quân bất kiến,
Bách hoa xuân chí vị thùy khai?

Tạm dịch:

Đầu trâu mắt, đầu ngựa về,
Trong vắt Tào Khê kính chẳng nhờ.
Đánh trống đến xem anh khó thấy,
Trăm hoa xuân đến nở vì ai?

Bài này có cái đẹp nào mà tôi đem vào đây? Ngài Tuyệt Phong Nghĩa Tồn nói: Ngài nắm núi Tu-di lại nhỏ bằng hạt lúa, hạt gạo. Núi Tu-di lớn bao nhiêu? Hạt gạo lớn bao nhiêu? Nắm hòn núi to lại bằng hạt lúa hạt gạo là để nói lên điều gì? Tức là dưới con mắt của Thiền sư, tất cả những tướng đối đãi lớn như núi Tu-di, nhỏ như hạt gạo... không còn nữa. Như vậy cái nhìn của Thiền sư đã thoát khỏi mọi tướng đối đãi của trần gian. Khi thoát khỏi mọi đối đãi của trần gian, tâm chúng ta sẽ như thế nào? Sẽ không còn dính một chút bụi trần. Sở dĩ chúng ta còn dính bụi trần là vì còn ở trong đối đãi hơn thua, phải quấy, được mất, nên phiền não theo đó dấy khởi, tâm chúng ta trở thành nhiễm ô, vì thế gọi là trần ai. Ngài Tuyệt Đâu thấy được công án này nên Ngài mới hạ câu đầu:

“Nguu đầu một, mã đầu hồi” tức là đầu trâu mắt, đầu ngựa về, nghĩa là một câu vô nghĩa vô lý, không ai biết là gì, để nói lên khi con người đã thoát khỏi đời đời thì không có ý niệm, không có tình duyên theo cảnh. Thế nên nói “đầu trâu mắt đầu ngựa về”, nói một cách không có lý thú để diễn tả tâm không còn dính mắc với cảnh.

Đến câu thứ hai: “Tào Khê cảnh lý tuyệt trần ai” là trong gương Tào Khê không dính một mảy bụi. Nghe nói gương Tào Khê ai cũng tưởng là gương của Lục Tổ, nhưng nếu tất cả chúng ta đi theo con đường của Lục Tổ thì chúng ta đều có cái gương riêng, gương đó cũng được gọi là gương Tào Khê. Như vậy tất cả chúng ta khi tâm dứt đời đời thì không còn dính một mảy bụi ở trong lòng. Hiện nay nếu quý vị buông hết những được mất hơn thua v.v... thì lòng quý vị có phiền não không? - Đâu còn tí nào phiền não và phiền não hết thì tâm mình trong sáng như gương không dính một mảy bụi. Khi ấy:

“Đã cố khán lai quân bất kiến”: đánh trống mời thiên hạ đến xem, nhìn trong gương cũng không ai thấy được một mảy bụi, cũng không ai thấy được cái gương như thế nào.

Câu kết thúc thật là đẹp đẽ: “Bách hoa xuân chí vị thù khai?” Nghĩa là đến mùa Xuân, trên núi, trong rừng, bên cạnh suối... trăm hoa đua nhau nở là vì ai? Vì quý thầy hay vì quý Phật tử? - Không vì ai cả. Nghĩa là Xuân đến thì hoa nở chứ không phải vì người này xem hoa, người kia yêu hoa mà nó nở cho họ xem.

Như vậy khi tâm chúng ta không còn dính một mảy bụi thì muôn vật đều đẹp đẽ trước mắt chúng ta, khi duyên đến tức là thời tiết đến, mùa Xuân đến thì hoa tự nở chứ không phải vì ai, không phải đợi chúng ta chăm sóc vun bón... Đây là một công án diễn tả tâm chúng ta khi tự tại không còn kẹt ở hai bên thì kết quả sẽ tốt đẹp như thế.

Đến công án thứ hai là công án của ngài Vân Môn. Một hôm ngài Vân Môn bảo: Ngày mười lăm về trước thì không hỏi ông, ngày mười lăm về sau hãy nói một câu xem? Không ai đáp được, Ngài tự nói: Mỗi ngày đều là ngày tốt. Công án này hay ở điểm nào? Tất cả chúng ta đang sống trong hiện tại nhưng tâm chúng ta nhớ chuyện hôm qua, hôm kia, năm xưa, năm cũ, tức là sống ở hiện tại mà tâm lùi về quá khứ. Nhiều khi sống ở hiện tại mà tâm hướng về vị lai như ngày nay là ngày mừng một Tết mà chúng ta nghĩ tháng hai, tháng ba chúng ta sẽ phát tài hoặc tháng tư, tháng năm chúng ta đi ngoại quốc... Giờ phút hiện tại không sống thì sống cũng như chết, chết nhưng còn ăn, còn nói, còn đi. Ăn, nói, đi, mà chết vì chính hiện tại mới là sống, nhưng trong ba thời quá khứ hiện tại vị lai tâm chúng ta cứ lui về quá khứ hoặc hướng tới vị lai, mơ ước tưởng tượng mà quên mất giây phút hiện tại. Thế nên Ngài mới nói không hỏi ngày mười lăm về trước mà ngày mười lăm về sau hãy nói cho một câu, không ai nói được thì Ngài nói “mỗi ngày đều là ngày tốt”. Như thế không cần mở lịch, vì ngày nào cũng là ngày tốt. Tại sao? Đây ngài Tuyết Đậu tụng:

Khứ khức nhất, niêm đắc thất,
Thượng hạ tứ duy vô đẳng thất.
Từ hành đạ đoạn lưu thủy thanh,
Túng quan tả xuất phi cầm tích.
Thảo nhung nhung, yên mịch mịch,
Không Sanh nham bạn hoa lan tịch,
Đàn chỉ kham bi Thuần Nhã Đa.

Tạm dịch:

Bỏ đi một, nắm được bảy,
Trên dưới bốn bên không đồng bậc.
Thong dong đạ bật tiếng suối reo,
Phỏng xem vẽ đợc chim bay dậu.
Cỏ xanh rì, khói trắng bạc,
Không Sanh bên núi hoa rơi loạn,
Khảy tay làm thảm Thần Hư Không.

Qua bài kệ này chúng ta thấy tài của ngài Tuyết Đậu diễn tả khi tâm chúng ta không còn kẹt quá khứ, vị lai, đó là dùng mấy chữ “bỏ đi một, nắm được bảy” nghĩa là không còn kẹt vào quá khứ, vị lai nữa, chỉ ngay hiện tại thôi.

“Trên dưới bốn phương không đồng bậc” nghĩa là bốn hướng và trên dưới không có cái gì gọi là giống nhau. Như vậy nếu tâm chúng ta đối với thời gian không còn có niệm sai biệt hướng về quá khứ vị lai mà sống ngay hiện tại thì thế nào? Tâm đã bình đẳng nghĩa là ngay trong phút giây này hiện tại thì thế nào? Tâm đã bình đẳng nghĩa là ngay trong phút giây này

“Thong dong đạ bật tiếng suối reo.” Dầu cho tiếng suối reo bên cạnh, chúng ta đi rất thong thả bên bờ suối, cũng đạ đợc tiếng suối im bật. Sao hay đến thế? Tiếng suối có hình dáng gì mà đạ đợc bật tiếng? Đó là để nói rằng khi tâm chúng ta không còn niệm hướng về quá khứ vị lai, chỉ sống với hiện tại thôi, lúc đó sẽ có diệu dụng, dường như chúng ta đi từ từ thong thả mà cũng làm cho tiếng suối reo im bật.

“Phỏng xem vẽ đợc chim bay dậu”, nghĩa là thấy chim bay trong hư không, giả sử muốn vẽ dậu của nó, cũng vẽ đợc. Như vậy hai câu này diễn tả khi chúng ta dứt đợc tâm quá khứ vị lai rồi thì ngay trong phút hiện tại này chúng ta sẽ đợc diệu dụng, nó vi tế vô cùng, những bước đi thong dong làm cho suối phải im tiếng, chim bay trong hư không dường như mắt cũng thấy đợc dậu chân của nó. Đây lại đẹc thêm:

“Cỏ xanh rì, khói trắng bạc.” Khi ấy chúng ta thấy đây là cỏ mùa Xuân xanh rì như nhung, kia là đám mây khói trắng như bạc, không còn gì xấu xa đen tối nữa. Tiếp đến Ngài dẫn:

“Không Sanh bên núi hoa rơi loạn”, tức là ngài Tu-bồ-đề ngồi bên sườn núi im lặng mà Thiên Đế Thích rải hoa cúng dường. Tâm chúng ta đến chỗ nhất

như thì dường như không nói không làm mà tất cả chung quanh đều cảm thông, đều thấy được.

“Khảy tay làm thảm Thần Hư Không”: chỉ khảy ngón tay, Thần Hư Không cũng hiện ra buồn thảm. Khi chúng ta tu hành đến giai đoạn tâm được an nhiên tự tại thì mọi diệu dụng tràn đầy trước mắt và chúng ta nhìn thấy tất cả đều hay, đẹp và nên thơ. Tôi dẫn những kệ tụng trên để quý vị thấy tương lai đẹp đẽ của con đường chúng ta đang đi.

Sang đến Thiên sư Việt Nam của chúng ta có nhìn giống như thế không? Đây là vị Thiên sư mà tôi thường hay nhắc nhất, đó là Thiên sư Chân Không. Có vị Tăng hỏi: Khi sắc thân bại hoại thì thế nào? Tức là người ta đến lúc chết thì thế nào? Ngài liền đáp:

Xuân khứ Xuân lai nghi Xuân tận,
Hoa lạc hoa khai chỉ thị Xuân.

Tôi tạm dịch:

Xuân đến Xuân đi ngỡ Xuân hết,
Hoa nở hoa tàn vẫn là Xuân.

Thật đẹp làm sao! Người ta thắc mắc băn khoăn hỏi sắc thân của chúng ta, đến giờ phút bại hoại thì thế nào? Người thế gian đến giờ phút đó là khóc, là khô đau, nhưng với Ngài thì Ngài bảo: Xuân đến Xuân đi ngỡ Xuân hết, hoa nở hoa tàn vẫn là Xuân. Mùa Xuân có đến có đi, như hôm nay bắt đầu mùa Xuân tức là Xuân đến, ba tháng sau gọi là Xuân đi, đến rồi đi, tưởng như Xuân hết. Còn hoa nở trong mùa Xuân, như hôm nay các cành mai đang nở, mai một nó sẽ tàn, nở trong mùa Xuân, tàn cũng trong mùa Xuân, như vậy sống chết vẫn ở trong cái tươi đẹp chứ không bao giờ mất. Thế là sống đẹp mà chết cũng tươi, không phải sống là vui chết là khổ. Tại sao? Vì đối với người thấy đạo sống và chết chỉ là sự sanh diệt của hòn bọt trong biển, hợp hoặc tan cũng đều nằm trong biển, có thoát đi đâu, khi hợp lại không làm cho biển tăng lên, khi tan ra cũng không làm cho biển giảm xuống, hợp hay tan cũng thế thôi. Thế nên Thiên sư khi thấy con người lúc sắp lâm chung bồi hồi lo sợ không biết thân phận sẽ ra sao thì Ngài nói rõ rằng: Mùa Xuân đến, mùa Xuân đi người ta tưởng là mùa Xuân hết, nhưng hoa khi nở khi tàn, dù có hai thời, vẫn là trong một mùa Xuân. Vậy mùa Xuân ở đây là mùa Xuân mãi mãi chứ không phải mùa Xuân chỉ có trong thời tiết ba tháng. Như vậy để thấy rằng sự có mặt và vắng mặt của chúng ta trên trần gian này chỉ là tạm thời chứ trong cái tươi sáng vĩnh viễn, chúng ta lúc nào cũng hiện hữu, không bao giờ thiếu vắng. Đó là điều Thiên sư đã thấy như vậy.

Đến một vị Thiên sư khác vào đời Lý, Thiên sư Viên Chiếu. Có một vị Tăng hỏi Ngài: Thế nào là nghĩa Kiến tánh thành Phật? Ngài trả lời:

Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phức thân hương.

Tôi tạm dịch:

Cây héo Xuân về hoa nở rộ,
Gió đưa ngàn dặm nức hương màu.

Khi Tăng hỏi nghĩa Kiến tánh thành Phật thì Ngài đáp: giống như là cây héo, cây khô gặp mùa Xuân về liền nở hoa. Người thế gian vì không nhận ra Phật tánh của mình nên thấy thân này có sanh, có diệt, khi sanh là vui mừng, khi diệt là khổ đau; trái lại người tu nhìn thấu được tánh chân thật của mình, tức là kiến tánh, thì thấy thân này có tàn có hoại cũng như là cây khô, khi thời tiết nhân duyên đến tức là mùa Xuân về nó vẫn nở hoa, chứ không phải mục luôn. Người tu khi ngộ đạo thấy tánh rồi thì ngay nơi thân tâm thường, chớp nhúa, không ra gì này có cái đẹp để tươi sáng vô cùng, đó là ví dụ mùa Xuân về hoa nở rộ.

Đến câu kệ “Gió đưa ngàn dặm nức hương màu”, lúc gió ở đâu thổi về đều nghe mùi hương nhiệm màu thơm ngát mũi. Như vậy hai câu thơ này cho chúng ta thấy đường trước chúng ta đẹp để làm sao, giống như mùa Xuân về hoa nở rộ, giống như gió ngàn phương thổi về mùi thơm nhiệm màu nồng nức khắp bầu trời. Như thế quý vị thấy đẹp để thơm tho là con đường chúng ta đang đi, đang tiến tới.

Lại có vị Tăng hỏi: Thế nào là bản ý của chư Phật?

Ngài Viên Chiếu liền đáp:

Xuân chức hoa như gấm,
Thu lai diệp tự hoàng.

Dịch:

Xuân dệt hoa như gấm,
Thu sang lá tự vàng.

Câu trả lời đẹp làm sao! Mùa Xuân đến hoa nở đẹp như gấm thêu hoa, mùa thu sang lá vàng rụng. Như vậy Xuân đến, thu sang vẫn là tự nhiên, Xuân về hoa nở, thu đến lá vàng, sự vật là như thế. Bản ý chư Phật thế nào? Bản ý chư Phật là như nhiên, như Xuân về hoa nở, thu đến lá vàng, không có gì thêm, không niệm trần nào len lõi vào.

Đến Thiền sư Thiền Lão, một hôm vua Lý Thái Tổ đến, thấy Ngài ở trong núi, Vua hỏi: Ngài ở đây được bao lâu rồi?

Ngài trả lời:

Đản tri kim nhật nguyệt,
Thùy thức cự Xuân thu.

Tạm dịch:

Chỉ biết ngày tháng này,
Ai hay Xuân thu trước.

Nhà vua liền hỏi thêm: Hòa thượng ở đây hằng ngày làm gì? Ngài trả lời:

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

Dịch:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Ngài Thiên Lão Thiên sư trả lời câu hỏi của vua Lý Thái Tổ về thời gian Ngài ở trong núi bao lâu là: Chỉ biết ngày nay tháng này thôi. Như vậy Ngài đang sống với niệm hiện tại (ngay bây giờ), không nhớ quá khứ, không mơ tưởng vị lai. Nếu con người được như vậy thì hiện tại đang làm gì? Ngài trả lời: Nhìn trúc biếc hoa vàng, thấy trăng trong mây bạc... tất cả đều hiện cái thể chân thật của chính mình, chớ không có ngoài.

Vậy khi chúng ta tu hành đến lúc tâm mình tự tại, không dính mắc một cái gì, lúc đó tất cả cảnh trước mắt chúng ta đều nên thơ, đều tuyệt diệu, những cảnh đẹp không thể nào diễn tả hết, những cảnh đó chúng tôi gọi là vẻ đẹp tuyệt trần, nghĩa là đẹp mà không dính một mảy bụi nào. Bụi đó ở đâu? Ở trong tâm chúng ta. Tâm không còn chút bụi thì mọi cảnh trước mắt đều đẹp, đều nên thơ. Trái lại nếu tâm chúng ta còn bụi phiền não thì mọi cảnh đều là cảnh buồn, cảnh tang tóc. Như thế tất cả chúng ta tu hành là đã chọn được một con đường, con đường tươi sáng hạnh phúc ở mai sau. Chọn được rồi, hiện chúng ta đang cất bước đi, quý vị có muốn đi nhanh đến để hưởng hay không? Hay quý vị thích ngồi chơi, chân chờ trong những đám gai góc, những vũng bùn lầy? Tôi ví dụ như chúng ta là khách du lịch muốn đến một thành phố đẹp, nhưng biết rằng trên đoạn đường về thành phố phải qua những đoạn đường lồi lõm, nhơ nhớp, bẩn thỉu, quý vị nghĩ chúng ta muốn đi nhanh qua để đến chỗ tươi đẹp mà chúng ta hằng mơ ước, hay là chúng ta cứ dằn dụa đến chỗ nào mệt thì ngồi chơi để ngửi mùi hôi hám của những đồng rác, hay dừng lại những chỗ đất lồi lõm gai góc, ngồi xuống thì bị đâm thủng chẳng hạn? Chắc không ai bằng lòng ngồi lì mãi ở chỗ nhơ nhớp gai góc khi biết rằng đến nơi kia sẽ đẹp đẽ trăm phần. Thế nên chúng ta đã có một lối đi, đã biết được kết quả sẽ là tươi sáng, đẹp đẽ thì phải nỗ lực, không nên chần chờ, hèn nay, hèn mai mà phải ráng đi đến nơi, sớm chùng nào tốt chùng nấy.

Tóm lại hôm nay là ngày đầu năm, tôi phác họa con đường đi của quý vị để thấy đó là con đường tươi sáng. Vậy mong rằng tất cả quý vị nếu không phải là người yếu hèn hay thác loạn, thì sẽ không chần chờ, không thối lui trên bước đường toàn là hoa thơm cỏ lạ. Chúng ta phải hăng hái, cố gắng tiến đến chỗ chúng ta đã nhắm, đến mục tiêu chúng ta đã quyết đến vì đó là nơi đẹp đẽ, tươi sáng, là nơi an lạc muôn đời. Chúng ta đâu còn dốt nát dại khờ gì mà phải dính nhiễm, cãi nhau trong đám gai góc? Đánh nhau trong gai có vui gì đâu, dù có thắng cũng trầy da tróc vẩy. Thế thì mặc ai muốn tranh hơn thua, muốn lôi kéo... chúng ta cứ gỡ mà đi, đi thẳng đến đích cuối cùng là nơi đẹp đẽ vô hạn. Đến đó rồi mặc tình ngồi chơi thổi sáo hát khúc thanh bình, rảnh rang cỡi mây cỡi gió về rửa bạn bè cùng đi với mình cho vui, chớ không lẽ lăn lộn mãi trong đám gai góc bùn lầy, giành nhau

những cái không đáng giành, hơn nhau những cái không đáng hơn thì thật là uổng phí cả cuộc đời.

Mong rằng năm nay, tôi tạm gọi là năm cuối để hướng dẫn dạy dỗ quý vị, những gì Kinh điển Phật Tổ dạy, tôi đem ra giảng nói cho quý vị nghe, quý vị ráng lãnh hội đầy đủ và đồng thời cố gắng mạnh mẽ bước trên con đường chúng ta đang đi, đừng giậm chân tại chỗ và tối kỵ là đừng bao giờ trở bước lại. Đó là điều tôi nhắc nhở, mong tất cả quý vị ý thức được đường tu, biết ngày mai tươi sáng thì phải nỗ lực tiến lên, không nên chần chừ nữa.



BIỂU TƯỢNG HOA SEN

XUÂN TÂN MÙI (1991)

(Phật tử)

Hôm nay là ngày Tết Nguyên Đán, chúng tôi dùng hình ảnh hoa sen để chúc Tết quý Phật tử. Trong đạo Phật biểu tượng hoa sen có những gì kỳ đặc? Hôm nay chúng tôi nói lên biểu tượng đó để tất cả quý Phật tử ý thức việc tu hành, sống theo tinh thần của biểu tượng hoa sen và đi đúng theo hướng của đức Phật đã dạy.

Nói đến hoa sen trước nhất trong chùa, chúng ta thấy tượng đức Phật ngự trên tòa sen. Hẳn quý vị cũng nhớ thuở xưa khi thành Phật Ngài ngồi ở đâu? Ngài ngồi dưới cội Bồ-đề, trên tòa cỏ. Hiện nay chúng ta lại để đức Phật ngồi trên tòa sen, như vậy là không đúng sự thật rồi. Vậy tòa sen mang ý nghĩa gì mà tất cả Phật tử chúng ta lại quý trọng để làm đài cho đức Phật ngồi? Kê đến khi đi chùa quý Phật tử thấy tháp thờ các vị trụ trì hay những vị có đạo đức cao đều có để các búp sen. Vậy các búp sen nói lên ý nghĩa gì mà trong đạo Phật từ chùa, tháp cho đến mộ của Phật tử cũng để hình ảnh hoa sen? Cả đến gia đình Phật tử cũng dùng lá cờ có hình hoa sen. Đó là những điều chúng tôi thấy người Phật tử cần phải hiểu rõ để khi có người hỏi chúng ta biết cách giải thích. Tuy không phải khó nhưng giải thích không suôn, vì chúng ta không biết được ý nghĩa rõ ràng. Đây tôi nêu ra hai phần:

1. Ý nghĩa biểu tượng hoa sen theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy.
2. Ý nghĩa biểu tượng hoa sen theo tinh thần Phật giáo Phát triển hay là Đại thừa.

Theo tinh thần Phật giáo Nguyên thủy: Thường hoa sen xuất phát từ trong bùn nhơ, luôn luôn sen mọc trong ao, trong hồ. Điều đó ca dao Việt Nam đã có nhắc đến và quý vị cũng đã nhớ, đã thuộc. Như vậy giá trị của hoa sen là từ nơi bùn nhơ sen trỗi dậy, vươn lên khỏi bùn, ra khỏi nước rồi trở hoa. Lúc đầu mầm nó chui trong bùn nhưng khi gần trở hoa thì nó vượt khỏi bùn, ngâm trong nước và lên khỏi mặt nước mới trở hoa. Khi ở trong bùn thì hôi, nhưng khi nó nở hoa thì thơm ngát. Vậy giá trị của hoa sen là từ chỗ nhơ nhớp hôi hám mà trở hoa có mùi hương tinh khiết, đó là điểm kỳ đặc của hoa sen. Tỉ dụ như hoa hồng, hoa cúc, hoa mai chúng ta trồng trên khô, trở hoa thơm thì cũng thường, vì chúng không có cái gì hôi hám. Còn sen ở trong bùn lại trở được hoa thơm, điều đó thật hiếm có. Thế nên đạo Phật dùng ý nghĩa này của hoa sen để tượng trưng cho người tu hành. Theo sử, đức Phật ngày xưa là thái tử con vua Tịnh Phạn, Ngài sống trong cảnh vương giả đầy đủ ngũ dục, tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc dư thừa. Ngài sống trong ngũ dục, chìm trong ngũ dục, nhưng chính từ trong ngũ dục sau này Ngài thức tỉnh, Ngài thoát ra khỏi ngũ dục và đi tu. Khi đi tu Ngài sống khổ hạnh đến ngày viên mãn đạo quả, thành một đức Phật sáng suốt giác ngộ, cũng như hoa sen từ trong bùn vươn ra khỏi bùn, lên khỏi mặt nước rồi trở hoa. Thế nên đức Phật dạy:

Trước tâm ta buông lung,
Chạy theo ái dục lạc,
Nay ta chánh chế ngự,
Như câu móc điều vui.

(Kinh Pháp Cú 326)

Đức Phật kể lại: Thuở trước lúc ở trong cung Thái tử, tâm Ngài buông lung chạy theo ái dục, thụ hưởng dục lạc, nhưng ngày nay tức là khi đi tu, Ngài chế ngự được nó giống như người nài (người chăn voi) dùng câu móc điều phục voi. Như vậy quý vị thấy từ trong vũng bùn ngũ dục Ngài thoát ra và trở thành một vị giác ngộ giải thoát. Đức Phật không phải từ phương trời nào xuống, mà chính là một con người hưởng đầy đủ dục lạc ở thế gian, rồi tự điều phục, thoát khỏi ngũ dục trở thành đấng giác ngộ.

Khi Ngài ở trong cung vua thọ hưởng dục lạc, ví dụ như hoa sen còn ở trong bùn; khi Ngài vượt thành xuất gia không còn ở trong thế gian của dục lạc nữa, ví dụ như hoa sen vượt ra khỏi bùn nhưng còn ở trong nước; khi Ngài cố gắng tu hành cho đến lúc được viên mãn giác ngộ, giống như hoa sen vượt khỏi nước, nở hoa. Như vậy hoa sen từ lúc mới mọc đến khi trở hoa trải qua nhiều giai đoạn: Giai đoạn một là ở trong bùn, giai đoạn hai là ra khỏi bùn ở trong nước, giai đoạn ba là ra khỏi nước, giai đoạn bốn là nở hoa thơm ngát. Cũng như vậy cuộc đời của đức Phật có nhiều giai đoạn: giai đoạn một là đắm mê dục lạc ở thế gian, giai đoạn hai là vượt thành xuất gia, giai đoạn ba khi tu Ngài cố gắng tinh tấn tu cho đến được giới thanh tịnh, điều phục được tâm, giai đoạn bốn là giác ngộ viên mãn. Thế nên sau này chư Tổ dùng hoa sen để tượng trưng cho công hạnh tu hành của đức Phật, hình tượng đức Phật ngự trên đài sen là ý nghĩa như vậy. Sau khi giác ngộ rồi đức Phật cũng dùng hoa sen để dạy đệ tử và các đệ tử Phật cũng học theo gương của Ngài.

Như giữa đồng rác nhớp
Quảng bỏ bên cạnh đầm,
Chỗ ấy hoa sen nở
Thơm sạch đẹp lòng người.
Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm mù phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Sáng ngời bằng trí tuệ.

(Kinh Pháp Cú 58-59)

Qua bài kệ này chúng ta thấy đức Phật dạy đệ tử của Ngài phải giống như hoa sen, giống cách nào? Như khi vào thành phố chúng ta thấy mấy xe rác hôi hám như nhớp, người ta đem đổ bồi các chỗ trũng, các đầm. Chính nơi đó sen mọc lên, khi sen nở, hoa có mùi rác hay mùi thơm thanh khiết? - Sen nở có mùi thơm thanh khiết. Đó là đức Phật dùng hình ảnh hoa sen để ví dụ. Ngài dạy tiếp: “Cũng

vậy giữa quần sanh ứ nhiễm, mù, phàm tục”, tức là ở giữa mọi người chung quanh chúng ta, họ là những kẻ ứ nhiễm, mù tối, phàm tục, đệ tử của bậc Chánh giác phải như thế nào? Đệ tử của Phật phải cố gắng “sáng ngời bằng trí tuệ”, tức là ở chỗ mù tối, ứ nhiễm chúng ta phải luôn luôn nuôi dưỡng trí tuệ mình được sáng ngời để xứng đáng là đệ tử bậc Chánh giác. Như thế quý vị thấy đức Phật dùng hoa sen để nhắc nhở đệ tử Ngài phải sống đúng như tinh thần của hoa sen, từ chỗ nhiễm như phàm tục phải dùng trí tuệ sáng ngời đi đến giác ngộ.

Tiếp đến chúng tôi nói biểu tượng hoa sen theo tinh thần Phật giáo Đại thừa hay là Phật giáo phát triển, nó có hơi khác một chút. Hẳn đa số Phật tử ở đây đều có tụng kinh Pháp Hoa, Pháp Hoa là gì? Pháp là Diệu Pháp, Hoa là Liên Hoa, nói tắt là Pháp Hoa, nói đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Liên Hoa là hoa sen, Diệu Pháp ví dụ như hoa sen nên gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, như vậy kinh Pháp Hoa là bộ kinh nói lên ý nghĩa Diệu Pháp giống như hoa sen. Diệu Pháp là gì? Tức là Tri kiến Phật. Kinh Pháp Hoa nói: “chư Phật ra đời vì khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến”, nghĩa là chỉ dạy cho chúng ta ngộ được Tri kiến Phật, tức là cái thấy biết Phật của mình. Vậy cái thấy biết Phật của mình ở đâu? - Ở ngay trong thân vô thường như nhớp này. Tri kiến Phật là cái thanh tịnh, sáng suốt, là Diệu Pháp, là Pháp sẵn có nơi con người chúng ta. Thân như nhớp ô ứ này dụ như đồng bùn. Đức Phật dạy thân chúng ta là như nhớp là bất tịnh nhưng trong cái như nhớp bất tịnh có cái thanh tịnh sáng suốt, vì vậy mà dụ Tri kiến Phật như hoa sen. Chúng ta khéo ứng dụng tu theo lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa thì sẽ được giác ngộ, thấy được Tri kiến Phật.

Đến các Thiền sư nói về hoa sen như thế nào? Như một Thiền sư đời Lý, ngài Đạo Huệ có bài kệ:

Sắc thân dữ Diệu thể,
Bất hiệp bất phân ly.
Nhuộc nhân yếu chân biệt,
Lô trung hoa nhất chi.

Tôi dịch:

Sắc thân cùng Diệu thể,
Chẳng hợp chẳng chia ly.
Nếu người cần phân biệt,
Trong lò một cành hoa.

Cành hoa tức là cành hoa sen. Các Thiền sư không nói hoa sen ở trong bùn nữa mà nói hoa sen ở trong lò lửa. Hoa sen trong bùn thì dễ hiểu, còn hoa sen trong lò lửa là điều quá sức tưởng tượng của chúng ta. Tôi sẽ giải thích ý nghĩa này. Lò lửa là chỉ thân vô thường, trong kinh Pháp Hoa cũng có dụ là “Tam giới vô an du như hoả trạch”, nghĩa là ba cõi không an giống như trong nhà lửa. Thân vô thường của chúng ta bị thiêu đốt, nó khô, nó chết từng phút từng giây, nhưng trong đó lại có một cái chưa bao giờ bị thiêu đốt, luôn nguyên vẹn trong sáng tươi

tốt, nói theo kinh Pháp Hoa đó là Tri kiến Phật, nói theo bài kệ này đó là Diệu thể. Lò lửa dụ cho sắc thân, cành hoa dụ cho Diệu thể. Cành hoa là biểu trưng cho trí tuệ sẵn có của chúng ta, nhà Phật gọi là Phật tánh hay Chân tâm. Trí tuệ đó sẵn trong thân vô thường này giống như hoa sen trong lò lửa. Thân chúng ta bị lửa vô thường thiêu đốt bại hoại nhưng hoa sen của chúng ta, tức tánh giác của chúng ta, không bao giờ khô héo. Thế nên đã bao lần thân này hoại đi qua thân khác mà tánh giác không thêm, không bớt, không thay đổi dụ như hoa sen trong lò lửa vẫn tươi tốt.

Đến vị thứ hai, cũng đời Lý, Thiền sư Ngô Ấn nói khác hơn một chút:

Diệu tánh hư vô bất khả phân,
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan.
Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị càn.

Tôi tạm dịch:

Diệu tánh rỗng không chẳng thể vin,
Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin.
Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy,
Lò lửa hoa sen nở thật xinh.

Trong bài này Thiền sư cũng nói hoa sen ở trong lò lửa .

“Diệu tánh rỗng không chẳng thể vin” nghĩa là mỗi người chúng ta có cái tánh nhiệm mầu tức là tánh giác, nó rỗng rang nên chúng ta không thể nào vin theo được, không thể nào nắm bắt được.

“Rỗng không tâm ngộ việc dễ tin” là nếu khi tâm chúng ta rỗng rang không còn dính mắc nữa thì lúc đó chúng ta mới tin được nó.

“Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy” nghĩa là ở trong ngọn núi cháy rực, hòn ngọc vẫn tươi nhuận không bị khô, không bị cháy cũng không bị nứt bể...

“Lò lửa hoa sen nở thật xinh” là ở trong lò lửa hoa sen vẫn nở thật đẹp. Như vậy hoa sen ở trong lò lửa là để nói ngay thân vô thường sanh diệt của chúng ta vẫn có cái thể tánh hay là cái Diệu tánh lúc nào cũng tươi nhuận, lúc nào cũng đẹp để không bị khô héo, hư hao trong khi tất cả đều bị ngọn lửa vô thường thiêu đốt. Như thế quý vị thấy ngay trong thân vô thường có cái không phải vô thường, cái đó gọi là Diệu tánh (theo ngài Ngô Ấn) hay là Diệu thể (theo ngài Đạo Huệ), đều chỉ cho cái chân thật đó.

Lại có một vị Tăng hỏi Hòa thượng Tộ ở Trí Môn: Hoa sen khi chưa ra khỏi nước thì thể nào?

Ngài đáp: Hoa sen.

- Sau khi ra khỏi nước thì thể nào?

- Lá sen.

Như thế lời đáp có dễ hiểu không? Lời đáp như là không có đáp, không thể hiểu gì cả. Nhưng sau này có một vị Quốc sư Nhật Bản, ngài Viên Thông Đại Ứng làm bài tụng để chúng ta thấy rõ nghĩa đó. Ngài tụng:

Liên hoa hà diệp ly nê thủy,
Xuất vị xuất thời tuyệt điểm ai.
Vô hạn thanh hương thâm bất đắc,
Hoà phong đới vũ mãn trì khai.

Tôi tạm dịch:

Hoa sen cành lá lìa bùn nước,
Ra vớt chưa ra bắt điểm trần.
Vô hạn hương thơm thu chẳng hết,
Theo mưa quyện gió nở đầy ao.

Nói là ra khỏi nước hay chưa ra khỏi nước, nói là hoa sen, cành sen hay lá sen, cách nói đó là để chúng ta không bị tình giải trói buộc. Vị Tăng hỏi “hoa sen khi chưa ra khỏi nước như thế nào” là ý ngầm hỏi khi Phật tánh của chúng ta còn lẫn trong tâm phàm tục này hay là trong cái vọng tâm phiền não này thì thế nào?

Ngài liền trả lời: Hoa sen.

Lại hỏi: Sau khi ra khỏi nước thì thế nào? Lẽ ra sau khi ra khỏi nước là sắp nở, cũng như là tâm giác của chúng ta khi thoát khỏi phiền não là sẽ sáng, nhưng Ngài lại đáp là “lá sen”. Như vậy đáp là hoa sen, là lá sen, lối đáp đó đều không cho chúng ta hiểu mà để chúng ta thấy. Nếu khi nào chúng ta không khởi niệm suy nghĩ phân biệt - danh từ chuyên môn nhà Thiền gọi là không khởi tình giải - lúc đó “ra vớt chưa ra bắt điểm trần”, nghĩa là không còn một mảy niệm nào làm cho nhớ nhớt. Nếu không còn một mảy niệm nhớ nhớt thì “vô hạn hương thơm thu chẳng hết”, khi ấy hương thơm tràn khắp, dù chúng ta muốn thu, thu cũng không hết. “Theo mưa quyện gió nở đầy ao” là theo mưa theo gió, đầy ao nở toàn là hoa sen. Tóm lại ý bài tụng này muốn nói rằng khi người ta đến chỗ tâm niệm không còn đuổi theo ngoại cảnh hay là không còn khởi những tình giải lãng xăng nữa, khi đó tâm thanh tịnh không còn dính một mảy bụi nhớ nhớt, khi ấy nơi nơi hoa sen đều nở rộ, nơi nơi là mùi hương thơm ngát của hoa sen, không còn có những hôi hám bản thủ nữa. Đó là ý nghĩa hoa sen.

Tôi nhắc lại, tinh thần Phật giáo Nguyên thủy nói về hoa sen như chúng ta từng học từ thuở bé “Trong đầm gì đẹp bằng sen...”, đó là ý nghĩa từ chỗ nhớ nhớt trở thành thanh tịnh thơm tho, đẹp đẽ, để chỉ cho tất cả chúng ta từ con người phàm tục dở xấu, nhưng khéo tu khéo sửa sẽ trở thành con người hay, con người tốt. Con người hay tốt không phải ngẫu nhiên có, mà phát xuất từ con người xấu dở trước kia. Cũng như đức Phật, không thể bỗng nhiên có Phật ra đời, mà chính Ngài từ con người phàm tục thọ hưởng dục lạc rồi sau thức tỉnh bỏ dục lạc đi tu đến giác ngộ. Như vậy đâu phải Ngài từ trên trời rơi xuống, cũng không phải từ hành tinh xa lạ nào đến đây, mà chính là con người chứa đầy đủ bản tánh người

như chúng ta, nhưng khi tu rồi Ngài dẹp bỏ tất cả, Ngài trở thành Phật. Hiện nay chúng ta có giống Ngài không? Chúng ta tu dễ hay khó hơn Ngài? Nếu quý Phật tử nam “lỡ” làm Hoàng tử thì chắc là hưởng suốt đời chứ không bao giờ bỏ ngai vàng đi tu! Nếu quý Phật tử nữ làm Công chúa chắc cũng khó đi tu lắm! Đức Phật cũng là một con người, nếu Ngài mang tính chất thánh thiện sẵn, chắc là Ngài không có gia đình, không có con. Thế thì Ngài cũng như chúng ta, Ngài cũng có gia đình, cũng có con, nhưng Ngài dám dứt bỏ tất cả, một phen ra đi khi nào ngộ đạo mới trở về. Đó là điều đặc biệt của Ngài. Trái lại chúng ta hiện nay đi đâu thì nhớ nhà, nhớ người này, nhớ người kia, nhớ con, nhớ đủ tất cả... Thế nên chúng ta cũng có tư cách như Ngài mà không làm được như Ngài, còn Ngài cũng có tư cách như chúng ta mà Ngài đã làm được con người xuất trần.

Nhìn đức Phật rồi gẫm lại chúng ta, tất cả chúng ta đều có khả năng làm Phật, nhưng rất tiếc là chúng ta không gan. Thường thường quý vị ai cũng nói mình gan lắm, chứ đâu có ai nói tôi nhát lắm, tôi khiếp nhược lắm, phải không? Nhưng anh hùng là anh hùng với những người yếu thế hơn mình, như bên nam thì anh hùng với vợ con, vợ con nói sái ý thì la hét và muốn tát tai liền, nhưng lại không anh hùng với mình, những sự nóng giận, tham lam, si mê của mình không có gan bỏ, mà không có gan bỏ tức là không có anh hùng! Trong đạo Phật, anh hùng là anh hùng với chính mình. Những gì biết là xấu, là dở liền cắt đứt ngay. Tôi thấy quý Phật tử bên nam chắc cũng có nhiều người ghiền rượu, ghiền thuốc phải không? Biết ghiền rượu, ghiền thuốc là hại sức khoẻ, là tổn tiền, nhưng quý vị có bỏ được không? Mười người khoảng hai, ba người bỏ được, còn bảy, tám người không bỏ được, như vậy là không gan, biết hại nhưng không gan bỏ. Hành động cử chỉ mạnh bạo hung tợn tỏ ra là anh hùng, nhưng rốt cuộc cái hại, cái dở của mình lại bỏ không nổi thì đâu gọi là anh hùng. Như vậy để thấy người đời không can đảm giải quyết những điều hư, điều dở của mình.

Trái lại, đức Phật từ con người dở tức là con người hưởng thụ ngũ dục trong cảnh vua chúa sang giàu, nhưng khi thức tỉnh rồi ngay đó Ngài dứt bỏ hết, Ngài đi tu. Chúng ta hiện nay thật ra hưởng thụ có bao nhiêu đâu, sánh với đức Phật khi còn làm Thái tử, Ngài thụ hưởng trăm phần mà Ngài dứt bỏ một cách dễ dàng, còn quý Phật tử thụ hưởng chưa được mười phần mà bỏ không được, như thế mới thấy chỗ yếu của chúng ta. Chính sự yếu đuối đó làm cho chúng ta tu không tiến, còn Ngài khi quyết định làm thì dứt khoát làm, khi vượt thành xuất gia rồi cho đến khi ngộ đạo mới trở về thăm gia đình. Còn chúng ta hiện nay ngồi trong chùa thì nhớ gia đình, về gia đình lại nhớ trong chùa, đi đi lại lại không có thái độ dứt khoát, nên không thể bì được với Ngài.

Đến các Thiên sư, các ngài thấy rõ thân chúng ta là thân vô thường bại hoại, ai cũng bị vô thường chi phối. Quý vị nhớ thuở nào chúng ta là người trẻ, nay là người già. Sắc tươi trẻ lần lần bị thiêu đốt, trở thành già, tóc ngày xưa xanh nay đã bạc, răng ngày xưa cứng chắc nay đã rụng, những gì tốt đẹp thuở xưa nay đều bại hoại. Cái gì làm hoại? Nhà Phật gọi đó là lửa vô thường thiêu đốt. Tuy thân chúng ta bị lửa vô thường thiêu đốt, nhưng trong đó có cái không bị thiêu đốt, đó là Phật

tánh, là Chân tâm của chúng ta. Thế nên Thiền sư dụ Phật tánh, Chân tâm như hoa sen, thân vô thường như lò lửa.

Như vậy tất cả chúng ta ai cũng có hoa sen trong lò lửa, nhưng hiện nay chúng ta nhớ lò lửa hay nhớ hoa sen? - Cứ nhớ thân lửa cháy rần rần, còn hoa sen thì không nhớ chút nào, thế nên khi thân cháy rụi thì chới vói. Nay ngay trong lò lửa này chúng ta nhận ra hoa sen, thấy hoa sen tươi thắm trong lò lửa, chúng ta cười vui, dù lửa cháy đến đâu đi nữa chỉ làm tươi thắm thêm hoa sen của mình. Lò lửa cháy, nó khô nó hoại, hoa sen vẫn tươi thắm mãi, vậy là trong cảnh vô thường chúng ta thoát được cái vô thường. Trái lại, nếu chúng ta chỉ nhớ thân lò lửa này, dầu chúng ta cung cấp nuôi dưỡng nó bao nhiêu đi nữa, nó cũng phải bại hoại. Có ai nuôi thân này khỏi bại hoại không? Hẳn là không, nuôi cách nào rồi cũng bại hoại, cũng không còn. Vậy tại sao cái sẽ không còn mà chúng ta cố giữ, cố lo cho nó mãi, trong khi cái còn mãi, không bao giờ mất, lại không nhớ? Như thế chúng ta là người trung thành với mình hay là người phản bội mình? Chúng ta thương chúng ta hay là ghét? Ghét mới bỏ cái thật giữ cái giả, trái lại nếu thương mình thì cái thật phải giữ, cái giả đừng màng. Quý Phật tử thử kiểm điểm lại xem, quý vị lớn tuổi trong sáu bảy mươi năm nay quý vị giữ cái nào? Lò lửa hay hoa sen? Lò lửa cháy rục thiêu đốt hết bao nhiêu sự nghiệp mà cứ giữ, còn hoa sen tươi thắm trong đó lại bỏ quên! Thật là chúng ta tự hủy hoại, tự bỏ quên mình! Thế nên người Phật tử tu theo Phật cần yếu là phải nhớ lại mình, biết được mình, tìm ra cái thật của mình, đó là căn bản của sự tu.

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta tu là phải buông xả tâm chấp ngã này. Cái ngã này tức là lò lửa. Khi không chấp thân, không chấp cái ngã này là mình thì tâm chúng ta mới không dính mắc, không tham, không sân, không phiền não. Khi ấy trí tuệ chân thật hiện ra, gọi là hoa sen hay Tri kiến Phật. Vậy trí tuệ đó sẽ phát ra khi nào chúng ta không chấp cái hư giả là mình, cái hư giả là quý. Quý vị có bằng lòng điều đó không? Tuy nó giả mà thương nó quá, không đành quên nó, vì thương nó nhiều nên có ai xúc chạm đến nó thì nổi sân. Vì lẽ đó đức Phật thường dạy người Phật tử phải biết thân này là vô thường, vô ngã. Vô ngã là không phải thật ta mà chấp là ta. Như hiện nay quý vị nghĩ da thịt là mình chẳng? Nếu da thịt là mình thì chỗ nào lỗ có u nhọt, người ta cắt bỏ ra thì cái đó là mình hay là miếng thịt thúi? Chúng ta có góm không? Nếu là mình thì lúc nào cũng là mình, chớ không thể còn ở trong thân là mình, cắt bỏ ra ngoài là không phải mình, rồi lại góm nó. Như thế làm sao nói thân này là thật được? Nhưng trong đó có cái chân thật ẩn náu mà chúng ta không thấy. Thế nên người tu dù xuất gia, dù tại gia đều phải làm sao thấy được, tìm ra được cái chân thật của mình. Nhưng muốn thấy được cái thật thì phải biết cái giả. Khi có những món đồ giả, nếu muốn mua đồ thật đừng làm đồ giả thì phải làm sao? Phải biết đồ giả như thế nào, đồ thật như thế nào, biết được cái giả rồi mới tìm ra cái thật, chớ nếu tưởng giả là thật thì mỗi lần mua là mỗi lần lầm. Thân này cũng vậy, trong nó có cái giả mà cũng có cái thật, nếu không nhận ra cái giả thì không bao giờ biết được cái thật. Thân chúng ta là thân vô thường luôn luôn bị thiêu đốt, bị bại hoại. Cái gì bị thiêu đốt, bị bại hoại

là giả, nhưng chúng ta cứ cho là thật. Thân mình là thật, nên khi nghe Phật nói thân này vô ngã, không phải là mình thì buồn khổ. Hiểu như vậy để biết thân chúng ta là tướng duyên hợp, duyên hợp thì không thật. Thế nên nhiều lần tôi hay đặt câu hỏi quý Phật tử: Thân này là thật hay giả? Nhiều người trả lời là giả, tất cả quý vị hẳn là đồng ý. Nhưng câu trả lời “giả” là trong thâm tâm thấy giả hay bắt chước nói theo Phật? Tôi hỏi tiếp: Tại sao biết thân này là giả? Đa số quý vị đáp: Vì Phật nói thân này vô thường tạm bợ hư dối nên nói là giả. Vậy là bắt chước mà đáp chớ không phải chính mình nhận biết. Thế nên tôi không chịu cách nói đó. Nay tôi đặt câu hỏi quý vị: Mũi quý vị đang làm gì?

- Đang thở.

- Thở nghĩa là làm gì?

- Chúng ta hít không khí ở ngoài vào độ mấy giây đồng hồ liền trả ra. Hít vào, trả ra. Có ai hít vào mà không trả ra không? Nếu trả ra mà không hít vào thì thế nào? Như thế thì cuộc sống này là nhờ hít vào, tức mượn không khí ở ngoài, rồi trả ra, mượn trả, mượn trả đều đều... Quý vị nói: tôi ngồi chơi, chớ không ngờ mình đang mượn trả, mượn trả đều đều không có lúc nào ngồi chơi cả. Nếu trả rồi không mượn lại thì thế nào? Người ta gọi đó là tắt thở, là chết. Nếu thân này là thật thì không cần mượn, của mình rồi thì mượn làm chi, trái lại phải mượn mới còn, mới sống thì đâu gọi là thật. Mũi mượn không khí, miệng mượn tách nước, một lát sau lại trả, rồi đến mượn chén cơm rồi lại trả... Mượn trả đều đều suôn sẻ đó là cuộc sống yên lành. Nếu mượn mà trả không được thì thế nào? Thì xuống đất. Nếu trả mà mượn không được thì thế nào? Cũng xuống đất. Chúng ta thấy cuộc sống thật đáng tức cười, chỉ là mượn trả, nếu suôn sẻ thì cười vui cho là hạnh phúc, nếu trục trặc thì nằm giãy giụa rồi chờ đi cứu cấp. Như vậy trong cuộc sống này cái gì là thật? Trong nhà Phật nói thân này do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) hợp thành, nhưng tự nó không bảo vệ được, phải mượn đất nước gió lửa bên ngoài bồi bổ luôn, nên lúc nào cũng mượn trả. Xét theo lẽ đó thân mượn trả là thân tạm bợ vô thường, giả dối không thật. Không thật mà tưởng thật là không sáng suốt. Nếu thấy rõ như vậy, quý vị có tỉnh không? Tỉ dụ như hết nước thì mượn nước, như nước lã hoặc nước trà, hoặc nước cam, nước xá xí v.v... Nếu khô cổ cho một tách nước vào thì hết khô. Nhưng chúng ta lại cầu kỳ, cho nước lã không chịu, phải kiếm nước cam, nước chanh mới bằng lòng. Cũng vì ý muốn đó nên cực nhọc, vì phải làm ra tiền mới mua được, chớ nước lã thì không phải mua, không phải tốn gì cả. Đến cần bồi bổ đất, tức khi bao tử trống thì kiếm chén cơm với vài thức ăn đơn giản như rau luộc... nhưng chúng ta lại đòi phải có gì xào chiên thơm thơm, phải có thịt, có cá... nên phải cực. Một hôm vào buổi sáng sớm, trên xe đi từ Phước Thái về thành phố Hồ Chí Minh đến một chiếc cầu vào thành phố, tôi nhìn thấy nước dưới sông đen ngòm mà có nhiều người cầm rổ đi vớt, đi xúc, nước đã hôi mà cứ dầm dưới đó là vì cần kiếm ít con cá, ít con tép con con về ăn, chỉ bấy nhiêu đó là vừa ý rồi. Thay vì ở nhà cuốc một liếp trồng rau, buổi sáng cắt vào ăn, khỏi phải lạnh phải hôi gì cả, thế mà không chịu. Lại gần đây trong chuyến đi lên nghỉ trên Đà Lạt, mỗi sáng tôi đi quanh hồ Xuân Hương, nhiều hôm trời lạnh buốt, đi

trên bờ còn phải mặc áo lạnh, mà vẫn có những người cầm nom xuống hồ đi nom cá, cả mình ướt đẫm, lạnh đánh bò cạp nhưng họ vẫn chịu đựng. Vì sao phải cực nhọc như vậy? Cũng vì mượn đất vào cho hợp với lưỡi của mình, thật ra miếng đất nào có đủ chất bồi bổ cơ thể là được, đâu cần phải có những thứ ngon ngọt mới được. Như ở chùa chúng tôi đâu có ăn con vật nào mà vẫn sống. Nếu phải chịu lạnh lẽo kiếm mấy con vật đó để ăn, thử hỏi cái khổ này ai đày mình vậy, ai làm mình khổ? Có phải cái lưỡi không?

Chúng ta thấy tất cả cuộc sống của chúng ta vì lệ thuộc vào cảm giác của mũi, tai, mắt, lưỡi, thân nên phải khổ. Nếu biết là vay mượn chúng ta chỉ mượn những gì cần xài thôi, cũng như xe hết xăng không chạy được thì đổ xăng vào, thân hết nước thì khô, khó chịu, uống tách nước vào thì hết khô, cần gì phải bày biện cho thêm khổ, càng cầu kỳ chừng nào thì càng khổ chừng nấy. Uống trà, không thích trà thường, phải trà hiệu này hiệu kia, thế nên bao nhiêu tiền cũng không đủ, đó là lỗi tại ai?

Nếu hiểu rõ tinh thần Phật dạy, chúng ta thấy tu là phải đơn giản. Muốn đơn giản cuộc sống, chúng ta phải thấy rõ bản chất của thân. Nó là một đồng bùn nhơ, một tướng vô thường, nó là cái lò lửa chớ không có gì tốt, quý báu. Nếu chúng ta không làm nó, đương nhiên đời sống chúng ta sẽ đạm bạc, yên ổn và việc tu hành của chúng ta cũng được dễ dàng, trái lại nếu lệ thuộc vào nó thì đường tu của chúng ta sẽ rất là khó.

Tóm lại tôi giải thích cũng khá nhiều, hẳn quý Phật tử không nhớ tôi muốn chúc điều gì. Vậy tôi cô đọng lại lời chúc Tết đầu năm của chúng tôi, để tất cả quý Phật tử có mặt về kể lại cho quý Phật tử vắng mặt là, tôi gửi lời chúc tất cả quý Phật tử sang năm mới đều là những mầm sen chuẩn bị thoát ra khỏi bùn, khỏi nước và trở hoa tươi đẹp thơm tho.



ĐỜI TU CỦA TÔI

TẮT NIÊN TÂN MÙI (1992)

Đêm nay là đêm Tắt niên. Trong đêm này chúng ta kiểm lại những tư tưởng và việc làm của chúng ta trong năm qua để tìm một lối đi trong sáng cho đời tu của mình mỗi năm mỗi được tăng tiến. Nhưng đêm Phở trà hôm nay lại đặc biệt hơn những năm qua vì nó mang một ý nghĩa rất quan trọng, không phải của toàn chúng, mà quan trọng trong đời tu của tôi.

Kiểm điểm lại từ khi đi tu cho đến ngày nay, chúng tôi đã làm được những gì và đã có những thất bại nào. Đây không có nghĩa là tôi kể lại một dòng lịch sử, mà chúng tôi muốn nói lên những cái ưu cái khuyết của bản thân tôi trong cuộc hành đạo, để quý vị lấy đó làm kinh nghiệm sau này khi đứng ra lãnh chúng dạy người. Có được kinh nghiệm, quý vị sẽ giáo hóa rộng rãi như tôi hoặc hơn tôi.

Trong đời tôi ngang đây phần giáo hóa coi như dừng lại, nếu không phải là chấm dứt. Nếu có thêm thất chút ít, không đáng kể, còn phần chánh đến đây là đã xong trách nhiệm của tôi. Cho nên chữ Tắt niên hôm nay là Tắt một đời hồng pháp của tôi (Nhưng chưa đầy ba năm sau Hòa thượng trở lại hồng hóa độ sanh và thành lập Thiền viện Trúc Lâm tại Đà Lạt để làm sống dậy Thiền tông đời Trần và cũng là khôi phục Thiền tông Việt Nam). Chắc rằng có nhiều người muốn nghe, nên tôi không ngại mất thời giờ tuần tự kể chuyện, quý vị vừa uống trà vừa nghe.

Trước hết tôi kể về phần ưu trong đời tu của tôi.

Tôi thường tự mừng và khoe với đại chúng rằng tôi được Tam Bảo ưu đãi trên đường tu, ưu đãi rất là trọng hậu. Những ưu đãi đó tôi xin kể theo thứ tự:

Điểm ưu thứ nhất:

Tôi gốc là người ngoại đạo, không biết gì về đạo Phật cả, cha mẹ tôi không biết đạo Phật, bản thân tôi cũng không biết đạo Phật, mà ham tu. Như vậy ham tu là một chủng tử trong quá khứ, chớ không phải ở hiện tại. Tôi nghe ông thân bà thân tôi kể lại: Khi được sanh ra thì tôi đau yếu luôn, các chị gái của tôi cũng vậy, chỉ sống được năm, bảy tháng thôi. Đến phiên tôi thì èo uột, nên trong nhà sợ lắm. Có một số đạo hữu biết tụng kinh nên mới rủ cha mẹ tôi nhập môn. Muốn bảo đảm cho tôi được sống nên ông thân tôi mới nhập môn theo đạo Cao Đài. Coi như tôi là nhân tố đưa gia đình theo đạo Cao Đài. Như vậy tôi theo đạo khi mới lọt lòng mẹ, nhưng điều đặc biệt là sao tôi lại thích đạo Phật. Tuy thích đạo Phật nhưng không biết làm sao đến chùa, cũng không biết thưa hỏi với ai. Chỉ biết là lúc nào tôi cũng muốn tu Phật thôi. Tôi nghĩ đó là chủng tử quá khứ chớ không phải mới. Vì thế khi phát tâm đi tu, thật tình tôi không biết chọn lựa, vì có từng vào chùa đâu mà biết nơi nào hay nơi nào dở, nơi nào đáng học, nơi nào không. Việc đi tu của tôi đối với đạo Phật là một việc đánh liều, vì ham tu nên đi tu, không lựa chọn nơi chốn để tu, cũng không nghĩ có thể làm lợi ích cho Phật pháp mai sau. Song nhờ

Tam Bảo gia hộ tôi đi đúng chỗ. Vừa bước chân vào đạo là tôi đi thẳng vào Phật học đường, nơi Hòa thượng Viện trưởng đang dạy học. Hòa thượng đang dạy Sơ đẳng Phật học năm thứ ba thì tôi vào chùa. Ngài chấp nhận cho tôi tu và cho học năm thứ ba Sơ đẳng mà thật tình tôi chưa biết “chữ nhất”, vì tôi đã mất hai năm học đầu. Như vậy tôi học đạo thật là không có thứ tự lớp lang chi hết. Nhưng tôi được Hòa thượng thương, đưa cho tôi những kinh sách in sẵn của Ngài để theo đó mà dò. Nhất là lúc ấy tôi lại có một chú Thiện hữu tri thức còn nhỏ, là anh chú bác với Đắc Huyền, hiệu là Thanh Đức. Tuy còn nhỏ để chóp, nhưng chú rất thông minh, giỏi chữ Hán, chú tiêu gọi tôi bằng chú. Hai chú cháu học chung với nhau, chú tiêu đọc chữ Hán tôi giải nghĩa. Tôi không thuộc mặt chữ nhưng đọc đến đâu tôi biết giải nghĩa đến đó, hai chú cháu hợp tác với nhau học được một năm đến cuối lớp Sơ đẳng bước lên Trung đẳng.

Khi tôi bắt đầu vào đạo năm 1949, ở dưới quê được vài ba năm, đến năm 1953 thì Hòa thượng Viện trưởng cho tôi và một số huynh đệ về nhập học tại Phật học đường Nam Việt, chùa Ân Quang. Thế là chúng tôi bắt đầu vào lớp Trung đẳng Phật học. Khi còn ở quê, mấy năm sau lớp học Hòa thượng dạy chỉ còn có hai người: bên Tăng là tôi, bên Ni là cô Trí Định, mà Hòa thượng vẫn giảng dạy đều, nên khi lên Ân Quang học chúng tôi theo kịp huynh đệ không có gì gọi là khó khăn. Như vậy Tam Bảo đã ưu đãi tôi nên xui khiến tôi đi trúng chỗ, nếu không tôi sẽ đi vào các chùa làm thầy cúng, cứ lo đi cúng kính hoài, không biết rồi đời tu của tôi sẽ ra sao?

Tôi thuộc về loại người cứng đầu, coi hiền nhưng cứng đầu. Tu theo đạo Cao Đài tôi không thỏa mãn, vì có những điều tôi thấy dường như không thật nên tôi từ chối không theo. Khi đến với đạo Phật, nếu tôi vào chùa chỉ lo cúng kính, chắc tôi sẽ bỏ cuộc, hoặc là hoàn tục, hoặc lên núi non tu theo ngoại đạo không biết chừng.

Kiểm điểm lại, tôi thấy Tam Bảo đã ủng hộ tôi, hậu đãi tôi. Không biết lựa chọn, cũng không quen với ai mà khi tôi bước vào chùa lại trúng ngay Phật học đường, lại được Hòa thượng Viện trưởng chỉ dạy. Ngài là một vị giáo thọ đầy đủ đức và tài, sau này được mời lên chùa Ân Quang (Phật học đường Nam Việt) làm Đốc giáo, tức là Hiệu trưởng. Theo thế gian nói, tôi như chuột rơi vào hũ nếp! Tôi chỉ biết ham tu, và đi vào chỗ đúng như sở nguyện. Có nhiều người xuất gia trước tôi năm mười năm, bây giờ là trụ trì, chỉ lo cúng kính thôi, chớ không thông hiểu đạo lý bao nhiêu, thật là đáng thương.

Điểm ưu thứ hai:

Tôi là con người có tật không chịu dùng, cũng không biết đủ trong khi tìm kiếm một cái gì. Vì thế khi học lớp Trung học Phật giáo, tôi được đọc các quyển kinh mà những dịch giả nào là ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, nào là ngài Tam tạng Huyền Trang..., các Ngài đều thông suốt Tam tạng giáo điển, còn riêng tôi không biết gì, chỉ được học năm, ba quyển kinh, thì làm sao có đủ tư cách là người sau này lãnh trách nhiệm làm lợi ích cho nhiều người! Cho nên tôi ước

mơ làm sao mình có được Tạng Kinh để tìm xem trong ấy dạy những gì? Nếu không có Tạng Kinh thì coi như đời tu của mình chỉ có một hai mảnh vụn của Phật pháp thôi. Cái mơ ước đó của tôi rồi cũng được toại nguyện. Tức là khoảng năm 1961 đạo hữu Minh Đạo và gia đình phát tâm thỉnh cho tôi Tạng Kinh. Cũng năm đó tôi bị bệnh phổi phải nằm bệnh viện, và sau đó tôi lên Phương Bồi ở Bảo Lộc cất thất tên là Thiên Duyệt thất để dưỡng bệnh. Nói đi dưỡng bệnh mà thật tình tôi đọc kinh. Khai Tạng Kinh ra đọc, tôi mới biết còn bao nhiêu quyển kinh tôi chưa từng biết. Nhất là mấy bộ A-hàm, càng đọc tôi thấy càng hay. Nhớ lại các bộ kinh Đại thừa tôi thấy làm như tôi mất lòng tin. Tại sao vậy? Vì kinh A-hàm thực tế và cụ thể quá, kể những câu chuyện rõ ràng, còn các kinh Đại thừa kể chuyện đầu đầu.

Ví dụ như trong kinh Kim Cang ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao hàng phục được tâm mình? Phật bảo: Muốn hàng phục tâm mình thì phải độ tất cả chúng sanh, nào là có sắc, không sắc, cho đến có tướng, không tướng v.v..., độ tất cả vào Vô dư Niết-bàn. Đọc đến đây tôi nản quá: Vô dư Niết-bàn tức là Niết-bàn của hàng A-la-hán, sau khi chúng quả nhập Niết-bàn. Mình bây giờ là phàm Tăng chưa có cái gì hết, làm sao độ người vào Vô dư Niết-bàn? Chẳng những độ người mà phải độ tất cả chúng sanh... tính chừng bao nhiêu? Vô biên vô số thì làm sao độ. Độ tất cả vào Vô dư Niết-bàn mà mình chưa được Niết-bàn thì làm sao độ được! Đến đây tôi cứ thờ dài, rồi nói: Mình học kinh mà không có thực hành gì được, Phật nói chuyện cao xa trên trời trên mây đầu không.

Rồi tôi đọc thêm kinh Pháp Hoa, lại khổ nữa. Nhất là trong phẩm “Hiện Bửu Tháp” Phật đang nói pháp bỗng dung có cái tháp dưới đất chui lên lững lờ trên hư không v.v..., chuyện không sao tin nổi. Đến phẩm “Tùng Địa Dũng Xuất” cũng vậy, Phật đang nói kinh, rồi đất rung động nứt ra, Bồ-tát ở dưới đất vọt lên vô số..., sao kỳ lạ quá không thể tin được. Tự nhiên tôi thấy như mất lòng tin nơi kinh điển Đại thừa. Lúc ấy khi dạy Tăng Ni tôi có nói một câu mà sau này tôi sám hối, tôi nói rằng: “Kinh điển Đại thừa phải để trên trang mà thờ, chớ không có ứng dụng được, vì dạy chuyện đầu đầu, làm sao ứng dụng.” Tôi nói như vậy là thấy tôi mất lòng tin đến mức nào!

Lúc ấy tôi chỉ tin các kinh A-hàm, cụ thể và thực tế. Nên khi nằm ở Thiên Duyệt thất trên Phương Bồi, tôi soạn dịch ra những bài kinh A-hàm có đủ tính cách cần thiết để dạy cho Tăng Ni. Mỗi bộ A-hàm tôi đều trích dịch một quyển và thắm nguyện để đền ơn Thầy Tổ và đàn-na thí chủ thì mình phải dạy dỗ lại một số Tăng Ni. Tôi soạn dịch chương trình đó xong và có ý ngầm sau khi hết bệnh tôi sẽ mở lớp dạy chư Tăng. Đó là một chương trình chuyên khoa, chư Tăng chuyên học Kinh điển để sau này ra làm trụ trì hoặc làm Phật sự.

Điểm ưu thứ ba:

Đến cuối năm 1962, tôi trở về thành phố ở trong An Dưỡng Địa. Tôi cất một cái thất lá ở riêng, vì có mặc cảm bị bệnh phổi mà ở chung sợ lây bệnh cho chúng tôi nghiệp (mặc dù lúc ấy tôi đã hết bệnh).

Khi ấy Hòa thượng Giám đốc Ấn Quang và Hòa thượng Đốc giáo tức là Thầy tôi bảo: “Thanh Từ hết bệnh về Ấn Quang tiếp dạy.” Tôi thưa: “Vì bệnh con là bệnh phổi ở chung trong chúng không được tốt, hơn nữa ở Ấn Quang ồn quá. Quý Hòa thượng bảo con dạy, xin mở trường tại An Dưỡng Địa này, con mới có thể làm việc được.” Chính Hòa thượng Giám đốc đứng ra lo cất trường Huệ Nghiêm năm 1963. Tôi mới nghĩ ra chương trình chuyên khoa dạy Tăng Ni trong vòng ba năm để đền ơn Thầy Tổ và đàn-na thí chủ. Tôi mới mời Hòa thượng Bửu Huệ và Hòa thượng Thiên Tâm cùng về hợp tác mở trường chuyên khoa và chỉ nuôi ba mươi Tăng sinh. Chúng tôi vận động thì có cư sĩ ủng hộ nuôi từng vị trong vòng ba năm. Lớp học đó bây giờ còn có mặt ở đây là Phước Hảo, Thiện Phát, Nhật Quang. Tôi nghĩ rằng chúng Tăng học trong ba năm có thể hiểu vững được căn bản Phật pháp. Lúc ấy chư Ni bên Dược Sư cũng phát tâm xin mở một lớp chuyên khoa như vậy, có các vị Ni lớn dự học, lớp ấy cũng do chúng tôi chịu trách nhiệm. Như vậy chúng tôi thay phiên nhau giảng dạy một lớp Tăng ở An Dưỡng Địa và một lớp Ni ở Dược Sư, dự định ba năm là tròn bản nguyện của chúng tôi. Nhưng vừa được một năm rưỡi tức là khoảng cuối năm 1964 thì Viện Hóa Đạo cho ba trăm Tăng vào ở tại Huệ Nghiêm. Thành thử chúng tôi phải lo cai quản luôn tất cả và mở thêm các lớp phụ vừa học đời vừa học đạo. Chúng tôi lãnh trách nhiệm vừa lớp chuyên khoa và các lớp phụ cho đến năm 1966, là xong bản nguyện ba năm giảng dạy của chúng tôi.

Thế là Tam Bảo đã ưu đãi tôi rồi, phải không? Ước mơ có Tạng Kinh để mò mẫm nghiên cứu thì có Tạng Kinh. Dự định dạy ba mươi Tăng thôi, thì có thêm một lớp Ni số học chúng cũng tương đương. Sau đó lại trông coi thêm ba trăm Tăng nữa... muốn một mà thành ba thành bốn. Như vậy có phải là Tam Bảo đã ưu đãi tôi không? Muốn ít mà được nhiều.

Điểm ưu thứ tư:

Sau ba năm giảng dạy tuy biết việc ở Học viện còn bề bộn, và biết rằng Thầy tôi sẽ buồn, nhưng tôi cũng xin rút lui ra Vũng Tàu cất thất ở và đặt tên là Pháp Lạc thất. Thật ra tôi ham tu Thiền. Khi vào đạo tôi đọc lịch sử đức Phật thấy Ngài ngồi thiền dưới cội Bồ-đề và thành Phật. Còn tôi bây giờ niệm Phật hoài, buồn quá, Phật đâu có niệm Phật mà Ngài thành Phật, tại sao mình không tu giống Phật, mình không phải đệ tử Phật sao? Vì thế tôi quyết định tu Thiền. Tôi ham tu thiền mà không thầy dạy, nên tôi mò trong tạng Kinh đọc những bài nói về Thiền. Về Thiền nguyên thủy tôi còn hiểu được, về Thiền tông tôi cứ lắc đầu không hiểu nổi, các Thiền sư nói như đùa vậy, hỏi một đường đáp một ngã đâu đâu, nhiều khi còn hung hăng đánh nạt, làm nhiều chuyện quái gở không chịu nổi. Vì vậy tôi không tin Thiền tông mà chỉ ứng dụng tu theo Thiền Lục Diệu Pháp Môn, môn Thiền này gồm cả Nguyên thủy và Đại thừa do ngài Trí Khải Đại sư dạy.

Tôi thật tình ham tu Thiền mà tiến thì không tiến được vì không người chỉ bảo hướng dẫn, phải tự mò mẫm. Trong Lục Diệu Pháp Môn, đầu tiên là Sổ tức, kế đó là Tùy tức, rồi Chi, Quán, Hoàn, Tịnh. Sổ tức là đếm hơi thở, tôi làm tốt, qua Tùy tức là theo hơi thở vô ra tôi làm cũng được. Nhưng đến Chi, chi là dùng, trong đó dạy phải dùng ở trán hoặc ở đầu mũi, hoặc dùng chỗ quả tim nơi ngực, hoặc dùng ở rún. Khi tôi dùng pháp “Chi”, tôi dùng ở trán thì nhức đầu, tôi dùng ở ngực thì nghe nhói tim, tôi dùng ở rún thì buồn ngủ. Dùng chỗ nào cũng không được, thành ra tới Chi thì tôi bế tắc không làm sao tu được. Thật là khổ! Tôi quyết tu, mà chặng một chặng hai tôi bước qua được nhưng đến chặng ba thì bị bế tắc. Không biết làm sao, tôi bèn chuyển qua Ngũ Định Tâm Quán tức là năm pháp quán để dùng vọng tâm, gồm có: Quán bất tịnh, quán từ bi v.v... tôi sử dụng pháp quán thân bất tịnh, quán cho đến nó hoại ra. Sách dạy quán thân bất tịnh đến khi nào nhớ tới thân, mình cảm thấy rợn người, chịu không nổi muốn ụp mưa, là thành công quán bất tịnh. Nếu ngay đó mà tiếp tục quán nữa thì chịu không nổi, chán quá rồi có thể tự tử hoặc mượn người khác cắt cổ giùm, chớ không mang nổi cái thân ma này nữa.

Khi xưa có một lần đức Phật dạy một số Tỳ-kheo quán bất tịnh. Các ngài tu quán bất tịnh đến thuần thục, gớm thân chịu không nổi, nên mượn người khác làm ơn chặt đầu giùm, bao nhiêu y bát xin cúng dường lại. Ông đó giết giùm một lúc mấy mươi thầy Tỳ-kheo. Sau đó, đến ngày tụng giới, họp chúng lại, Phật thấy số thầy Tỳ-kheo sao thừa thớt, còn ít quá, mới hỏi lý do. Khi biết các thầy mượn người ta chặt đầu giùm, Phật mới quở: Ta dạy các ông quán bất tịnh để trị bệnh tham dục, chớ không phải quán bất tịnh để mà tự tử, như vậy là sai rồi. Phật bảo sau khi quán bất tịnh thành tựu rồi, tức là nhớ tới thân mình thì gớm đến rợn óc, thì phải trở qua quán tịnh. Pháp quán tịnh dạy: Tưởng như mình xẻ da thịt ra một lần thấy xương trắng (chớ không phải lấy dao xẻ) mình tưởng nó từ là xương trắng mờ mờ, rồi lần lần nó trắng ra cho đến chừng nào nó phát quang là thành tựu quán tịnh.

Sau khi quán bất tịnh rồi, tôi áp dụng pháp quán tịnh. Tôi tưởng xẻ da thịt ra, rồi tôi quán, sao đau đầu quá, chịu không nổi tôi ngừng. Kế tôi chẻ thêm chỗ khác và quán nữa, đầu tôi nóng và nhức, chịu không nổi. Tôi lại chẻ dưới ngực để quán, nhưng quán đến đâu thì đau đến đó, chịu không được, nên ngang đó tôi bị bế tắc. Bế tắc từ Lục Diệu Pháp Môn đến quán bất tịnh, tôi khi ấy cứ lòng vòng loanh quanh, không biết đường mà đi, tiến không được, thối cũng không xong. Đời tu của tôi cảm thấy gần như cùng đường rồi.

Tôi mới đọc qua “Tham Thiền Yếu Chỉ” của ngài Hư Vân, trong ấy có nói về Tu Thoại Đầu. Tôi liền áp dụng ngay quán thoại đầu, tôi dùng câu: “Trước khi cha mẹ chưa sanh mình là gì?” và quán mãi câu này. Ban đầu đề lên được, một hôm tôi đề, đề hoài nó không lên, tôi không biết làm sao, tiến tới cũng không được mà lui lại cũng không xong. Như vậy mới thấy đời tu mình không có thầy, không có người hướng dẫn thật là khổ vô cùng. Có thể nói gần như tôi bị tới chỗ bế tắc. Tôi chỉ mong ước làm sao biết tu Thiền, pháp Thiền nào cũng được miễn là biết tu

Thiền là được rồi. Nhưng tôi tu pháp Thiền nào cũng không xong, coi như đời tu của mình không có kết quả! Xoay qua trở lại từ pháp này sang pháp kia chạy vòng quanh mãi, nhưng tôi gan, nói tu là tu, tất cả ba tạng Kinh đều để trong tủ khoá lại không giở ra đọc cũng không coi một cái gì, chỉ còn một chuyện tu thôi, tôi cắm đầu miệt mài tu, mà sao cứ lúng túng loanh quanh mãi. Buồn quá tôi lạy sám hối và khóc với Phật: “Kiếp trước không biết con bị nghiệp chướng gì mà sao tu hành không ra gì hết!” Mỗi khi buồn là tôi lạy Phật sám hối. Tôi sám hối đơn giản lắm không có bài bản gì. Tôi quỳ xuống lạy Phật: “Con bị nghiệp chướng sâu dày nên việc tu hành thôi chuyển, xin Phật thương gia hộ cho con, có nghiệp chướng gì con xin sám hối.” Lạy Phật và khóc với Phật, trong bụng nghĩ sao tôi thật thà thua như vậy. Vì thế mà Phật thương, bất thần một đêm tôi ngồi thiền bỗng dung tự tôi sáng được lý Thiền. Khi sáng được lý Thiền thì tất cả những câu trong kinh Kim Cang hay kinh Pháp Hoa hồi xưa học tôi bị bế tắc, bỗng dung tôi hiểu hết, hiểu một cách dễ dàng như có ai dạy sẵn mình vậy. Tôi lấy làm lạ quá, tôi chưa tin tôi, tôi mới mở tạng Kinh ra đọc, đến những bộ nói về Thiền khi xưa tôi không hiểu, bây giờ đọc tới đâu tôi hiểu tới đó, hiểu một cách say sưa thích thú. Tôi mới thấy thật là chuyện bất ngờ cho nên tôi cười, cười tới ba bữa, cười hoài, cười một mình thôi. Điều mình thật khổ công tìm, tìm không ra, bây giờ bất thần tìm thấy được quá mừng nên đi đứng nằm ngồi gì tôi cũng cười, cười hoài đến ba hôm. Mở Tạng Kinh ra tôi đọc lại sử các Thiền sư tôi hiểu được ngay. Thế là Tam Bảo đã ưu đãi tôi quá rồi, nếu không thì tôi đã chết trong thất không làm được gì. Đây là một sự ưu đãi rất trọng hậu chưa bao giờ có ai được cơ hội tốt như tôi. Không thầy không bạn, mò mẫm không ra rồi ráng tu, tự nó sáng ra, hiểu được những điều mà trước kia tôi chưa từng hiểu.

Tôi thuộc người không kín đáo nên biết cái gì thì phải nói không có giấu giếm, việc này hay quá tại sao mình để nghi ngờ hoài cho uổng, mình phải nói ra cho mọi người cùng hiểu mới được. Lẽ ra tôi phải để năm năm mười năm để nuôi dưỡng thánh thai thì mới tới chỗ diệu dụng. Nhưng vì hiểu được, mừng quá nên tôi chuẩn bị mở cửa thất, rồi mở lớp dạy thiền...

Nói tóm lại đời tu của tôi gặp được nhiều ưu đãi: Ưu đãi số một là tôi vào chùa đúng chỗ, ưu đãi số hai là tôi muốn có Tạng Kinh liền được Tạng Kinh, ưu đãi số ba là tôi muốn dạy Tăng Ni để đền ơn giáo dục của Thầy Tổ thì tôi được dạy. Đến cái ưu đãi thứ tư này tôi muốn tu thiền mà không có người chỉ dạy, chỉ biết mò mẫm một mình, bỗng dung sáng đạo, như vậy nếu không phải Tam Bảo gia hộ ưu đãi tôi, thì là ai?

Từ khi tôi thấy được cái hay (ánh sáng đạo) tôi bắt đầu dịch những quyển Kinh và Sử, mà khi xưa tôi đọc tôi không hiểu gì. Dịch ra thì phải dạy, nếu chỉ đưa sách đã dịch ra cho người đọc, thì chắc không ai hiểu gì. Vì thế tôi mới tuyên bố chuẩn bị mở khoá thứ nhất dạy thiền. Tuy vậy tôi lại dè dặt, nghe người ta nói tu thiền điên, tôi chưa điên là may, nếu chỉ người khác tu mà điên thì làm sao? Tôi rất quý trọng mạng người, nếu việc làm nào của tôi không có lợi được cho người thì thôi, chớ tôi không dám làm gì hại người, đó là câu thệ nguyện của tôi ngày lúc

còn là cư sĩ chưa biết đạo. Tôi tự phát nguyện như thế này: “Đời tôi nếu không có thể làm được một viên linh đơn cứu tất cả mạng sống của người, thì ít ra cũng làm một viên thuốc bổ để cho người bớt khổ.” Có lời nguyện như vậy, nên tôi không bao giờ nỡ để cho ai khổ vì tôi, cho nên khi thấy được cái hay tôi không thể nào giấu được, không thể im lặng được nên mới mở khoá dạy tu thiền. Để ngừa việc điên có thể xảy ra, trong khoá đầu tôi chỉ chọn mười người thôi. Qua ba năm thấy không có ai điên, nên khoá thứ hai tôi mở ra ba chỗ: Chân Không, Linh Quang (ở Cát Lở - Vũng Tàu), và Bát-nhã trên núi, dành cho bên Ni. Tôi dạy một lượt ba nơi, qua ba năm trả nợ xong thì tôi nghỉ. Dạy ba nơi, ít ra cũng được sáu mươi người hiểu, họ nói thay cho mình thì tôi nghỉ. Vì vậy tôi tuyên bố dạy hết khoá hai là tôi nghỉ. Nhưng không biết đây là họa hay là phước, khoá hai bắt đầu năm 1974, đến năm 1975 mới được nửa khóa thì bất an. Mấy năm trước, khi tu trên núi thì có thí chủ lo, nay phải tự túc thì đất núi khô cằn, làm sao tự túc? Bây giờ phải làm sao? - À, phải xuống núi. Thầy trò mới dắt nhau xuống núi làm ruộng làm rẫy. Đa số trong chúng đây không biết làm đất, nên tôi phải đứng ra hướng dẫn làm ruộng làm rẫy cho có ăn. Vì hoàn cảnh đã lỡ bày ra tôi phải làm sao cho trọn vẹn đến nơi đến chốn, tôi phải ăn ở có thủy có chung cho tròn bản nguyện. Gặp việc khó khăn tôi không đành bỏ mặc, ai làm gì thì làm.

Lẽ ra tôi được nghỉ năm 1976, nhưng đến bây giờ là năm 1992, mười mấy năm qua rồi tôi vẫn cưu mang không được. Vì buông ra thì chắc rằng kẻ chạy ngược người chạy xuôi, kẻ đi Đông người đi Tây, không làm sao ngồi một chỗ để yên tu, cho nên tôi phải cưu mang. Tăng thì ở Thường Chiếu, Ni thì vào Viên Chiếu, cuộc rẫy trồng khoai. Lần lượt ngày qua ngày, việc làm thấy như là thiết thời, nhưng nhờ cực khổ nên chư Tăng Ni lúc đó có kinh nghiệm, trong việc tu hành ít có thói Bồ-đề tâm. Gần đây được nhàn hạ một chút, đa số người tu hơi lười thôi, có điều gì buồn hay khó thì muốn khăn gói ra đi. Khi trước nhờ cảnh khó nên ai nấy luyện được ý chí chịu cực chịu khổ, không có nản lòng, gặp cảnh khó không thôi tâm, gặp điều gì buồn cũng cố gắng chết sống với con đường tu của mình.

Đến khi xuống núi, tức năm 1986, tôi thăm nghĩ dạy thêm một khoá độ năm mươi Tăng rồi nghỉ là đủ trả nợ rồi. Bên Ni thì dư số đó. Khi xưa chương trình tu là ba năm, bây giờ kéo dài từ 1986 đến nay (1992) là sáu năm, thời gian gấp đôi. Vì ở trên núi học nhiều hành nhiều mà lao động ít, còn về đây thì lao động nhiều mà học ít, hành ít nên thời gian phải gấp đôi. Như vậy tôi mơ ước bên Tăng được chừng năm mươi vị, còn bên Ni nhiều lắm là một trăm, mà nay bên Tăng đến một trăm và bên Ni đến ba, bốn trăm, tôi mong muốn một mà thành hai thành ba. Thế thì nếu không phải Tam Bảo gia hộ, làm sao tôi làm được việc này.

Như vậy những điều gì tôi mong muốn, Tam Bảo đều cho tôi mãn nguyện trọn vẹn gấp mấy lần điều tôi ước muốn.

Ngoài ra trong đời tu, tôi còn những sở nguyện nhỏ nữa cũng được thành tựu. Như khi học kinh Phật và học Sử, tôi thấy hiện tại ở bên Nam tông thì Phật

giáo Tích Lan là rỗng rạc nhất và tiến bộ hơn các nước khác, ở bên Bắc tông thì Phật giáo Nhật Bản là thịnh hành và vững vàng hơn cả. Vì vậy tôi mơ ước có cơ hội được qua Ấn Độ chiêm bái những thánh tích của Phật, biết rõ nơi đức Phật sanh ra, thành đạo và nhập Niết-bàn, biết rõ không nghi để hướng dẫn Tăng Ni sau này. Và tôi mơ ước được đi Tích Lan và Nhật Bản để học hỏi những điều hay của các nước đó. Thế là đến năm 1966, tôi được đi Ấn Độ hai mươi ngày, qua Tích Lan một tuần, rồi sau đó tôi qua Nhật Bản ở được hai mươi ngày... thành thử những điều tôi ước muốn đều được toại nguyện. Nếu sau này tôi có đi viếng thêm nơi này nơi khác đó là quá ý muốn của tôi. Tôi luôn luôn được phước, muốn ít mà được nhiều. Bây giờ tôi chưa dám nghĩ sẽ đi đâu vì tôi chưa nguyện trước, đến lúc đó thì sẽ tùy duyên.

Hiện giờ quý vị có biết tôi muốn cái gì nữa hay không? Tôi không muốn gì hơn là làm Người Vô Sự. Vì thế tôi giao hết mọi việc lại cho quý vị kể từ ngày mồng hai Tết về sau. Tôi làm người vô sự, đi đâu thì đi, ở đâu thì ở, ung đi thì đi, ung về thì về, không có hẹn trước ngày nào đi ngày nào về, đột ngột bất ngờ, cho có tự do một chút. Tỉ dụ như đi từ thất đến chánh điện, có người bung cái khay đi trước, mình phải đi ngay thẳng đường lối, không dám đi quanh co, mất hết tự do. Nếu có tự do, muốn đi thì đi, muốn ghé đâu thì ghé, mệt ngồi xuống lè nghỉ, khỏe đứng dậy đi. Đó là điều tôi mơ ước hiện giờ, mơ ước được làm người vô sự thành thoi, mà tôi chưa biết làm được bao lâu. Thật là Tam Bảo đã gia hộ tôi quá nhiều. Chính ngày xưa tôi không tin được giáo lý Đại thừa, nhưng bây giờ tôi lại tin sâu hơn ai hết, tôi tin một cách chắc chắn rằng: Giáo lý Đại thừa là những hòn ngọc quý mà người ta không thấy được.

Tại sao tôi tin được giáo lý Đại thừa? Tại sao tôi tin được Thiên tông?

Sau khi nhận hiểu rồi, tôi mới cảm thông được chỗ đức Phật ngồi dưới cội bồ-đề. Trước kia Ngài đã từng đi học với những tu sĩ nổi tiếng đương thời đã chứng đạo quả. Tuy nhiên, khi học Ngài thấy chỗ sở đắc của những vị đó chưa thỏa mãn sở nguyện của Ngài, tức là chưa có giải thoát sanh tử. Vì thế Ngài bỏ đi, cuối cùng Ngài ngồi tọa thiền dưới cội bồ-đề. Tọa thiền tức là lóng lặng nội tâm, nghĩa là tâm không còn xao động, không còn dấy niệm thì mới được định. Từ khi Ngài tọa thiền được định rồi, bỗng dưng đêm mùng tám tháng chạp Ngài giác ngộ. Giác ngộ tức là thấy rõ được manh mối nào khiến con người phải đi vào đường sanh tử, và làm cách gì cắt đứt được dòng sanh tử để giải thoát, gọi là giải thoát sanh tử. Thấy rõ ràng không còn nghi ngờ, và thấy luôn cả những gì gần xa nhỏ lớn Ngài đều thấy hết biết hết. Ngài tuyên bố rằng: Ngài giác ngộ thành đạo là tự Ngài phát ra chớ không có ai dạy, cho nên Ngài nói Ngài học đạo không có thầy. Nói học đạo không thầy, thật khó hiểu quá, người ta học có thầy, tại sao Ngài học không thầy? Nhưng chính sự thật là Ngài học đạo không thầy, chỉ tâm Ngài an định rồi trí tuệ phát sáng. Từ chỗ đó tôi nhớ lại trong khi tôi đang loanh quanh lẫn lộn không ai khai sáng giùm tôi, rồi tự tôi ráng ngồi thiền, tâm tôi được phần nào yên tĩnh, tự nó sáng ra. Như vậy tôi tu có thầy không? Cũng không có thầy. Tôi mới thấy rõ chỗ đức Phật giác ngộ không thầy, mà mình bây giờ cũng tự sáng lên

được. Vì thế tôi tin được Kinh điển Đại thừa, Kinh điển Đại thừa luôn luôn nói rằng: Tất cả chúng ta đều có tánh giác, tức là Phật tánh. Tánh giác đó đang bị vô minh che phủ, nếu màn vô minh thưa mỏng thì tánh giác hiện ra. Nếu không có tánh giác thì làm sao ngộ? Nếu không có tánh giác thì làm sao bỗng dưng sáng được lẽ đó. Trong nhà Thiền gọi đó là Vô sư trí, tức là trí không có thầy. Hiểu được Vô sư trí hay là Tánh giác rồi thì thấy tất cả Kinh điển Đại thừa đều chỉ cái đó, bao nhiêu Kinh điển Đại thừa cũng đều xoay quanh trọng tâm đó. Cho nên trong kinh thường nói: nhất thật tướng ấn, tức là chỉ có tâm thể chân thật là duy nhất, như trong kinh Pháp Hoa nói: Chỉ có một Phật thừa, nếu nói có hai có ba là không đúng. Thế nên nếu chúng ta nhận được lẽ đó rồi thì đọc bao nhiêu Kinh điển Đại thừa chúng ta đều thấy trùng hợp không sai khác. Rồi từ đó tôi mới tin sâu Kinh điển Đại thừa và tôi thấy thật là hay đáo để, tôi mới đem Kinh điển Đại thừa ra giảng dạy. Thật ra khi xưa tôi học tôi không tin, thì làm sao tôi hiểu, nếu hiểu được tức tôi đã tin rồi.

Như vậy kinh Đại thừa tôi không hiểu, thiền tôi cũng không biết nhưng tôi cố gắng tu cố gắng học, rồi tự nó sáng ra được, hiểu được kinh, biết được thiền, tất cả đều do tâm yên tịnh rồi nó phát ra. Nếu không có trí vô sư làm gì có được điều đó. Như vậy chúng ta mới hiểu được đức Phật ngồi yên tịnh, Ngài giác ngộ. Hiểu được điều đó rồi thì mọi việc chung quanh mình hiểu hết không còn nghi ngờ.

Giáo lý Đại thừa ngày xưa không hiểu mà ngày nay chúng tôi hiểu được, cũng không phải là do thầy dạy. Nếu thầy dạy thì khi xưa tôi hiểu tôi tin rồi, mà khi xưa tôi không tin, tức là thầy dạy cũng dạy vắn tự thôi, còn chỗ thật tôi cũng chưa nhận được. Sau này qua kinh nghiệm bản thân, qua cái thấy được, cái nhận được nơi mình, tôi mới tin được Kinh điển Đại thừa. Qua kinh nghiệm bản thân tôi mới tin đức Phật ngồi dưới cội bồ-đề thành Phật. Tôi tin được điều đó thật là rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa. Cho nên sau này tôi giảng kinh tôi cười hoài vì tôi thấy hay quá, thật là thích thú. Khi xưa tôi có làm bài thơ “Người Mù”, (rất tiếc là tôi đã quên) tả hoàn cảnh người quờ quạng đụng tấm vách này, đụng tấm vách kia, u đầu xê trán mà không biết đường ra, vì không thấy đường. Khi mình thấy được rồi, thật là mừng, mới thấy Phật pháp thật là hay đáo để và chúng ta là đại phước đức mới được ở trong nhà Phật pháp. Những điều Phật nói là một lẽ thật, không có chỗ nào là không thật, nhưng vì mình không biết nên mới nghi ngờ. Thí dụ kinh nói: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thì quý vị có nghi ngờ không? Mình thấy Phật tánh bao giờ đâu, nói mình có mà mình không thấy cũng như không có. Nhưng khi có tu rồi, chúng ta mới thấy rõ ràng mình có, cho nên mới phát ra, nếu không có làm sao phát ra? Thế rồi tôi tin lời Phật nói tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật. Tại sao tôi dám khẳng định như vậy? Vì đức Phật cũng là chúng sanh.

Khi xưa tôi học Kinh điển Đại thừa nói đức Phật mười chín tuổi xuất gia tôi chấp nhận. Kinh Nguyên thủy nói đức Phật hai mươi chín tuổi xuất gia tôi không đồng ý, vì sao? Vì Ngài ở trong cung lâu quá, hưởng dục lạc rất nhiều, thấy Ngài sao tầm thường quá mà đi xuất gia mau thành Phật, nên tôi không chấp nhận.

Nhưng bây giờ tôi lại khen Ngài. Hai mươi chín tuổi xuất gia tức là hợp lý, Ngài có đến mấy người con. Tại sao tôi khen Ngài? Vì Ngài là con người, khi còn ở trong cảnh thế gian Ngài cũng như mọi người thế gian không hơn không kém, Ngài cũng hưởng dục lạc, có nhiều vợ có nhiều con. Mới nhìn qua thấy Ngài sống hết sức là tầm thường. Nhưng chính từ cái tầm thường đó Ngài tu Ngài giác ngộ. Từ một con người rất là bình thường như chúng ta, Ngài giác ngộ và thành Phật, cũng như mầm sen ở dưới bùn, trôi lên thành một đóa hoa nên luôn luôn để Ngài ngự trên tòa sen là hết sức hợp lý. Từ một con người như chúng ta, Ngài tu thành Phật thì chúng ta hiện giờ cũng là những con người tầm thường nếu chúng ta ráng tu như Ngài thì nhất định cũng thành. Nếu đức Phật từ trên trời rơi xuống, thanh tịnh sáng suốt hơn tất cả thiên hạ, thì chúng ta mới vô phần.

Đức Phật là con người ban đầu rất là bình thường, nhưng vì có Phật tánh, Ngài khéo dẹp trừ vô minh để Phật tánh sáng ra thì Ngài thành Phật. Chúng ta cũng có Phật tánh, tuy ở trong cảnh phàm tục, nhưng nếu biết tu thì chúng ta cũng giác ngộ, điều đó không nghi ngờ. Vì chúng ta có sẵn tánh giác nên khai trúng chỗ thì nó phát sáng ra. Nếu không có sẵn tánh giác, khai mấy cũng không sáng nổi. Vì có sẵn tánh giác, nên ai khéo tu thì cũng có thể giác ngộ được; nhìn lại Kinh điển Đại thừa, tôi thấy điều này rất là rõ ràng.

Tuy nhiên trong kinh A-hàm đức Phật nói rằng ngài Đề-bà-đạt-đa không có một chút thiện cho nên nhất định phải đọa địa ngục. Rồi sau này tôi cũng đọc kinh A-hàm trong một bài đức Phật nói rằng: Đề-bà-đạt-đa tuy bây giờ đọa địa ngục nhưng sau này sẽ hết nghiệp chướng, được tu, rồi cũng sẽ được chứng quả thành Phật. Thế nên chúng ta thấy một người làm tội lỗi tuy rằng hiện tại rất khổ, nhưng vì có sẵn hạt giống lành nên sau khi trả hết nghiệp, cũng có duyên trở lại tu, rồi sẽ thành Phật. Vì vậy bây giờ tôi cười mở hơn khi xưa nhiều. Khi xưa ai tu nửa chừng rồi ra đời, tôi ghét lắm vì không làm đến nơi đến chốn uổng một đời tu. Nhưng bây giờ tôi lại cảm thông, vì khi ra đời trả hết nghiệp, họ trở lại tu nữa, rồi có ngày cũng thành Phật, tuy hơi muộn hơi lâu một chút. Chỉ cần cho họ tu, họ cần xuất gia thọ giới thì cho xuất gia thọ giới. Nếu bị trần duyên trói buộc thì họ trở lại đời. Nếu giấy giụa thoát khỏi thì họ trở lại tu. Hạt giống gieo rồi thì không có mất, Phật dạy rất rõ như vậy.

Qua những điều tôi vừa kể, quý vị thấy những ước nguyện của tôi đều thành tựu mà thành gấp bội phần. Như vậy Tam Bảo đã gia hộ và ưu đãi tôi tối đa. Tôi tin sâu rằng Tam Bảo không bao giờ bỏ những người quyết chí tu hành. Tôi thường nói với chư Tăng: Chỉ sợ không tu chớ đừng lo Tam Bảo không gia hộ mình. Trong kinh thường nói: Chúng sanh bỏ Phật, chớ Phật không bỏ chúng sanh. Vì chúng ta không chịu tu nên bỏ Phật, chớ Phật không lúc nào bỏ chúng ta. Chúng ta tin sâu Tam Bảo, rồi tất cả Phật sự sẽ được viên mãn. Những người không có lòng tin mới bị Tam Bảo bỏ rơi. Chữ “tin” ở đây là do mình nhận chân được lẽ thật rồi mình tin, chớ không phải tin bằng cách cúng lạy rồi Tam Bảo gia hộ. Chúng ta có nhiệt tình đối với đạo, chúng ta có nhiệt tình trên đường tu hành thì chúng ta sẽ được Tam Bảo gia hộ chớ không có bỏ sót.

Đến những cái khó của tôi trong khi làm Phật sự.

Khóa thứ nhất ở Chân Không chúng tôi có được mười Tăng sinh, con số khiêm nhường như vậy tưởng đâu dạy trọn ba năm ít ra cũng được đủ mười người. Không ngờ dạy mới có ba tháng thì có ba vị: Thiện Ân, Thiện Năng và Thông Lạc rủ nhau ra đi. Rồi đến Đắc Huyền cũng bắt chước chạy theo. Khóa học mười người mới có ba tháng mà rút đi hết bốn người, nếu không có can đảm thì cũng mất tinh thần nhiều lắm. Tuy nhiên tôi đã học được ở Hòa thượng Viện trưởng Thầy tôi, Ngài nói: Tôi dạy lớp học ba mươi, bốn mươi người, dù lớp học còn một, hai người, tôi cũng dạy. Theo gương đó, tôi nói còn mấy chú tôi dạy mấy chú, nhất định mãn ba năm mới thôi. Kế một, hai tuần sau Đắc Huyền trở về sám hối, đến Thiện Năng vài ba tháng sau cũng về sám hối. Bốn người ra đi thì hai người trở về, còn hai người thì đi luôn, một người về Trảng Bàng tu, một người thì ra đời có hai, ba đứa con. Quý vị thấy làm Phật sự đâu phải lúc nào cũng đều như nguyện, có những trục trặc mà mình phải lập chí, phải cương quyết làm đến nơi cho tròn.

Khóa học thứ hai thì có những khó khăn ở nội bộ. Cuộc sống đang lĩnh kinh bất ổn, Tăng Ni sinh phải lo tụt tụt thì Định Huệ bất thần kiếm chuyện rút lui làm rộn cho tôi. Đến chuyện chót này, năm ngoài đây Như Thủy làm rối ren một lúc. Như vậy cái gì thành công đâu phải có một chiều, có những trục trặc bên trong chớ không phải lúc nào cũng xuôi thuận. Đó là ba chặng khó trong nội bộ mà tôi phải trải qua.

Song chủ trương của tôi là định làm việc gì thì phải làm đến nơi đến chốn, khi nào xong mới thôi. Gặp khó khăn tôi lại cương quyết phải duy trì, tôi phải trải thân ra lo. Khi nào thấy dễ tôi mới buông, buông mà vẫn tu được, tôi không ngại, tôi dám buông. Vì vậy mà qua những cái khó.

Còn có cái khó của ngoại cảnh. Thiền viện ở trên núi nhờ quý Phật tử ủng hộ nên Tăng sinh làm công tác mỗi ngày hai tiếng đồng hồ tượng trưng thôi cho có sức khỏe, chớ không đặt thành vấn đề tụt tụt. Trong bản Thanh qui ban đầu, tôi nói chủ trương của chúng tôi là nhờ Phật tử giúp đỡ để cho Tăng Ni tu hành chớ không có làm kinh tế tụt tụt. Nhưng rồi hoàn cảnh đổi thay, tức nhiên Thanh qui cũng phải đổi thay. Tăng Ni không thể trông cậy vào Phật tử nữa, mà phải chuyển qua tự túc, đó là vấn đề cay đắng chớ không phải đơn giản. Làm sao nuôi dưỡng được tinh thần hăng hái tu, hăng hái lao động của Tăng Ni? Cho nên lúc đó tôi mới cho họ dùng những bài ca bài hát ở ngoài đồng để họ đỡ buồn, nếu bắt làm việc cực quá chai tay rồi ai cũng chán. Vì vậy có nhiều người nói tôi sao dễ quá, Thiền viện gì mà ca hát om sòm. Nếu bắt Tăng Ni đi cuốc cả ngày mà không cho vui một chút thì làm sao làm nổi, nhưng ca hát những bài đạo lý chớ không phải nói việc tầm thường thế gian. Bây giờ thì tôi cấm ca hát, vì hiện nay phương tiện sống cũng tương đối đủ, Tăng Ni làm cũng vừa phải, không có cực lắm thì đâu cần vui, vừa làm vừa tu trong yên lặng, đâu cần gì phải ca hát.

Đời tu của tôi có những cái dễ nhưng cũng gặp những cái khó. Trong cái khó thật ra tôi không tính toán cũng không suy nghĩ phải làm sao, tôi chỉ âm thầm

xin Tam Bảo gia hộ. Ai làm gì nói gì, tôi cứ lặng thinh mà chịu chờ Tam Bảo gia hộ, rồi cái tốt đẹp sẽ đến, tôi không có phản ứng để chống chọi gì hết. Điều quan trọng của người tu không phải ở chỗ khôn lanh xảo trá, mà ở chỗ chân thật biết tu. Chúng ta khôn trong đạo đức chớ không nên khôn trong mưu mẹo thế gian. Thế nên tôi mong rằng tất cả quý vị cố gắng tập làm sao giữ được tư cách một người tu là một người chân thật. Trong kinh Duy-ma-cật có câu: “trực tâm thị đạo tràng” nghĩa là tâm ngay thẳng là đạo tràng. Đừng nghĩ rằng mình phải dùng nhiều xảo thuật để có phương tiện, có tiền, hay để thu hút nhân tâm, chỉ cần mình chân thành đối với tất cả Tăng Ni và Phật tử. Tôi thường nói với lòng chân thành: “Tôi là kẻ nợ của Tăng Ni, nhưng ai đòi thì tôi trả, ai chưa đòi thì tôi hẹn.” Bởi sức mình hữu hạn, trả nợ một lượt không kham, ai đòi sớm thì trả sớm, ai chưa đòi thì để dành đó sẽ trả sau. Tôi thấy tôi là kẻ nợ, chớ không phải là người ban ơn ban phúc cho ai hết. Mặc nợ, bần phận tôi phải trả, tôi không nghĩ tôi ban ơn cho người này, giúp đỡ người kia rồi bắt họ nhớ ơn tôi. Tôi nói như vậy với tất cả lòng chân thành của tôi. Và nhân lòng chân thành đó Tăng Ni cảm thông và thương mến tôi, chớ tôi không có xảo thuật riêng để thu hút người. Ai tới cũng vậy, đạo lý thế nào tôi nói thế ấy, không có ý riêng tư hoặc dễ dàng riêng ai.

Thành thật mà nói, tôi là một người khó. Vì sao? Vì tôi đặt trách nhiệm cho tôi quá nặng. Tôi làm hàng rào phía sau Thiền viện, có nhiều vị mỉa mai nói: tôi giữ mấy ông thầy còn hơn là giữ con gái nữa. Tôi đặt trạm phía trước tại nhà khách, có thầy Tri khách trông coi, nếu có ai đi ra thì báo cáo. Ở phía sau có cửa hậu để ra ruộng, cửa có chìa khóa do Trụ trì hay Tri sự giữ không cho lợi lỏng. Chung quanh chùa một bên có rào, một bên có các bà xuất gia lớn tuổi, nếu có ai trong Thiền viện đi lông bông bị các bà báo cáo. Như vậy tôi bố trí đâu đó nghiêm mật, nếu có điều gì tôi liền biết không giấu giếm tôi được.

Tại sao tôi phải khó? Tại vì tôi ở nhiều chùa, nhiều trường Phật học, tôi thấy, tôi biết. Có nhiều người phát tâm tu rất tốt, nhưng khi vào chùa gặp hoàn cảnh không thuận lợi, họ nhiễm lần lần rồi trở thành xấu! Lỗi đó tại ai? Có phải tại người hướng dẫn không khéo bảo hộ để cho họ phải thối tâm? Vì vậy tôi đặt trách nhiệm là tôi phải bảo hộ, nếu ai còn ở với tôi ngày nào là tôi phải bảo hộ họ ngày ấy. Dù tu không được giải thoát ngay trong hiện tại, ít ra họ cũng là một vị Tăng thanh tịnh có đức hạnh, đó là bần phận của tôi. Khi nào họ ra ngoài tầm tay tôi thì tôi hết bần phận. Thành ra có nhiều vị ở đây cũng hơi buồn, sao mà đi đâu cũng bị rầy hoài! Cái khó của tôi là do trách nhiệm, do bần phận của tôi phải làm như vậy. Nếu quý vị ra khỏi đây rồi thôi, làm gì thì làm tôi không có nói gì hết, vì nó quá tầm tay của tôi.

Chư Tăng ở đây giả sử như tu không có tiền một trăm phần trăm như ý mình muốn, chỉ được chừng hai mươi, ba mươi phần trăm thôi, tôi cũng bảo đảm rằng mấy chú cũng sẽ là Tăng sĩ tốt xứng đáng. Nếu các chú bỏ đây ra đi thì có thể tưởng tượng rằng mình sẽ được một trăm phần trăm, nhưng thật ra tôi chưa dám tin điều đó, có thể được mà cũng có thể sẩy chân bất cứ lúc nào, vì bên ngoài trơn trượt lắm, có đủ điều kiện để cho mình sẩy chân. Vì thế ở đây có ai xin đi, nếu tôi

khuyên đừng đi thì ngại người khác hiểu lầm rằng tôi lợi dụng giữ chúng cho đông để Phật tử cúng dường nhiều, nên ai xin đi thì tôi sẵn sàng cho, nhưng đến thì khó. Vì sao tôi lại đặt như vậy? Vì tôi cảm thông với đức Phật. Khi Phật nói kinh Pháp Hoa, rồi có năm trăm vị Tỳ-kheo thối tịch, Phật bảo: Thôi hột lép gió bay, còn lại hột chắc. Có chỗ khác Phật nói: “Thà một ngày hoàn tục cả năm trăm vị Tăng, còn hơn là ở trong đạo mà phá giới.” Như vậy Phật chấp nhận cho ra đời chớ không muốn mình ở trong đạo mà hư hỏng. Cũng thế những vị đến với tôi thì rất khó, phải có điều kiện tôi mới nhận, nhưng khi không muốn ở thì tôi sẵn sàng cho đi chớ không có năn nỉ. Có nhiều chú từ bi hơn tôi, thấy huynh đệ muốn đi thì theo khuyên lơn, còn tôi thì gật đầu cho đi. Như vậy người lớn từ bi hơn hay người nhỏ từ bi hơn? Mới nhìn hình như người nhỏ từ bi hơn vì năn nỉ khuyên lơn đừng đi. Còn tôi khi thấy một người không muốn ở, mình cố khuyên, họ có ở lại cũng không được vui, nếu họ làm điều gì sai mình rầy, họ nói:

“tôi không muốn ở, tại quý vị xúi giục hay bắt buộc tôi ở”, cho nên mình rầy không được. Còn người phát nguyện ở để tu thì mình có bốn phận bảo vệ họ kỳ cùng đến nơi đến chốn.

Như vậy quý vị mới thấy người lớn là người mang một trọng trách nặng nề đối với người nhỏ, trọng trách đó mình tự thấy tự đặt ra chớ không có ai bắt buộc. Tự tôi thấy mình đã tu thì mình phải lo cho những người tu, mình đã biết thì phải giúp cho những người chưa biết, mình thấy cái hay thì nói cho người ta cùng thấy. Như vậy trên đường đạo chúng ta cùng đi dắt nhau, chớ không thể âm thầm hưởng cái vui riêng mà không chia sẻ cho người. Lập trường của tôi là rõ ràng như vậy, nghĩa là muốn làm sao cho tất cả đều được an ổn vui tươi.

Đức Phật là bậc Đạo sư tức là người thầy dẫn đường, biết đường và đi trước, chớ không bao giờ thầy dẫn đường lại đi sau. Bây giờ quý vị cảm thông cho tôi, khi còn ở trên Chân Không, tôi hứa dạy xong khóa thứ nhì từ năm 1974 đến năm 1976, thì tôi sẽ nghỉ để chuyên tu, vì tôi thấy nhưng tôi chưa hành đến nơi đến chốn. Tôi định nghỉ để tôi hành. Nhưng duyên không cho phép tôi nghỉ, nên tôi tiếp tục dạy cho đến ngày nay, thì trên đầu tôi không còn sợi tóc đen nào, lại thêm bệnh hoạn. Như vậy ngang đây tôi nghỉ có vừa chưa? - Vừa quá rồi! Tôi nghỉ không phải để nhàn hạ thanh thoi, mà chính là để làm việc khác. Tôi nghỉ việc giảng dạy giáo hóa Tăng Ni bằng ngôn ngữ văn tự, nhưng tôi phải làm những việc bằng hành động và tư cách. Những ngày nghỉ của tôi là những ngày chuyên tu, tôi phải cắm đầu làm việc đó để ít ra khi nhắm mắt tôi được tự chủ năm bảy mươi phần trăm, nếu chưa được hoàn toàn. Tôi không thể chỉ nói cho hay rồi tự mãn, mà phải làm cho được những gì tôi nói. Đó là trách nhiệm của người dẫn đường, dẫn đường là phải đi trước. Tôi khuyên quý vị tu mà tôi không tu thì làm sao? Những gì tôi thấy tôi đã nói hết để quý vị ứng dụng tu. Bây giờ tôi phải thực hành được, để thấy rằng những điều tôi nói là lẽ thật, nếu quý vị ứng dụng như vậy thì sẽ có lợi ích lớn. Đây là điều thiết yếu chúng tôi cần phải nêu lên cho quý vị thấy rõ.

Trên đường tu thời gian rất là quý báu, nếu tôi còn sống thêm năm bảy năm nữa, thời gian đó tôi ứng dụng thực hành. Khi chưa thấy đường thì công phu mình đi cứ loanh quanh lẫn quẩn vì không biết đâu là mục đích. Nếu thấy đường rồi thì công phu của mình dù không tới đích ít ra cũng tiến được khá dài. Thế nên khi tôi buông mọi việc coi như tôi thành thoi, nhưng thật ra muốn làm người vô sự không phải là dễ, làm người đa sự thấy khó mà dễ, làm người vô sự mới thật là khó. Vì vậy tôi mong rằng thời gian tôi làm người vô sự, quý vị đừng mang những điều đa sự đến thưa kiện khiếu nại hay than van: Từ ngày Thầy đi, Thiền viện chúng con bơ vơ đói thiếu v.v... Quý vị phải gan dạ chịu đựng để cho tôi được vô sự, thì có lợi cho tôi mà cũng có lợi cho quý vị, đừng níu kéo làm mất thì giờ của tôi vô ích. Tôi buông là buông dứt khoát chớ không có buông nửa chừng, níu kéo tôi chỉ thêm nhọc nhằn thôi, không có lợi gì cho cả hai bên. Đó là ý tôi muốn nhắc nhở trong đêm hôm nay.

Đây là buổi Tất niên chót tôi dự tại Thiền viện Thường Chiếu. Từ đây về sau tôi không có dự nữa, dù có mặt ở đây tôi cũng im lặng, vô sự mà! Tôi chỉ mong sao thời gian làm người vô sự của tôi kéo dài một chút để tôi đủ thời giờ làm được kha khá. Trước khi im lặng, tôi mong rằng tất cả quý vị biết rõ ý và việc làm của tôi từ thủy chí chung như thế nào, quý vị rút kinh nghiệm và cảm thông để cho tôi được yên mà làm một việc rất cần thiết cho đời tu của tôi.

Khi trao gánh nặng lại cho quý vị lãnh đạo các Thiền viện, điều mong mỏi duy nhất của tôi là tất cả chúng ta đều thành thật lo cho Phật pháp, và chân thành thương những người sau chúng ta, đặt mình là kẻ có trách nhiệm có bổn phận chớ không phải mình là người ban ơn ban phúc. Nếu có ai không nghĩ nhớ tới mình thì thôi, biết ơn hay không cũng được. Họ đi ngang mình không chào cũng thôi, không nên bắt lỗi làm chi, cứ làm hết bổn phận mình là vui. Vì là người mang nợ, mình trả được nợ là khoẻ thôi, trả xong nợ là yên lòng mình. Mong rằng quý vị hiệu chủ trương này của tôi, và phải nhớ rõ khi làm Phật sự gặp lúc khó khăn chính là lúc mình phải giữ vững trách nhiệm. Khi nào dễ, có người thay mình được khi ấy mới buông. Đừng thấy khó rồi quăng đi, đó là người vô trách nhiệm. Hãy chân thành lo cho đạo, quyết chí tu thì khó cũng thành dễ, phải có thiện tâm thiện chí tối đa thì mọi việc đều tốt đẹp.

Những điều hay dở trong cuộc sống của tôi, tôi đã kể ra cho quý vị nghe, mong rằng tất cả hãy cố gắng thực hiện được những điều hay và lợi ích với tinh thần trách nhiệm và lòng chân thành lo cho đạo pháp.



HÒN NGỌC QUÍ TRONG NÚI LỬA

TẾT NHÂM THÂN (1992)

(Tăng Ni)

Ngày đầu Xuân tất cả Tăng Ni và Phật tử về đây để chúc mừng năm mới, nhân đây chúng tôi nhắc nhở đôi lời để quý vị có đủ tư lương tiến tu trên đường giải thoát.

Đầu Xuân trong đạo cũng như ngoài đời, chúng ta đều đến chúc mừng những vị lớn tuổi được thêm một tuổi thọ. Quý vị đến mừng tuổi, song tôi lại có cái buồn, mừng thêm một tuổi, nhưng buồn giảm mạng sống hết một năm. Mỗi năm tuổi thọ tăng thêm, nhưng mạng sống chúng ta lại giảm, cứ như thế mà giảm dần cho đến một ngày nào hết chúc thọ nữa, thì chừng đó tới ngày húy kỵ, nhắc đến ngày ấy là sợ, là buồn. Như thế tất cả người đi trước, người theo sau, và những người sau này ai ai cũng đều lũ lượt đi trên con đường mỗi ngày mỗi giảm mạng sống. Vì thế người học đạo phải nhận thức đúng ý nghĩa thời gian, thì chúng ta sống mới có giá trị.

Ý nghĩa thời gian là thế nào?

Thời gian trôi qua không dừng một chỗ. Thời gian trôi, vô thường đuổi gáp, vô thường tức là hoại diệt. Vì vậy mỗi một năm qua vô thường hoại diệt đang hoành hành tàn phá thân chúng ta làm cho thân phải mòn mỏi hư hao rồi hủy diệt. Chính vì thế đức Phật dùng chữ “Con Quỷ Vô Thường”. Vô thường là con quỷ, nó phá hoại, không để chúng ta được an ổn. Song thời gian cũng rất quý giá, nó cho chúng ta làm được những việc lợi ích cho mình và cho người.

Tóm lại khi nói tới thời gian, chúng ta phải nhớ hai đặc điểm:

-Đặc điểm thứ nhất:

Thời gian qua rồi không trở lại. Thế nên ngày nào còn được khỏe mạnh, ngày nào còn khả năng làm được nhiều điều lợi ích, thì chúng ta phải tận dụng hết khả năng của mình, đừng để thời gian trôi qua rồi tìm lại không được; cũng đừng để chúng ta trở thành một con người vô ích tuy có mặt trong xã hội mà chỉ là một vật thừa, thật uổng cho thời gian quý báu của một đời người.

-Đặc điểm thứ hai:

Thời gian là những nhát búa, là những ngọn lửa thiêu đốt, phá hoại thân thể chúng ta. Nó thật là đáng sợ, không cho chúng ta an ổn. Chúng ta phải ráng làm sao đừng để thời gian chi phối đời chúng ta, rồi chúng ta trở thành cát bụi vô ích. Nhất là tuổi già từ năm mươi sáu mươi về sau, chúng ta cảm thấy đã yếu mòn đi rất nhiều, nên mỗi ngày qua là mỗi ngày khổ thôi, chớ có vui gì!

Biết rõ được ý nghĩa thời gian chúng ta phải làm sao? Chẳng lẽ để thời gian thiêu đốt mình đến bại hoại không còn gì nữa. Nếu chỉ biết thân bị vô thường thiêu đốt là chủ yếu, là thật thì rất uổng cho một đời. Có mặt rồi trở về không, thật là giá

trị không ra gì. Vì vậy người tu khi biết thời gian làm tiêu mòn con người, chúng ta phải làm sao tìm ra trong cái tiêu mòn đó một cái gì mãi mãi không tiêu mòn. Dù thời gian có hủy hoại thân này, chúng ta cũng cảm thấy không buồn, không sợ. Vì sao? Vì trong cái bại hoại, có cái không bại hoại, trong cái tiêu tan mất mát có cái không tiêu tan mất mát. Nói một cách khác là còn có cái trường cửu, bất sanh bất diệt. Được vậy đối với thời gian chúng ta không còn sợ nữa. Con quỷ vô thường chỉ có thể phá hoại được thân xác giả tạm thôi, chứ không thể nào sờ mó đến cái chân thật của chúng ta. Người biết tu là tìm tới cái chân thật đó, rồi mới thấy cuộc đời mấy mươi năm chỉ là tạm bợ giả dối. Thấy được cái thật rồi, chúng ta không còn lo âu sợ hãi trước những biến hoại của luật vô thường.

Một Thiền sư Việt Nam đời Lý, ngài Ngô Ấn có diễn tả điều đó qua hai câu thơ:

Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận
Liên phát lô trung thấp vị càn.

Dịch:

Tươi nhuận sắc ngọc trong núi cháy
Lò lửa hoa sen nở thật xinh.

Hòn ngọc trên ngọn núi cháy sắc vẫn tươi nhuận. Đóa hoa sen nở trong lò lửa vẫn thắm tươi.

Qua hai câu thơ, Ngài muốn diễn tả điều gì?

Hình ảnh thứ nhất: Trong cái vô thường hoại diệt, có cái chưa từng bị hoại diệt, giống như hòn ngọc quý trong ngọn núi cháy hùng hực mà vẫn tươi nhuận. Lửa cháy trên ngọn núi là dụ cho lửa vô thường thiêu đốt ngọn núi ngũ uẩn. Trên thân ngũ uẩn bị vô thường thiêu đốt, chúng ta có một hòn ngọc quý đẹp đẽ không đổi thay màu sắc. Chúng ta không mắc kẹt trong ngọn núi ngũ uẩn và không chịu thua ngọn lửa vô thường là vì chúng ta có được hòn ngọc quý.

Hình ảnh thứ hai: Trong lò lửa cháy rực, có một đóa hoa sen mọc lên, nở tròn, sắc hương thanh khiết. Trong lò lửa làm gì có hoa sen mọc? Đây để diễn tả: Chính trong thân bị lửa vô thường thiêu đốt từng giây từng phút, lại có cái chân thường nằm sẵn trong đó, không bị tắt cả cái vô thường động đến được. Một đóa sen nở trong lò lửa là chuyện phi thường mà thế gian không bao giờ tưởng tượng được. Thế nhưng tất cả chúng ta ai ai cũng có đóa hoa sen đó. Biết sống với nó, thì chúng ta hết sợ lò lửa vô thường. Cũng như khi nắm được hòn ngọc quý trong núi cháy rực, thì chúng ta hết sợ ngọn lửa cháy rực đó, chúng ta vẫn tươi cười vì nó không làm gì được hòn ngọc quý của chúng ta.

Điều chúng tôi muốn nói với tất cả quý vị: Tuy thời gian là vô thường, biến đổi, thân này cũng bại hoại theo cái vô thường biến đổi của thời gian, nhưng trong thân bại hoại này vẫn còn có cái không bại hoại, trong thân vô thường này vẫn còn có cái Chân Thường Vĩnh Cửu. Cho nên chúng ta phải khéo, phải sáng suốt tìm

cho ra, thấy cho được cái chân thường vĩnh cửu ấy. Được vậy chúng ta mới an nhiên tự tại, mới hằng được vui tươi không bao giờ có những niềm buồn khổ khi thấy thân bệnh hoạn, chết chóc. Chúng ta vẫn cười mãi, vì tất cả vô thường là trò ảo mộng, không đáng để chúng ta bận tâm.

Chúng ta còn có cái chân thật đang hiện hữu và mãi mãi hiện hữu, đó mới thật là Mùa Xuân Miên Viễn. Ngày nào cũng là xuân, tám mươi tuổi cũng thấy xuân, ngày mai thân hoại cũng vẫn thấy xuân. Nếu chỉ biết xuân là lúc hoa nở, khí trời ấm áp, gió phương đông thổi về, mọi người vui vẻ, thì khi hết xuân, qua hạ nóng bức, đến đông lạnh lẽo, chúng ta sẽ buồn khổ chớ không an ổn. Nếu tìm được cái chân thật, không đổi dời, thì chúng ta không bao giờ còn có gì đáng buồn đáng sợ trên cuộc đời này nữa.

Tuy chưa hoàn toàn sống được mùa xuân ấy, nhưng tôi tự hứa: Tôi sẽ là người sống được mùa xuân miên viễn đó. Tôi hy vọng rằng ngày mai thân tôi có hoại đi tôi vẫn cười, vì tôi còn có mùa xuân mãi mãi không hoại. Nếu không thì khi thân hoại chúng ta sẽ khổ đau, vì không biết chúng ta sẽ mang thân nào khác! Nếu biết thân này chỉ là giả tướng tạm bợ hợp rồi tan, còn cái chân thật kia chưa bao giờ hợp cũng chưa bao giờ tan, thì chúng ta sẽ yên lòng sống trong mọi hoàn cảnh, yên lòng trong tất cả thời gian tuổi thọ ngắn dài của chúng ta.

Được diễm phúc bước vào con đường đạo, chúng ta phải đi tìm mùa xuân miên viễn ấy, chớ không phải vào đạo để được những tạm bợ thế gian. Nào là chùa to, Phật lớn, chúng đông, tất cả đều bị lửa vô thường đốt hết. Chỉ có một cái không bị đốt đó là cái chân thật của mình. Sự thành công của người tu không phải là cất được một trăm ngôi chùa, không phải là giáo hóa mấy ngàn đệ tử, mà sự thành công của chúng ta là tìm được mùa xuân miên viễn. Đời người tu chúng ta là một đời tự tại, an vui trong cái khổ đau vô thường. Được như thế mới gọi là phi thường, mới gọi là giải thoát.

Chúng ta giải thoát cái gì?

Giải thoát được vô thường sanh tử. Nếu không được cái chân thường vĩnh cửu thì chúng ta không bao giờ được giải thoát. Vì hiểu được điều này nên tôi mong rằng: Tăng Ni và Phật tử, quý vị ráng nhìn cho kỹ, thấy cho sâu chỗ chân thật này mà tôi đã qua bao nhiêu năm cố gắng chỉ cho quý vị. Thật ra tôi đã đem hết tâm can để nói lên lẽ thật đó. Quý vị chịu khó đọc tới đọc lui, nghe đi nghe lại những lời nhắc nhở của chúng tôi, thì quý vị thấy được cái miên viễn đó, và sẽ được tự tại trong cuộc đời vô thường biến hoại này. Bằng không thì quý vị tu chỉ được cái nhân lành rồi cũng bị vô thường, nhưng vô thường trong cái tốt một chút vậy thôi. Thí dụ như một khúc gỗ mục mỗi ngày qua mỗi rã nát và một cái nhà sang trọng mỗi ngày qua mỗi cũ dần. Hai cái đó tuy giá trị khác nhau nhưng rốt cuộc rồi cũng đi tới bại hoại, chỉ có hoại trước, hoại sau mà thôi. Cái nhà đẹp rồi cũng bị cũ hư từ từ, chớ không phải là cái đẹp miên viễn. Thế nên chúng ta làm sao đừng kẹt trong cái vô thường, dù nó đẹp đến đâu, chúng ta cũng không thích, không vui. Chúng ta chỉ vui thật sự khi thoát khỏi luật vô thường.

Song tâm con người lại thích cái vô thường đẹp. Cho nên năm cũ gần tàn lại mong năm mới, rồi năm này hơi chán lại mong năm tới, chỉ mong cái mới tốt hơn cái cũ, mà không ngờ mong mãi rồi đến cái bại hoại. Vì thế người học đạo phải sáng suốt, không mong năm mới tốt hơn năm cũ mà chỉ mong thoát khỏi vô thường. Chính khi đó thì tất cả ngày, tháng, năm đều là một mùa xuân. Bằng không thì thiếu gì người ngày xuân vẫn khóc, đâu phải ngày xuân là đẹp là vui hết đâu. Thiếu gì người ngày mùa đông âm đạm mà vẫn cười. Đây không phải là luật chung mà là việc riêng của mỗi người chúng ta. Nhưng dù khóc dù cười ở mùa xuân hay mùa đông cũng đều không có giá trị gì. Ở tất cả mùa chúng ta vẫn cười luôn, đó mới là chân giá trị.

Chúng ta cố gắng làm sao, trong một kiếp này, đào cho được hòn ngọc quý đang chôn sâu dưới lòng đất vô minh. Bới nó lên, nắm nó trong tay rồi chúng ta mới vui cười. Có người hỏi: “Không biết Bò-tát Địa Tạng cầm hòn ngọc trong tay để làm chi?” Tu thành Bò-tát rồi, phải xả hết, chớ còn cầm hòn ngọc để làm gì? Nhưng đó là một ý nghĩa hết sức thâm trầm. Địa là đất, Tạng là chôn giấu. Hòn ngọc quý đó đang chôn giấu ở dưới đất vô minh phiền não. Chúng ta chịu khó bươi móc những vô minh phiền não ra rồi chúng ta sẽ có hòn ngọc quý, giống như ngài Địa Tạng đang nắm nó ở trong tay vậy.

Là người học đạo chúng ta không nên buồn, không nên lo thân này già chết, chúng ta chỉ buồn lo: Tại sao chúng ta cứ dung dưỡng vô minh? Tại sao chúng ta cứ chừa chấp phiền não? Vô minh phiền não còn đây thì không bao giờ chúng ta thấy được hòn ngọc quý. Thế nên chúng ta phải phá dẹp vô minh để cho hòn ngọc quý hiện tiền, như vậy mới là một đời tu xứng đáng. Không làm được việc đó thì đừng mong chúng ta được an vui.

Bao nhiêu năm rồi chúng tôi giảng đông giảng tây, giải Kinh giải Luận chỉ cốt làm sao cho quý vị nhận ra mình có hòn ngọc quý. Ngang đây khi tôi nghỉ giảng dạy rồi, quý vị ráng dùng cây kiếm trí tuệ bươi xới miêng đất phiền não vô minh cho nó nát ra để lấy cho được hòn ngọc quý, đây là thời gian quý vị phải làm. Khi trước quý vị chưa tin mình có hòn ngọc quý nên tôi cố gắng nói cho quý vị tin. Ngày nay quý vị tin rồi, không phải ngang đây là đủ mà quý vị phải ra công đào xới mảnh đất vô minh cho tan nát để thấy hòn ngọc quý của mình. Như vậy mới khỏi uổng công chúng tôi giảng dạy bao nhiêu năm. Nếu quý vị cứ hài lòng biết mình có hòn ngọc quý rồi lo gì, cứ để đó, đi lo chuyện phải quấy hơn thua, thì hòn ngọc cứ bị chôn vùi, tuy quý vị có nó mà không sử dụng được, rồi vẫn chịu khổ đau mãi.

Nỗ lực dẹp hết những chướng ngại để thấy được hòn ngọc là quý vị thành công trên đường tu. Khi ấy quanh năm suốt tháng đều là mùa xuân, tất cả đều là mùa xuân, mùa xuân chân thật. Không còn nữa mùa xuân tạm bợ, xuân trong cái bị thiêu đốt cháy mòn cho đến ngày bại hoại. Chỉ một mùa xuân miên viễn bất sanh bất diệt, xuân đó là thoát khỏi vô thường, xuân đó là vô minh phiền não không còn có mặt nữa.

Mong rằng sang năm mới qua lời nhắc nhở của chúng tôi, tất cả Tăng Ni và Phật tử cố gắng thực hiện sống được mùa xuân miên viễn. Tất cả chúng ta sẽ cười mãi, đến phút tắt thở vẫn còn cười. Đó mới thật là người nhận được hòn ngọc quý nơi mình, đó mới thật là người tu đạo giải thoát.



XUÂN NHÂM THÂN NÓI CHUYỆN CON KHỈ

CHÚC TẾT PHẬT TỬ (1992)

Ngày Xuân năm nay có hai ý nghĩa, ý nghĩa thứ nhất là chúng tôi sẽ đem đạo lý khuyến khích nhắc nhở tất cả Phật tử tinh tấn tu hành, ý nghĩa thứ hai là một ngày Xuân chúng tôi tạm biệt tất cả quý Phật tử, xem như là trong những ngày Xuân từ đây về sau ít có cơ hội chúng ta gặp lại. Không phải tôi từ già để đi theo Phật mà để tôi có thì giờ tu, tôi nói rõ để nhiều vị tướng lâm là tôi trời trắng. Từ khi khởi sự dạy Tăng Ni cũng như Phật tử đến nay, mỗi năm chúng tôi đều dự những buổi lễ đầu Xuân và có những lời nhắc nhở quý Phật tử, nhưng từ năm này tôi không tiếp tục nữa nên xem như là lần Xuân cuối để tôi và quý Phật tử gặp gỡ nhau. Lần này tôi không nói nhiều nhưng tôi tin rằng quý Phật tử nhớ nó là một kỷ niệm sau cùng, quý vị nhớ kỹ ứng dụng tu để đời tu hành của người Phật tử tại gia có kết quả tốt. Thông thường mỗi năm tôi có một đề tài Xuân, năm nay đề tài Xuân nói về con khỉ, vì Nhâm Thân là năm con khỉ. Con khỉ có những ý nghĩa thâm trầm trong đạo Phật nên tôi dùng đề tài này để nói chuyện với quý vị.

Tôi sẽ kể về hai con khỉ, một trong kinh A-hàm và một thuộc về các Thiên sư. Trước hết tôi nói chuyện con khỉ trong kinh A-hàm. Đức Phật kể lại thế này: Có một bầy khỉ khi đi ăn, con khỉ chúa luôn luôn kêu gọi các con khỉ trong đàn phải theo đàn đừng đi riêng lẻ rồi bị nguy hiểm. Nhưng có một con khỉ do đi theo đàn kiếm ăn không được nhiều nên nó buồn và nghĩ rằng: Thôi mình tách đàn đi riêng, biết đâu kiếm được nhiều, ăn ngon hơn, theo đàn không đủ chia. Do đó nó tách đàn đi riêng, nó đi đến đúng chỗ thợ săn đặt mồi, mồi thật là ngon nhưng bên cạnh có mấy cây nhựa làm bẫy. Con khỉ thấy mồi, vì còn nhỏ chưa kinh nghiệm nên nhảy vào chụp mồi. Tay thứ nhất vừa đưa vào liền trúng bẫy nên dính nhựa, nó lúng túng lấy tay thứ hai gỡ (nói tay chớ thật là hai chân trước), nhưng vừa đưa vào liền dính luôn, còn lại hai chân sau, nó lấy chân thứ ba quào cho tróc không ngờ cũng dính vào bẫy, còn chân sau cùng nó nghĩ là còn có thể cứu được nên đưa chân đập mạnh cho bẫy rớt ra, không ngờ lại dính sâu hơn nữa. Bốn chân đều dính vào bẫy, chỉ còn hy vọng dùng miệng gỡ nên nó há miệng cạp để gỡ mấy cái chân, nhưng miệng lại dính luôn. Không biết làm sao, chỉ còn có cái đuôi ngúc ngoắc, nó vận dụng hết sức lấy đuôi giựt ra không ngờ dính luôn cái đuôi. Như vậy sáu bộ phận của con khỉ đều dính chặt vào bẫy nhựa, người thợ săn đến cột chân nó lại quây về. Đó là ví dụ, qua hợp pháp, Phật dạy các thầy Tỳ-kheo và Phật tử phải khéo tu sáu căn. Sáu bộ phận của con khỉ là ví dụ cho sáu căn của chúng ta: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý. Sáu căn nếu an trú trong phạm vi của nó tức là giống như con khỉ theo bầy không bị nguy hiểm. Trái lại nếu sáu căn phóng ra ngoài thì sẽ bị nguy hiểm. Thí dụ như mắt vừa thấy sắc đẹp, chạy theo liền nhiễm trước, đến tai thích tiếng hay, mũi thích mùi thơm, lưỡi thích vị ngon, thân thích xúc chạm, ý chạy theo pháp trần. Sáu bộ phận đó đuổi theo sáu trần gọi là dính mắc, giống như con khỉ dính hết sáu bộ phận vào bẫy. Con khỉ dính hết sáu bộ phận thì thợ săn cột nó quây về, còn chúng ta sáu căn dính với sáu trần rồi thì ma

vương sẽ lôi chúng ta đi. Chúng ta tu để thành Phật chứ không phải tu để thành ma, nếu ma lôi chúng ta thì chúng ta theo ai? - Theo ma! Nhưng ma là gì? Ai cũng tưởng ma có nanh có vuốt, mặt mày rằn ri nhưng không phải, ma khôn lắm, nó trá hình. Những gì đẹp làm cho chúng ta bị lôi cuốn, đó là ma, đừng tưởng là đẹp thật. Nghe tiếng hay tai chúng ta nhiễm, đó cũng là ma. Như vậy sáu trần hấp dẫn lôi cuốn chúng ta, đó là sáu con ma, theo nó thì bị ma dẫn. Trái lại sáu trần dù đẹp dù xấu thế nào chúng ta cũng không màng, không dính, đó là chúng ta làm chủ được thì ma không tài nào lôi kéo chúng ta. Thế là chúng ta thoát được đường ma, thoát đường ma là đi đường Phật, là tu theo Phật. Như vậy quý vị thấy hai con đường, một bên là ma, một bên là Phật, nhưng đường nào dễ đi hơn? Thành thật mà nói thì đường ma hấp dẫn quá. Vì hấp dẫn nên tất cả chúng ta ai cũng thích đi đường ma, nghĩa là thấy cái gì đẹp là muốn được, muốn được tức là bị ma dẫn, bị nó cột hết một chân, vì để được sắc đẹp đó nên việc gì dù tội lỗi cũng vẫn làm, mọi điều xấu ác theo đó mà sanh. Thế nên chúng ta vừa buông lung sáu căn theo sáu trần là chúng ta đã đi theo đường ma, theo đường ma là khó trông cầu giải thoát. Chúng ta bị ma dẫn đi tức là nô lệ nó, trở thành ma em, ma con, ma cháu... Tóm lại hai đường: một bên dính mắc thì bị lôi đi, một bên không dính mắc được tự do tự tại, mà đạo Phật là đạo giải thoát, tự do là nhân của giải thoát.

Chúng ta là người thích tu. Tại sao thích tu? Phải giải thích cho rõ. Thích tu có nghĩa là mong giải thoát, khỏi bị trói buộc. Thí dụ như một cô gái mười tám, mười chín tuổi lại thích đi tu. Người ta hỏi đi tu là thích điều gì? Không lẽ nói nghe tụng kinh hay nên thích, hoặc vào chùa được bánh kẹo nhiều nên thích. Thích đi tu là vì thấy tình cảm ở thế gian cột trói con người trong vòng tài sắc không còn lối thoát. Vì muốn thoát những cột trói đó nên đi tu.

Thí dụ một cô Ni mười bảy, mười tám tuổi ở chùa, khi có việc cần đi đâu thì nói “nay tôi đi chợ mua đồ”, rồi vào mặc áo tràng đi liền không có gì trói buộc cả. Trái lại một cô gái ở ngoài đời cũng khoảng tuổi đó, có gia đình rồi có một đứa bé chừng năm bảy tháng... muốn đi chợ có dễ không? Mượn ai giữ giùm bé đây? Đó là điều thứ nhất, lại không biết mình đi rồi bé có khóc không? Tức nhiên từ đó chúng ta thấy có trói buộc, lại thêm những trói buộc nhỏ nhỏ nữa như trước khi đi phải sửa soạn mặt mày cho kỹ một chút v.v... Trong khi cô Ni thì rất đơn giản, chỉ mặc chiếc áo tràng vào đàng hoàng là đi, không có điều gì bận lòng. Giải thoát là như thế, tức là không bị ràng buộc, mà không buộc ràng đó là vì mình tôn trọng mình, muốn được giải thoát nên mình tu.

Như vậy ý nghĩa tu của đạo Phật là giác ngộ và giải thoát. Giác ngộ là biết lẽ thật. Những gì trói buộc, những gì không trói buộc, chúng ta đều biết rõ, chúng ta không dùng cái trói buộc để tự buộc ràng, chúng ta phải theo cái gì có thể giải thoát khỏi sự buộc ràng nên nói giải thoát là nói tự do. Và lại hiện tại chúng ta được tự do thì khi nhắm mắt chúng ta cũng tự tại nhắm mắt. Nếu quý Phật tử có gia đình, có con, có cháu, khi gần nhắm mắt thì thế nào? Con khóc: Ba ơi Ba! Ba đi bỏ con sao? Cháu gọi: Ông nội ơi! Ông nội chết rồi ai dẫn cháu đi chơi v.v... nghĩa là kẻ này gọi, người kia khóc, xót xa đi không đành, tức là lẩn quẩn trở lại.

Còn những thầy tu đi, đệ tử có thương cũng chỉ rung rung nước mắt chớ không kêu khóc là bỏ con v.v... Thầy đi rồi, nhưng những gì Thầy dạy y theo tu thì được, thế nên mới nhẹ nhàng thanh thoi đi. Đó là tôi nói thí dụ cụ thể cho quý vị thấy mục đích của người tu là giải thoát, tức là không bao giờ chấp nhận sự trói buộc. Nếu sáu căn dính sáu trần là trói buộc! Nếu dính là đi đường trầm luân, không dính là đi đường giải thoát. Đức Phật vạch cho chúng ta thấy rõ hai con đường, quý thầy nhắc quý Phật tử nhớ hai con đường đó, phải chọn mà đi, chớ đức Phật cũng như quý thầy không lôi quý Phật tử được, chỉ quý vị phải tự nhớ.

Từ trọng tâm đó, chúng ta thấy thời đức Phật tại thế, các Tỳ-kheo đi khất thực phải nhìn xuống đất không quá ba thước. Các ngài sợ điều gì? Sợ bị dính, bị nhiễm nên không dám nhìn để giữ mắt. Đến ai nói hay nói dở gì cũng không để ý, giữ tai không dính, nghĩa là cố làm sao tránh dính nhiễm vì biết rằng dính nhiễm là khổ đau trầm luân. Không dính căn nào là đỡ khổ căn ấy, còn nếu dính hết thì hết cứu. Tỉ dụ như hai tay hai chân dính mà còn miệng thì còn kêu bạn bè cứu được, nếu dính luôn miệng thì hết nhúc nhích. Như vậy con đường tu chúng tôi thấy hết sức rõ ràng là ở nơi sáu căn tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thế nên trong kinh Lăng Nghiêm khi đức Phật muốn chỉ điểm quan trọng, căn bản luân hồi sanh tử và căn bản giải thoát Niết-bàn thì không phải chỉ một mình đức Phật mà cả mười phương chư Phật cùng hưởng ứng, đồng thời nói với ngài A-nan: “Sáu căn của ông là cội gốc của luân hồi sanh tử và sáu căn của ông cũng là cội gốc giải thoát Niết-bàn.” Tóm lại trọng tâm của đạo Phật là chỉ chúng ta biết thế nào là giải thoát, thế nào là trầm luân, con đường đó từ đâu có? Phật chỉ cho chúng ta, quý thầy cũng chỉ cho quý Phật tử, nhưng gỡ được, tránh được hay không là quyền của quý Phật tử. Nghĩa là bị nhiễm thì trầm luân, không dính mắc thì giải thoát, đó là cội gốc tu hành. Dầu ai nói có thần thông biến hóa gì mà mắt còn nhiễm sắc, tai còn nhiễm tiếng thì người đó chưa phải giải thoát, chưa phải là người tu chân chánh. Người tu chân chánh là gỡ được sáu căn không nhiễm sáu trần.

Như vậy ý nghĩa con khi hết sức là quan trọng. Phải nhớ con khi dính hết sáu bộ phận, người thợ săn lôi đầu đi đó không giẫy giụa gì được, còn nếu dính vài bộ phận thì còn giẫy giụa được chút ít nhưng cũng phải đi theo. Chỉ không dính mới thật tự do tự tại. Vậy hẳn quý vị biết rõ con đường tu rồi!

Đến con khi thứ hai, con khi trong nhà Thiền. Một hôm ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch đến Thiền sư Trung Ấp, Ngài hỏi: “Bạch Hòa thượng, thế nào là nghĩa Phật tánh?” Thiền sư Trung Ấp đáp: “Ta nói thí dụ cho ông nghe, như có con khi trong cái lồng có sáu cửa, bên ngoài có con khi kêu chéo chéo, con khi ở trong đáp lại chéo chéo, con khi ở ngoài đến phía nào kêu, con khi ở trong cũng hưởng ứng lại liền.” Ngài nói như thế thôi.

Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch đã cảm thông được điều đó, Ngài liền nói: “Bạch Hòa thượng nếu con khi ở trong ngủ thì sao?”

Ngài Trung Ấp liền từ trên toà bước xuống nắm tay ngài Huệ Tịch nói: “Chúng ta thấy nhau rồi, chúng ta thấy nhau rồi!” Hỏi nghĩa Phật tánh mà ngài

Trung Ấp lại nói chuyện con khi ở trong và con khi ở ngoài. Đây tôi giảng rộng, con khi trong là con khi ý thức của chúng ta, con khi ngoài là con khi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bên ngoài có sắc đẹp, vừa chợt thấy thì bên trong ý thức phân biệt liền chạy theo, thế nên ngoài kêu thì trong hưởng ứng. Như vậy sáu cửa, cửa nào ngoại cảnh vừa hiện ra, bên trong đều hưởng ứng cả. Chúng ta có giống như vậy không? Nghĩa là tai vừa nghe tiếng nói, liền dấy niệm phân biệt rồi xét lời nói đó là khen mình hay chê mình. Nếu khen thì vui, chê thì giận, vậy là vừa có âm thanh ý thức liền duyên theo phân biệt, rồi giận, buồn, thương, ghét tiếp theo. Ở mắt, mũi, lưỡi, thân đều như vậy.

Trái lại nếu sáu căn không chạy theo sáu trần thì thế nào? Tức là trường hợp con khi ở trong ngủ, bên ngoài kêu chéo chéo cũng mặc, ngủ thì không phản ứng, không phản ứng là nghĩa Phật tánh hiện tiền. Vì nếu sáu căn không chạy theo sáu trần thì ở mắt có ánh sáng của tánh giác hiện ra nơi mắt, ở tai có ánh sáng của tánh giác hiện ra nơi tai, nơi sáu căn đều có ánh sáng trí tuệ giác ngộ hiện ra. Nếu ý thức vừa dấy khởi chạy theo sáu trần, dính mắc thì tánh giác ẩn khuất. Thế nên Phật tánh không rời sáu căn, hiển lộ ngay nơi sáu căn. Như tôi hay thí dụ cái nhà vào ban đêm, chung quanh đều tối, muốn biết trong nhà có đèn hay không thì phải làm sao? Phải nhìn qua các cửa, nếu nơi cửa có ánh sáng phát ra thì biết bên trong có đèn. Như chùa này ban đêm chúng ta mở một ngọn đèn néon lớn và mở toang các cửa, người bên ngoài đứng phía trước thì thấy ánh sáng ra cửa trước, đứng bên hông thì thấy ánh sáng ra các cửa hông, đứng phía sau thì thấy ánh sáng ra cửa sau, mỗi cửa đều có ánh sáng phát ra... Cái nhà có thể là sáu cửa, năm cửa... Ngọn đèn chỉ có một, ánh sáng phát ra đến năm, sáu. Ánh sáng của cửa cái với ánh sáng của cửa sau thấy như khác nhưng thật không khác, ánh sáng cửa hông, cửa sổ với ánh sáng cửa sau cũng không khác. Tóm lại tất cả ánh sáng đều không có hai.

Cũng thế nơi sáu căn của chúng ta đã sẵn có tánh giác hiển lộ, nhưng vì có sự nhạy cảm nên vừa gặp cảnh, ý thức liền chạy ra hưởng ứng nên che khuất tánh giác hiện có của chúng ta, chúng ta chỉ nhớ phân biệt mà không nhớ cái hằng thấy, hằng nghe. Vậy tu Thiền là gì? Tức là chúng ta luôn luôn dụ dỗ hay là cột con khi ở trong lòng lại cho nó nằm yên, nó ngủ thì con khi ở ngoài chạy đến sáu cửa kêu gì cũng mặc, con khi ở trong vẫn ngủ yên và như thế mọi việc đều an. Đừng để nó thức, nó chạy thì khó mà tu được.

Hiện nay quý vị thấy con khi của quý vị thức hay ngủ? - Thức, lại có vẻ rất tỉnh chớ không phải thức kiêu mơ mơ màng màng, thế nên bên ngoài vừa “chéo chéo” là nó hưởng ứng liền. Vì thế chúng ta dễ quên tánh giác của mình và cứ sống mãi với cái loạn động, cái lãng xãng, đó là nhân của trầm luân. Nếu muốn tu thì không gì hơn là tất cả quý vị phải coi chừng con khi của mình, dụ nó bằng những lời êm ái khuyên lơn, ru cho nó ngủ, ngủ được thì tốt, nếu không được thì lấy dây cột nó lại cho nó khỏi nhảy, khỏi chạy. Không nhảy, không chạy, một lúc mỏi mệt nó cũng phải ngủ, chớ để nó thức nó lanh lẹ quá thì nguy hiểm.

Tóm lại chuyện tu hành của chúng ta nói nghe dài dòng mênh mông, nhưng thật ra không ngoài canh giữ con khí của mình, hay nói cách khác là canh giữ sáu căn của mình đừng để vọng thức chạy theo phân biệt, nói theo tinh thần kinh A-hàm là chúng ta được giải thoát, nói theo Thiên là chúng ta có tánh giác hiển lộ nơi sáu căn. Bên Kinh chỉ nói mình giải thoát mà không biết cái gì giải thoát, còn bên Thiên nói mình giải thoát là vì có sẵn cái không sanh không diệt bên trong, nếu không bị lôi cuốn thì thường hiển lộ.

Vậy giải thoát là chúng ta sống được với cái chân thật hằng giác hằng tri của chúng ta. Còn vọng thức phân biệt là không thật nhưng nó nhạy quá, khôn lanh quá nên cả ngày chúng ta bị nó dẫn dụ, chạy ngược chạy xuôi không ngừng. Bao nhiêu người tu đều sợ dưng không nổi vọng tưởng, nay chúng ta biết sự nguy hiểm của nó, mong tất cả quý Phật tử ý thức dưng nó bằng đủ mọi phương tiện. Dưng một pháp để dưng nó thì đó là sợi dây trời. Nếu không dưng một pháp thì mỗi khi nó muốn chạy, muốn nhảy ra tiếp xúc với cảnh ngoài thì nạt nó một chút, nạt nó im thì thôi, không cột dây làm chi cho cực, lại phải tốn công mở. Nếu nạt nó, nó nằm im tức nhiên chúng ta im luôn không cần nạt thêm nữa. Như vậy quý vị thấy được ý nghĩa tu chưa? Tu Phật là như vậy.

Hôm nay là ngày đầu Xuân cũng là buổi cuối tôi nói chuyện với quý vị Phật tử, nên tôi lấy nền tảng, cội gốc của đạo Phật ra nhắc cho quý vị biết để ứng dụng tu. Vì trăm ngàn pháp môn tu cũng đều qui về cội gốc đó, không có pháp nào khác hơn. Năm vững cội gốc thì tất cả quý vị sẽ tu tiến và chắc chắn sẽ biết rõ mình còn trầm luân hay giải thoát, biết rõ không nghi. Đừng đến chỗ này hỏi, đến chỗ kia cầu, nhất là đừng đi soi căn. Chính tôi đã bị nhiều người đến thưa: Thầy coi căn con tu được không? Ai cũng có tánh giác, chỉ chịu khó dưng cho con khí làm lộng thì tánh giác hiện ra, ai cũng có quyền làm việc đó, thế mà không tự tin, cứ đi hỏi đầu này đầu kia, mất thì giờ, tốn tiền vô ích. Quý Phật tử phải biết rõ ý nghĩa tu, nguồn cội tu là như vậy, đừng để bị người ta gạt. Chúng ta đã bị con khí gạt rồi, nó làm rối loạn tội bởi, lại chạy ra ngoài bị người ta gạt một lớp nữa thì không còn chỗ nào cứu nổi. Quý vị ráng tỉnh táo sáng suốt, biết được gốc của việc tu, từ đó về sau quý vị tự mình cởi, tự mình mở, mở được cái nào là yên lành được cái đó.

Thí dụ lưỡi của chúng ta từ lâu ăn thịt cá quen nên nghe ngon, nay đổi lại ăn chay, ăn rau thì nghe lọt lạt, vậy lưỡi của chúng ta có dính chưa? - Dính vị ngon của cá thịt. Nhưng tôi hỏi quý vị ăn rau có chết không? - Đâu có chết! Ăn rau cũng khỏe, cũng mạnh, cũng hồng hào vậy. Chúng ta biết ăn cá thịt thì lưỡi nghe ngon nhưng rồi cũng chết, nhưng ăn rau không hại loài vật còn ăn cá thịt là hại chúng nó. Bữa ăn nào không có thịt gà, thịt vịt v.v... là buồn, vậy là vì lưỡi mà chúng ta giết hại chúng sanh. Nếu gỡ được lưỡi tức là ăn cá cũng được, ăn rau cũng được, ăn để mà sống là quý vị gỡ được một chút, gỡ được một chút là được tự do một chút. Đến chùa dọn rau thì ăn rau, về nhà dọn gì ăn nấy không buồn, không bực. Quý vị hiểu cho thật rõ, gỡ một cái là yên một việc, tự do được một việc. Gỡ lưỡi tuy khó nhưng dễ hơn gỡ mắt và tai, hai căn này dính nhiều lắm, nếu gỡ được xem như gỡ được nửa phần, những căn khác tuy khó mà dễ, như mũi lâu lâu mới thoáng mùi

một chút, lưỡi thì đến bữa ăn mới nếm nên có chừng mực, chỉ mắt và tai luôn hiện hữu, thấy việc này việc kia, nghe chuyện này chuyện nọ luôn, nên Phật dạy phải tu hai căn đó trước. Hiện nay Phật tử chúng ta đa số tu cái lưỡi nhiều, tập ăn chay... Ăn chay nhưng ai nói tức cũng giận muốn cãi lại, đó là chưa biết tu lỗ tai. Đến mắt thấy cái gì đẹp cũng thích, như vậy mắt cũng chưa tu, chỉ tu cái lưỡi một chút. Tuy nhiên được chút nào cũng đỡ chút ấy, vẫn hơn không tu. Nhưng điều hay nhất là phải tiến chớ đừng giậm chân một chỗ, từ tu được lưỡi rồi lần lần đến mũi, tai, mắt, tu thế nào mà không dính mắc gì cả, con khi của chúng ta nằm ngủ yên lành ở trong thì khi ấy chúng ta tự do tự tại, không còn gì sợ sệt.

Như vậy là đường lối tu hành tôi đã nhắc cho quý vị nghe, hiểu, mong rằng tất cả nhớ để ứng dụng tu. Nói nhiều nghe rồi quên hết không lợi bằng nói ít mà quý vị nhớ và tu được. Năm nay là năm con khỉ, quý vị nhớ hai con khỉ tôi vừa kể, ráng giữ đúng như lời Phật, lời chư Tổ dạy thì quý vị sẽ an lành tự tại ngay trong đời này, không cần đến đời sau, đời sau nữa. Con khỉ bên trong ngủ rồi, con khỉ bên ngoài có làm lộng gì mình cũng không nhúc nhích, đó là giải thoát tự tại ngay trong đời này. Đó là lời nhắc nhở cuối của tôi.

Vậy hôm nay nhân quý Phật tử đến chúc mừng ngày đầu Xuân, tôi nhắc nhở tất cả quý vị ứng dụng tu và tôi cũng xin ngày nay coi như là tạm biệt quý vị. Quý vị nhớ lời tôi dạy, y như thế tu là đủ rồi, cũng như tôi có mặt. Nếu tìm tôi mà không chịu gỡ các căn thì cũng không lợi gì. Quý vị phải gỡ từ từ để cho mình được tự do tự tại, đó là biết ứng dụng lời tôi dạy, là đền ơn tôi rồi. Mong tất cả quý vị cố gắng.



MỤC LỤC

❖ Lời Đầu Sách.

1. Trọng Trách Người Tu Phật (Tất niên Kỷ Ty 1990)
2. Ngày Xuân qua các Thiên sư Việt Nam (Xuân Canh Ngọ 1990, Tăng Ni)
3. Khổ vui qua con mắt kẻ mê người tỉnh (Xuân Canh Ngọ 1990, Buổi nói chuyện với Phật tử)
4. Những chương nạn của đức Phật (Tất niên Canh Ngọ 1991)
5. Vẻ đẹp tuyệt trần (Xuân Tân Mùi, Tăng Ni)
6. Biểu tượng hoa sen (Xuân Tân Mùi, Phật tử)
7. Đòi tu của tôi (Tất niên Tân Mùi 1992)
8. Hòn ngọc quý trong núi lửa (Tết Nhâm Thân 1992, Tăng Ni)
9. Xuân Nhâm Thân nói chuyện con khi (chúc Tết Phật tử, 1992)

